

CHIẾN TRANH VIỆT NAM

QUÂN KHU 4 TRONG CHIẾN CUỘC NĂM 1972

Nguyễn Đức Phương

Trung tướng Ngô Quang Trường, Tư lệnh quân đoàn IV và quân khu 4: "*Mặc dù cả hai phía đều bị thiệt hại nặng nề, và tuy QLVNCH tại căn cứ Kompong Trach phải lui binh, địch quân đã phải gánh chịu một thất bại to lớn*" (Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, trang 144; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., 1980).

Trung tướng Lê Đức Anh, Tư lệnh quân khu 9: "*Địp này, trên toàn địa bàn quân khu; ta tiêu diệt nó cũng khá, mà ngược lại, ta bị tổn thất, thiệt hại cũng nhiều*" (Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Hồi Ức, Đại tướng Lê Đức Anh, Trên Chiến Trường Đánh Cho Mỹ Cút, Đánh Cho Ngụy Nhào, trang 225; nxb CTQG, Hà Nội, 2005).

LỜI NÓI ĐẦU

Chiến cuộc năm 1972 là trận chiến lớn nhất trong chiến tranh quốc - cộng. Nhiều tài liệu đã phân tích ba mũi tiến công chính của CS tại Quảng Trị, Kon Tum và Bình Long. Tuy nhiên chiến sự tại vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng trong khoảng thời gian này, chưa được ghi lại đầy đủ. Bài viết này dựa trên 20 trang trong quyển sách của Trung tướng Ngô Quang Trường^[1], để từ đó bổ túc những chi tiết còn thiếu sót hay chưa ghi nhận được vào khoảng cuối thập niên 70 của thế kỷ 20; phân tích những điểm sai lầm; tổng hợp và đối chiếu từ nhiều nguồn tài liệu sau chiến tranh và nhất là từ chính những cựu sĩ quan QLVNCH đã trực tiếp tham chiến. Đây chính là những nguồn tài liệu chính xác và có giá trị nhất.

Chiến tranh được phân tích trên ba mức độ của nghệ thuật quân sự qua bốn trận đánh tiêu biểu. Những ưu và khuyết điểm của cả hai phía được trình bày theo nhận xét của tác giả. QLVNCH, với khả năng thiện chiến, lòng dũng cảm đã biến những sai lầm trên hai cấp độ chiến thuật và nghệ thuật chiến dịch thành chiến thắng.

Trong ước vọng ghi lại và giữ gìn những chi tiết trung thực và chính xác cho cuộc chiến vừa qua, tác giả xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các cựu sĩ quan QLVNCH gồm Trung tá Ngô Đức Lâm, Trung tá Vương Văn Trô, Thiếu tá Nguyễn Văn Răng, Thiếu tá Trương Văn Điền, Thiếu tá Trương Phước Hiệp và Đại úy Phạm Văn Tiết. Bài viết này sẽ khó thành hình như ngày hôm nay nếu không được sự khuyến khích và giúp đỡ của tất cả quý vị.

[1] Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, trang 137-156; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., 1980.

* * *

Năm 1972, quân đội CSBV đã ngang nhiên xé bỏ hiệp định Genève, tung quân vượt vĩ tuyến 17 để xâm lăng VNCH. Cường độ khốc liệt của chiến tranh khiến khoảng thời gian này

thường được gọi là mùa hè đỏ lửa năm 1972. Tài liệu này cho thấy chiến trận tại quân khu 4 của VNCH đã bắt đầu từ mùa xuân năm đó.

Hầu hết các tài liệu đều nhắc đến ba mũi tiến quân chính nhưng cần phải phân biệt rằng CS phát động đến 5 chiến dịch trong cuộc tổng tấn công này^{[1]-[2]} :

- Chiến dịch Bắc Tây Nguyên (30/3-5/6/1972) là hướng phối hợp đầu tiên, bắt đầu từ Tân Cảnh rồi Đắc Tô, Kon Tum và Plei Ku.
- Chiến dịch Nguyễn Huệ (1/4-19/1/1972) là hướng phối hợp thứ nhì với mục tiêu tiêu diệt 3-4 chiến đoàn BB của QLVNCH, chiếm hai tỉnh Bình Long và Phước Long.
- Chiến dịch Bắc Bình Định (9/4-3/5/1972) là hướng phối hợp thứ ba để chiếm tỉnh Bình Định.
- Chiến dịch đồng bằng sông Cửu Long (10/6-10/9/1972) là hướng phối hợp sau cùng, đánh phá bình định trên địa bàn các tỉnh Mỹ Tho, Kiến Tường, Kiến Phong, Gò Công và Kiến Hòa.
- Chiến dịch Trị Thiên (30/3-27/6/1972) là hướng tấn công chủ yếu, mục tiêu đánh chiếm Quảng Trị rồi tiến về phía nam.

Chi tiết về các chiến dịch này đã được phân tích ở một chỗ khác^[3]. Giữa những chiến dịch này, còn có các chiến dịch nhỏ hơn nhưng khá ác liệt, tuy nhiên thường không được nhắc đến, một phần do tầm mức to tát của ba chiến dịch xảy ra tại Quảng Trị, Plei Ku và An Lộc đã che mờ; phần khác do thiếu thông tin. Bởi những lý do vừa kể, tài liệu này nhằm mục đích tổng hợp lại những chi tiết xảy ra tại quân khu 4 của VNCH từ cả hai phía QLVNCH và quân đội CSBV để có thể có một cái nhìn bao quát và chính xác hơn. Phần lớn dựa vào quyển sách của Trung tướng Ngô Quang Trưởng, tuy nhiên nên lưu ý trong phần nói về quân đoàn IV và quân khu 4, quyển sách này chỉ có chi tiết và tương đối chính xác đến khoảng cuối tháng 4/1972 khi ông ra nhận chức vụ Tư lệnh quân đoàn I ngày 3/5/1972. Trong khi đó, các tài liệu của CS thường mang tính cách tuyên truyền nên chỉ được sử dụng để kiểm chứng vị trí và thời gian cùng với ý đồ và những cấp độ trong nghệ thuật quân sự. Những kết quả được ghi lại gần như hoàn toàn không có được độ tin cậy thông thường của sử liệu.

Cường độ chiến tranh tại quân khu 4 đôi khi cũng mãnh liệt đến nỗi có lúc quân đoàn IV/QLVNCH phải sử dụng đến đơn vị trừ bị cuối cùng. Dĩ nhiên, cả hai bên tham chiến đều phạm phải lỗi lầm trong tác chiến nhưng QLVNCH, với khả năng thiện chiến, lòng dũng cảm đã biến những sai lầm trên hai cấp độ chiến thuật và nghệ thuật chiến dịch thành chiến thắng.

Năm 1972, trong khu vực này có bốn trận đánh cần được ghi lại. Hai xảy ra trên đất Cao Miên (Campuchia) và hai trong nội địa VN. Trận có tầm vóc qui mô hơn cả là Kampông^[4] Trach thuộc tỉnh Kampôt của Miên. Hai trận đánh kế tiếp xảy ra khi VC tấn công nhà máy xi-măng Hà Tiên tại Kiên Lương thuộc tỉnh Kiên Giang và chi khu Tuyên Bình, hay còn gọi là trận Long Khốt^[5] thuộc tỉnh Kiến Tường. Trận đánh sau cùng xảy ra khi QLVNCH yểm trợ quân đội Quốc gia Khmer (FANK)^[6] giải tỏa thị trấn Kampông Trabek nằm trên QL-1 từ Xoài Riêng đi bên phả Neak Luong thuộc tỉnh Prey Veng của Miên. Bốn trận đánh có liên quan với nhau trên bình diện chiến dịch sẽ được phân tích theo thứ tự thời gian.

1. TÌNH HÌNH NỘI ĐỊA & NGOẠI BIÊN

Đầu năm 1972, tin tức tình báo ghi nhận sự hiện diện của trung đoàn Z15^[7] từ biên giới đã xâm nhập vào tỉnh Định Tường, trung đoàn Đ2 tại Bạc Liêu và Định Tường 1 cũng hoạt động trong tỉnh Định Tường, trong khi một đơn vị của trung đoàn Đ3 bị phát giác từ Vĩnh Long đã di chuyển về mật khu 487 trong tỉnh Vĩnh Bình.

Trong khi đó thì liên đoàn 4 BĐQ chấm dứt cuộc hành quân dài hai tháng chung quanh Neak Luong ngày 31/1/1972 (địch : 128 chết, 67 bị bắt, 54 vũ khí cá nhân và 8 vũ khí cộng đồng bị tịch thu; bạn : 9 tử trận và 55 người khác bị thương). QLVNCH lui binh khỏi tỉnh Kampông Chàm khiến FANK cũng cho rút lữ đoàn 22 ra khỏi Krek về đóng tại Neak Luong. Tỉnh bị quân CS chiếm giữ từ đó cho đến khi chiến tranh chấm dứt.

Ngày 4/1, lữ đoàn 4 KB chấm dứt cuộc hành quân dài một tháng (địch : 54 chết, 42 bị bắt, 22 vũ khí cá nhân và 1 vũ khí cộng đồng bị tịch thu; bạn : 4 tử trận và 5 người khác bị thương). Ngày 15/1, sư đoàn 7 BB chấm dứt giai đoạn 1 của cuộc hành quân Cửu Long 7 (địch : 111 chết, 34 bị bắt, 26 vũ khí cá nhân và 4 vũ khí cộng đồng bị tịch thu; bạn : 15 tử trận và 126 người khác bị thương). Giai đoạn 2 tiếp tục ngay sau đó nhưng vùng hành quân chuyển sang hai tỉnh Định Tường và Kiến Hòa. Ngày 7/1, liên đoàn 42 BĐQ chấm dứt cuộc hành quân Cửu Long 44 dài tám ngày (địch: 26 chết, 21 bị bắt, 30 vũ khí các loại bị tịch thu; bạn : vô sự). ĐPQ của quân khu 4 phát động hành quân Đồng Khởi trên nhiều tỉnh trong 4 ngày 13-15/1 với kết quả địch : 439 chết, 55 bị bắt, 239 vũ khí các loại bị tịch thu; bạn : 61 tử trận và 295 người khác bị thương[8].

Sau Tết và trong suốt tháng 3, VC chỉ có những hoạt động lẻ tẻ, tấn công các đồn bót hẻo lánh. QLVNCH mở cuộc hành quân Đồng Khởi trong 3 ngày 7-9/2 với kết quả, địch : 225 chết, 41 bị bắt; bạn : 12 tử trận và 117 người khác bị thương. Thủy lôi được ghi nhận được VC sử dụng lần đầu tiên tại Tân Châu, gây hư hại nhẹ cho một tàu chở dầu lên Nam Vang.

Nhân dịp Tết nguyên đán, chính phủ VNCH tuyên bố ra lệnh ngừng bắn trong 24 giờ, bắt đầu từ 18.00 giờ ngày 14/2/1972. VC tuyên bố ngừng bắn trong 96 giờ, cùng ngày nhưng bắt đầu từ 1 giờ sáng.

Ngày 9/3, QLVNCH tổ chức cuộc hành quân Toàn Thắng 8 tại phía bắc tỉnh lỵ Xoài Riêng và chấm dứt ngày 29/3 (địch : 764 chết, 29 bị bắt, 1117 vũ khí cá nhân và 37 vũ khí cộng đồng, 871 tấn gạo, 49 tấn muối, 73 ngàn mét giấy điện thoại và 21 ngàn lít xăng bị tịch thu; bạn : 9 tử trận và 67 người khác bị thương)[9]. Ngày 20/3, VC pháo kích và tấn công tỉnh lỵ Prey Veng và Neak Luong.

Khoảng giữa tháng 4, FANK tăng cường lực lượng tại Neak Luong để cố gắng giải tỏa QL-1 đi Kampông Trabek nhưng không thành công.

Ngày 18/5, tin tức tình báo cho biết VC tập trung tại Túc Mía (Tuk Meas)[10] phía bên kia biên giới Việt - Miên nên BTL quân đoàn IV cho trực thăng vận hai tiểu đoàn BĐQ vào hành quân tại Thất Sơn để ngăn chặn VC xâm nhập vào hai tỉnh Châu Đốc và Kiên Giang. Ngày hôm sau thêm một tiểu đoàn BĐQ và một chi đoàn thiết kỵ vào trận. Không có đụng độ nào đáng kể do địch quân tránh giao tranh.

Ngày 19/5, hai đại đội thuộc trung đoàn 52, sư đoàn 1 tấn công Kiên Lương. QLVNCH sử dụng một tiểu đoàn BĐQ, một thiết đoàn và ba tiểu đoàn ĐPQ tái chiếm thị trấn ngày 24/5. Hai ngày sau, QLVNCH mới chiếm lại được nhà máy xi-măng. Ngày 27, khu vực chung quanh mới hoàn toàn an ninh. Tình hình chung tại BK 44 tương đối yên tĩnh cho đến cuối tháng.

Trong khi đó, ba trung đoàn 18B, 95A và Đ1 uy hiếp Chương Thiện vì trung đoàn 15 của sư đoàn 9 BB đã di chuyển lên quân khu 3. Đến cuối tháng 5, ĐPQ mới đẩy lui được địch quân.

Ngày 1/6, 8 phi vụ đánh vào khu Túc Mía do tin tức tình báo cho biết có sự hiện diện của quân CS trong vùng. BĐQ vào vùng hành quân và chạm địch. Kết quả có 133 cán binh VC bị thiệt mạng, lực lượng hành quân có 6 binh sĩ bị tử trận và 17 người khác bị thương.

Sư đoàn 5 VC vừa được lệnh di chuyển xuống vùng châu thổ sông Cửu Long thì ngày 10/6, QLVNCH đã bắt được tù binh và biết ngay tin tức này. Ngày hôm sau, hai trung đoàn của sư đoàn 5 VC tấn công chi khu Long Khốt. Thiếu tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, vừa mới thay thế Trung tướng Trương lập kế hoạch phản công. Ông ra lệnh cho BTL sư đoàn 7 cùng với hai trung đoàn lên hành quân vùng Chân Tượng trong khi QLVNCH củng cố hệ thống phòng thủ tại Định Tường.

Chỉ mấy ngày sau, VC đánh chiếm Kampông Trabek, tạo áp lực lên đoạn QL-1 của Miền từ khu Mỏ Vẹt đi Neak Luong. Đến tháng 7 thì chỉ Xoài Riêng và Neak Luong còn nằm trong tay quân chính phủ (FANK). Một cuộc hành quân do QLVNCH tổ chức để yểm trợ giải tỏa khu vực này. Khoảng 22 ngày sau thì QLVNCH đã giải tỏa hoàn toàn QL-1 và trao lại cho FANK để rút về VN.

Cũng trong tháng 7, QLVNCH bắt đầu phản công tại Quảng Trị.

Đầu tháng 7/1972, sư đoàn 7 tổ chức hai cuộc hành quân. Một do trung đoàn 10 phụ trách, được trực thăng vận lên hành quân dọc theo QL-1 của Campuchia ngày 4/7. Trong khi đó, hai tiểu đoàn BĐQ và một thiết đoàn KB phối hợp với hai lữ đoàn quân đội Quốc gia Khmer hành quân giải tỏa đoạn Neak Luong - Kampông Trabek. Ngày 19/7, chi đoàn 3/2 thiết kỵ cùng với một tiểu đoàn BĐQ từng thiết theo ngã Cái Cái tiến vào đất Campuchia đánh thẳng vào Kampông Trabek. Thị trấn được giải tỏa ngày 24/7. Lực lượng hành quân để lại một tiểu đoàn BĐQ để yểm trợ FANK, tất cả còn lại rút về VN vì sư đoàn 5 VC đang gây áp lực tại tỉnh Định Tường.

Trung đoàn 12 bắt đầu cuộc hành quân vùng Chân Tượng ngày 3/7. Cuộc hành quân đụng độ với trung đoàn 271 VC. Địch quân có 115 cán binh bị hạ, lực lượng hành quân có 9 tử trận và 46 người khác bị thương. Ngày 8/7, QLVNCH tiến đến Kampông Rou. Ngày hôm sau, trung đoàn 12 được lệnh rút trở lại VN vì tỉnh Định Tường đang bị áp lực của ba trung đoàn Đồng Tháp 1, 215 và 218.

Ngày 8/7, trung đoàn 215 VC tấn công chi khu Sầm Giang thuộc tỉnh Định Tường. Chiến trận kéo dài được 5 ngày thì BTL/QĐ 4 cho tăng cường 4 tiểu đoàn ĐPQ và 1 tiểu đoàn BĐQ. VC tiến gần đến chợ quận thì QLVNCH với yểm trợ của trực thăng Việt - Mỹ chặn đứng. Ngày 10/7, lực lượng tăng viện đụng độ với VC. Hai bên bị thiệt hại nặng. VC rút lui ngày 13/7. Ngày hôm sau, trung đoàn 10 thuộc sư đoàn 7 BB truy kích đã hạ sát được 18 VC.

Trong khi đó, tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 14, sư đoàn 9 BB bị trung đoàn 95A phục kích tại Chương Thiện với thiệt hại nặng, 87 binh sĩ bị tử thương, 102 bị thương và 106 mất tích.

Ngày 18/7, hai tiểu đoàn 67 và 76 BĐQ bị trung đoàn 275 VC tập kích với tổn thất 36 binh sĩ bị tử trận, 53 bị thương và 53 mất tích.

Ngày 25/7, quân đoàn IV cho thành lập một BTL Tiền phương để đối phó với tình trạng gia tăng cường độ hoạt động của địch. Chuẩn tướng Nguyễn Thanh Hoàng được chỉ định phụ trách BTL/TP quân đoàn IV đặt tại căn cứ Đồng Tâm với hai mục đích chủ yếu :

- Điều động các hoạt động hành quân trong vùng

- Ngăn cản mọi hoạt động xâm nhập của VC vào lãnh thổ VNCH.

BTL này điều động sư đoàn 7 BB, một chiến đoàn gồm 5 tiểu đoàn BĐQ, lực lượng diện địa của tiểu khu Định Tường và trung đoàn 15 thuộc sư đoàn 9 BB tăng phái.

Ngày 27/7, một cuộc hành quân gồm nhiều tiểu đoàn được tổ chức tại phía tây-bắc tỉnh Định Tường. Phi cơ B-52 dội bom trong suốt hai ngày 26-27 khiến trung đoàn 24 VC bị thiệt hại nặng. Hai ngày sau, hai tiểu đoàn 43 và 44 BĐQ vào vùng hành quân đã đụng độ với trung đoàn VC này. Trận đánh kéo dài ba ngày với kết quả, địch có 100 người chết, bạn có 13 binh sĩ bị tử trận. Một cuộc chạm súng thứ nhì ngay sau đó khiến 23 cán binh CS bị chết. Lực lượng hành quân còn tìm được 53 xác địch quân bị chết từ trước.

Hai trung đoàn 1, 3 của sư đoàn 5 VC cố gắng xâm nhập vào hành lang dọc theo kinh Nguyễn Văn Tiếp (kinh Thập Mười) để tiếp cận hai tỉnh Kiến Tường và Định Tường. Tư lệnh sư đoàn ra lệnh để lại tất cả các trang bị nặng tại hậu cứ sư đoàn ở Chí Phù để thích hợp với vận động chiến. Không có đụng độ lớn cho đến ngày 1/8, hai trung đoàn 1, 3 của sư đoàn 5 bất ngờ đánh chiếm các đồn Thày Yên, chùa Phật Đá, kinh Nguyễn Văn Tiếp và vùng Thiên Hộ. Trong khi trung đoàn 2 của sư đoàn 5 tiêu diệt lữ đoàn 66 của quân Lon-Nol tại phum Krang Swai gần Kampông Som.

Đầu tháng 8, BB và ĐPQ hành quân tảo thanh mật khu Trí Pháp. Ngày 3/8, trung đoàn 12 hạ sát 67 địch quân tại phía bắc Cai Lậy. Đêm kế tiếp, một đơn vị thuộc sư đoàn 7 BB giết 110 VC thuộc trung đoàn 174, sư đoàn 5 tại Kiến Tường.

Ngày 3/8, một tiểu đoàn ĐPQ tại Định Tường báo cáo hạ sát 32 địch quân và khám phá một hầm chôn 30 xác bị chết bởi bom. Cùng trong ngày, trung đoàn 14 đụng độ với trung đoàn Đồng Tháp 1. Địch bị hạ sát 18. bạn có 17 tử trận và 58 bị thương. Trong hai ngày 4-5/8, trung đoàn 12 hạ sát 170 VC của trung đoàn 24. Trong hai ngày 8-9/8, trung đoàn 14 đụng độ với VC khiến 35 binh sĩ bị tử thương. Thiệt hại của địch không rõ. Ngày 10/8, tỉnh Định Tường ghi nhận giết được 128 địch quân, tịch thu được 68 vũ khí cá nhân, 8 vũ khí cộng đồng và 4 súng cối.

ĐPQ tỉnh Định Tường báo cáo có tất cả 71 lần đụng độ trong ngày 24/8. Địch quân có 222 bị chết, 75 vũ khí các loại bị tịch thu.

Ngày 25/8, hai đại đội thuộc trung đoàn Z15 ra ngăn chặn QL-4 tại phía tây Cai Lậy, đụng độ với một trung đoàn BB đang di chuyển hành quân cùng với thiết đoàn KB. Trận tao ngộ chiến kéo dài trong ba giờ. QLVNCH có 4 binh sĩ bị thiệt mạng, 21 người bị thương, một đại bác 105 ly bị phá hủy. Địch quân có 51 xác cán binh bỏ lại trận địa, hai tù binh bị bắt.

Đến cuối tháng 8, hai trung đoàn 1 và 3 của sư đoàn 5 trở lại vùng Sầm Giang, Cái Bè và Cai Lậy, đánh chiếm các đồn bót dọc kinh Lagrange[11] và QL-22, phát triển theo QL-4. Thủy Mỹ Tho bị áp lực nặng của VC, QL-4 nối với Sài Gòn có thể bị cắt đứt, Tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh sư đoàn 7 BB điều động 2 tiểu đoàn 502 và 503 ĐPQ, tiểu đoàn 41 BĐQ và thiết đoàn 12 tấn công giải tỏa khu vực Thạnh Trị - Ba Thu - Tà Lu; đưa trung đoàn 10 của sư đoàn 7 phối hợp với 2 thiết đoàn càn quét khu vực Cái Bè. Trung đoàn 1, sư đoàn 5 bị thiệt hại nặng. Bùi Thanh Vân (Út Liêm), Tư lệnh sư đoàn 5 bị tử trận.

Trên chiến trường ngoại biên, tài liệu của CS ghi nhận cuộc phản công hành quân Angkor Chey của quân đội Lon Nol bắt đầu từ tháng 8 năm 1972. Lực lượng tham dự chỉ khoảng hai trung đoàn (5 tiểu đoàn quân đội CSBV và 5 tiểu đoàn Khmer đỏ[12]).

Thực tế là quân đội Quốc gia Khmer mở hai cuộc hành quân vào đầu năm 1972. Đầu tiên là hành quân Prekta, phối hợp với QLVNCH để giải tỏa QL-1 của CPC[13]. Cuộc hành quân thứ nhì là Angkor Chey khai diễn ngày 29/1 để giải tỏa áp lực của quân CS trong vùng Đé Thiên-Đé Thích (Angkor Wat). Cuộc hành quân kéo dài đến ngày 21/2 thì bị quân CS chặn đứng. Ngày 20/3, quân CSBV quay sang tấn công tỉnh lỵ Prey Veng và căn cứ Neak Luong đồng thời pháo kích Nam Vang. Ngày 7/4, Khmer đỏ cắt đứt QL-7 nối Prey Veng với Neak Luong. Năm tiểu đoàn FANK đang được huấn luyện tại VNCH được tức tốc mang về nước để giải tỏa áp lực địch dọc theo QL-1 nhưng vẫn không khai thông được. Quân CSBV vẫn còn chiếm giữ Kampông Trabek. Bên phía đông, QLVNCH bắt đầu đụng độ với quân CSBV gần Kampông Trach. Thị trấn được báo cáo rơi vào tay quân CS ngày 30/4/1972. Giữa tháng 5, FANK vẫn chưa chiếm được vùng Đé Thiên - Đé Thích[14].

Ngày 4/7, FANK và QLVNCH khai diễn cuộc hành quân Sorya I dọc theo QL-1 của CPC. Kampông Trabek được tái chiếm khoảng gần cuối tháng. Thiệt hại của trung đoàn 207 VC trong cuộc hành quân này đã được một cán binh ghi lại như sau[15] :

"Chiến dịch Sory [sic] 2 giải phóng thị xã Kom Pong Trà Bét và trận đánh Phum chàm, hơn 100 cán bộ chiến sĩ của trung đoàn đã hy sinh cũng đều mai táng rải rác trên cánh đồng CPC và gần chùa Prây Rằm Long".

Sau đó, khi hai lữ đoàn 11 và 66 của FANK chuẩn bị khai diễn cuộc hành quân Sorya II thì được tin cấp báo, VC lần đầu tiên sử dụng các chiến xa ra ngăn chặn QL-1, chia cắt hai lữ đoàn của FANK.

Tài liệu của CS cho biết có đưa một tiểu đoàn cơ giới chứ không phải là một tiểu đoàn chiến xa lên tham dự các trận đánh trên đất Miên. CĐT chi đoàn 3/2 phân tích sự kiện này[16] :

"Từ sau HD Paris cho đến hết năm 1974 tôi hoạt động tại vùng này. Tin tức quân Bắc Việt có chiến xa là không chính xác. Nó chỉ cần đóng ván ép chung quanh vài chiếc máy cày rồi nhá nhá ra cho khỏi bụi mù, thế là mấy đại đơn vị của Miên quảng súng mà chạy ! Có một lần ngay cả BCH thiết đoàn của tôi cũng bỏ chạy như thế. Hôm đó (đầu năm 1974) chúng tôi hoạt động ở khu tây-nam Svay Rieng khoảng 10 km. Chi đoàn tôi đi sau cùng, đến xế chiều đang nằm chờ lệnh rút trở về nội địa thì phi cơ L.19 báo hình như có chiến xa của VC xuất hiện ở phía bắc. Thế là BCH thiết đoàn bỏ chạy, nhìn thấy họ chạy băng băng giữa đồng trống về hướng tôi, tôi làm như không biết đó là thiết đoàn, điều động chi đoàn dàn hàng ngang theo kiểu sẵn sàng giao chiến. Thế là ThĐT lên tiếng bảo đừng bắn nhầm, vì đó là thiết đoàn !".

CĐT chi đoàn 1/16 cũng có cùng nhận xét[17] :

"Nhiều lần VC đánh lừa và định hù dọa bộ binh của mình trên đất Miên bằng cách dùng khoảng 3 xe máy cày, ở trên đặt súng thượng liên, phía sau cột mấy chà cây khô, kéo theo tung bụi mù, chạy xa xa và bắn. Một lần tại phía bắc Kompong Ru tôi cho 5 M.113 đuổi theo bắn nát hai chiếc, chúng vác súng chạy mất. Lần khác tại biên giới quận An Phú, Châu Đốc, chúng cho một đàn trâu, phía sau cột nhiều chà cây, xong chúng lừa đàn trâu từ đất Miên về hướng vùng hành quân của mình. Bộ binh la hoảng là chiến xa địch tấn công. Tôi cho đại bác 106 ly bắn vào, đàn trâu hốt hoảng chạy ngược trở lại hướng VC".

Một sĩ quan thuộc tiểu đoàn 1/10, sư đoàn 7 BB đã ghi nhận tại mặt trận Kampông Rou trên đất Campuchia[18] :

"Độ một giờ sau, tôi cùng thương binh, tử sĩ được đưa ra bãi trực thăng tàn thương. Chúng tôi đợi một hồi lâu mà trực thăng chưa đáp xuống được vì bị đạn địch pháo từ hướng Tây về nổ rất gần. Bất chợt, L19 quan sát báo cho biết thiết giáp của địch đang tiến về hướng chúng tôi. Lúc đó, mạnh ai nấy chạy về vị trí phòng thủ đêm cách bãi trực thăng tàn thương độ 200 thước bỏ lại thương binh trong có cả tôi ở nơi bãi bốc. Tôi lom còm ngồi đây, vớ một thân cây thay gậy chạy cả thọt một cách rất khó khăn, cố gắng lắm mới lết về đến vị trí phòng thủ. Giây phút nặng nề trôi qua, L19 tái xác nhận là địch dùng xe bò nguy trang thành thiết giáp để đánh lừa chúng ta".

Một vài thông số có liên quan đến các loại thiết giáp thông dụng trong chiến tranh Việt Nam được so sánh trong Bảng 1 để nhận định về khả năng VC có thể đưa thiết giáp xuống gần biên giới Việt - Campuchia.

BẢNG 1 - THÔNG SỐ VỀ CÁC LOẠI THIẾT GIÁP THÔNG DỤNG

LOẠI	TRỌNG LƯỢNG [kg]	ÁP LỰC MẶT ĐẤT [kg/cm ²]	BỀ NGANG [m]
TVX M-113	11 156	0.55	2.87
THỦY XA PT-76	14 000	0.48	3.15
CHIẾN XA M-48A3	47 133	0.83	3.06
CHIẾN XA T-54	36 000	0.89	3.37

Việc làm giả chiến xa để hù dọa QLVNCH có lẽ từ ý nghĩ của các cấp chỉ huy địa phương của VC hơn là chủ trương chính thức từ BTL Miền. Quan sát các thiết đoàn KB tại quân khu 4 của VNCH hoàn toàn không có chiến xa thì có thể đoán biết lý do chiến xa không thích hợp với vùng sông nước. Tháng 8/1966, Đại tướng Johnson, TMT lục quân Mỹ chấp thuận một đề án nghiên cứu do Thiếu tướng A L West, Jr. phụ trách, có chủ đề là "Hành quân Tác chiến bằng Cơ giới và Thiết giáp tại Việt Nam", viết tắt là MACOV[19]. Một trong những vấn đề được nghiên cứu là thể đất của miền Nam VN. Sơ đồ 1-2 là kết quả nghiên cứu cho thấy khoảng 61 % thể đất có thể sử dụng chiến xa và các đơn vị yểm trợ trong mùa khô. Trong mùa mưa, chiến xa và các đơn vị yểm trợ chỉ có thể di chuyển trên 46% lãnh thổ miền Nam. Riêng thiết vận xa thì có thể di chuyển trên khoảng 65% lãnh thổ trong suốt năm. Nhìn Sơ đồ 1, người ta có thể thấy ngay cả trong mùa khô, chiến xa của CS nếu đưa được vào gần biên giới Việt - Campuchia thì vẫn không thể chạy qua vùng biên giới. Bề ngang các cầu thông thường tại đồng bằng sông Cửu Long đều hơn 4 m nên không có vấn đề với thủy xa PT-76. Nếu TVX/M-113 qua cầu được thì sẽ không có trở ngại về tải trọng của cầu đối với PT-76 (xem áp lực mặt đất trong Bảng 1 trên). Tháng 4/1975, trong những trận đánh sau cùng của trung đoàn 12 thuộc sư đoàn 7 BB, nhiều thủy xa PT-76 bị bắn hạ tại Long An cho thấy tin tức về sự hiện diện thiết giáp của VC trong vùng biên giới Việt - Campuchia là có căn cứ[20].

Ngày 6/7, lần đầu tiên một trực thăng của không quân Campuchia bị hỏa tiễn SA-7[21] bắn hạ (xem Hình 1-2).



Hình 1: Hỏa tiễn phòng không SA-7



Hình 2: Tác xạ Hỏa tiễn SA-7

Ngày 4/8, QLVNCH cho trực thăng vận một tiểu đoàn BB xuống địa điểm cách Cái Cối 22 km về phía đông-bắc đồng thời một tiểu đoàn khác làm lực lượng tủng thiết cho một chi đoàn KB tiến bằng đường bộ vào đất Campuchia. Ngày hôm sau thêm một tiểu đoàn BĐQ được tăng cường cho lực lượng hành quân. Chạm súng lẻ tẻ với trung đoàn 207 được ghi nhận trong hai ngày 5-6/8. VC có 52 cán binh bị bắn hạ.

Bản tin của hãng thông tấn AP cho biết ngày 6/8/1972, Bộ Tư lệnh Quân sự Mỹ thông báo phi cơ Mỹ phá hủy 9 chiến xa của CS cách Kampông Trabek khoảng 4 dặm Anh về phía tây. BTL quân đội Cộng hòa Khmer cho biết không quân của họ phá hủy 4 chiếc khác^[22].

Ngày 10/8, trung đoàn 11 đụng độ với khoảng một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 174 tại một vị trí cách Mộc Hóa khoảng 15 cây số về phía bắc. Địch quân có 222 người chết. Bạn có 15 binh sĩ bị tử trận.

Ngày 16/8, liên đoàn 7 BĐQ lên giải vây cho căn cứ Kampông Trabek của Quân đội Cộng hòa Khmer. Ngày 23/8, QLVNCH bắt tay được với lực lượng phòng thủ và rút trở lại

VN hai ngày sau đó để có thể đưa liên đoàn BĐQ này ra tăng cường cho quân khu 1 ngày 2/9/1972.

Trong hai tháng 9 và 10, các hoạt động hành quân tại quân khu 4 tập trung vào ba mục tiêu :

- Ngăn chặn sự xâm nhập của sư đoàn 1 vào vùng Thất Sơn
- Ngăn chặn hai đường xâm nhập 1A và 1B vào mật khu Trí Pháp
- Tìm và diệt các đơn vị chủ lực của VC trong khu vực ở giữa và phía nam tỉnh Định Tường.

Ngày 2/9, hai tiểu đoàn BĐQ cùng với hai chi đoàn KB hành quân vào Thất Sơn. Ngày hôm sau, một tiểu đoàn BĐQ thứ ba được trực thăng vận thẳng vào vùng hành quân. BTL/BK 44 được di chuyển đến Trung tâm Huấn luyện Chi Lăng để điều khiển cuộc hành quân này. Cuộc hành quân được khoảng một tháng nhưng chỉ có những cuộc chạm súng lẻ tẻ. Trung đoàn 31 thuộc sư đoàn 21 BB được tăng phái cho BK 44 để kéo dài đồng thời mở rộng vùng hành quân về phía tây từ ngày 22/9.

Ngày 8/9, quân CS chiếm lại Kampông Trabek sau khi QLVNCH lui binh. Quân CS thừa thắng tiến về hướng Nam Vang. FANK ngăn chặn được các đặc công CS nhưng bị mất 7 thiết vận xa M-113.

Trong khi đó, sư đoàn 7 BB hành quân vùng Chân Tượng trên phía bắc, khám phá được kho chứa 125 tấn gạo và 215 vũ khí các loại trong hai ngày 14-15/9.

Ngày 13/9, lực lượng diện địa của quân đoàn IV báo cáo tiêu diệt được 116 địch quân thuộc trung đoàn Z18 trong địa phận tỉnh Định Tường.

Trên khu vực biên giới, tiểu đoàn 3/10 hạ sát 109 địch quân ngày 6/10 tại một vị trí nằm cách Kampông Trabek 13 km về phía đông-nam. Tiểu đoàn có 2 binh sĩ bị tử trận và 11 người bị thương. Năm ngày sau, cũng đơn vị này giết được 59 VC trong khi có 9 binh sĩ bị tử trận và 48 người bị thương. Tài liệu tịch thu được cho biết cả hai lần đụng độ với trung đoàn 207 VC. Sư đoàn 7 BB nâng lực lượng hành quân lên hai trung đoàn.

Ngày 17/10, trung đoàn 275 VC trở lại tấn công chi khu Sầm Giang nhưng bị đẩy lui, bỏ lại 34 xác. Lực lượng trú phòng có 4 tử thương và 32 bị thương.

Ngày 23/10, trung đoàn 11 đụng độ với một đơn vị hậu cần và khám phá hầm chứa 300 cuốc, 1000 xẻng và 7 đại liên phòng không. Địch có 42 cán binh bị chết. Bên có 10 binh sĩ bị tử trận và 35 thương binh.

Ngày 4/10, BĐQ Biên phòng được phi cơ yểm trợ đã hạ sát 54 VC trong một cuộc hành quân tại Thất Sơn. Không có tổn thất được ghi nhận về phía bạn.

Ngày 24/10, quân đoàn IV cho di chuyển lực lượng từ khu vực Cái Cái xuống ranh giới hai tỉnh Định Tường - Gò Công để giải tỏa áp lực của trung đoàn 24 VC. Hai tiểu đoàn BĐQ được đưa đến phía tây-bắc tỉnh Kiên Giang để truy tìm dấu vết của trung đoàn 52, sư đoàn 1. Trong khi đó, trung đoàn 14 đụng độ với trung đoàn 6, sư đoàn 5 VC khiến 32 binh sĩ bị tử thương, 36 bị thương. VC có 57 cán binh bị hạ. Ngày 30/10, một tiểu đoàn ĐPQ giết được 48 VC của trung đoàn 6 nhưng chỉ có 5 binh sĩ bị thương tại một địa điểm cách Cai Lậy 14 km về phía tây-bắc.

Hòa đàm Paris bị bế tắc từ trước được mở lại ngày 19/6/1972. Đại diện của chính quyền Hà Nội đưa ra đề nghị mới nhằm chấm dứt chiến tranh. Phía Mỹ tuyên bố sẽ cố gắng đạt được thỏa hiệp trước ngày 31/10/1972. Do đó, VC gia tăng hoạt động trên khắp lãnh thổ quân khu 4 để chuẩn bị chiếm thời cơ khi cho rằng hiệp định Paris sắp được ký kết. Tháng 10 năm 1972, Tư lệnh quân khu 9 của VC cho tập trung 4 trung đoàn 1, 2, 10 và 20 về hoạt động chung quanh tỉnh Chương Thiện. Chỉ để lại trung đoàn 3 hoạt động tại khu vực Vĩnh-Trà (hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh). Sở chỉ huy quân khu trú tại phía tây-nam Long Mỹ, di chuyển lưu động trên ba xã Lương Tâm, Vĩnh Viễn và Xà Phiên thuộc quận Long Mỹ, tỉnh Chương Thiện[23]. Bây giờ huyện Long Mỹ thuộc tỉnh Hậu Giang.

Chỉ có một trận đánh lớn được ghi nhận trong khoảng thời gian này khi trung đoàn 14 (TrĐT là Đại tá Lê Trung Thành) thuộc sư đoàn 9 BB tiêu diệt một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 207 VC, bắt được 73 tù binh tại rạch Đá Biên, quận Mộc Hóa, tỉnh Kiến Tường[24]. Trung đoàn 207 từ Mỏ Vẹt vượt sông Vàm Cỏ Tây để xâm nhập vào lãnh thổ VNCH. Khi qua rạch Đá Biên thì bị phát giác. Một cuộc oanh tạc được thực hiện ngay sau đó. Tiểu đoàn 1 nằm lại chiến đấu để BCH trung đoàn và các đơn vị còn lại rút lui nên đã bị tiêu diệt. QLVNCH tổ chức hành quân trong vùng nên đến 12 ngày sau, trung đoàn 207 mới có thể cho trinh sát trở lại tìm kiếm thương binh và chôn cất các cán binh bị tử trận.

Một cán binh của trung đoàn 207 xác nhận chi tiết của trận đánh này như sau[25] :

"Đặc biệt trận đánh 31/10/1972 tại cù lao Long Khánh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Gần 400 cán bộ chiến sĩ của trung đoàn hy sinh. Đại đa số đều bị chết chìm dưới sông Cửu Long, lúc vượt sông ban đêm. Khi xác anh em nổi lên đã trôi dạt trải dài từ Hồng Ngự, dọc theo sông Tiền đi qua các vùng Thanh Bình, Chợ Mới, Cao Lãnh, Sa Đéc, Tiền Giang, Bến Tre và trôi ra biển. Nhân dân gặp xác đầu đem lên chôn đó và chẳng biết gốc tích là ai, riêng ở địa phận huyện Hồng Ngự thì nhân dân biết là thân xác của bộ đội trung đoàn 207, do vậy sau hòa bình tỉnh Đồng Tháp quy tập về các nghĩa trang Thường Thới Tiền, nghĩa trang biên giới Tam Nông, đều ghi trên mộ vòm vện E207 không tên, không tuổi, không quê quán".

Tổng thống VNCH đã dùng trực thăng đáp xuống trận địa, gần Mỹ An để thị sát chiến trường[26]. Vị trí này nay tọa lạc tại ấp Đá Biên, xã Thanh Phước, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An[27].

Một tài liệu của VC bị tịch thu ngày 24/9/1972 tại Bình Dương (tọa độ XT 787293[28]) cho thấy nghị quyết 13 của ủy ban thường vụ Trung ương cục miền Nam ra lệnh đưa quân đội CS vào chiếm giữ các vị trí trọng yếu, phá hoại chương trình bình định và kế hoạch VNHCT, qua hai giai đoạn[29] :

- Giai đoạn 1 kéo dài trong hai tháng 9-10/1972 nhằm giành dân, chiếm đất.
- Giai đoạn 2 kéo dài trong hai tháng cuối của năm 1972 là giai đoạn quyết định cuộc chiến tranh một khi có thỏa thuận hòa bình (hiệp định Paris). VC dự trù chính quyền hòa hợp và hòa giải dân tộc chỉ hiện diện ở cấp trung ương mà thôi. Sau khi ngừng bắn, cán bộ VC sẽ cất dấu vũ khí và len lỏi vào nắm các chức vụ tại địa phương.

Tài liệu trên cũng cho biết người ký tên trong tài liệu là Nguyễn Phú Quốc đã thay thế Chín Vinh (Trần Độ) trong chức vụ chính ủy quân giải phóng miền Nam[30].

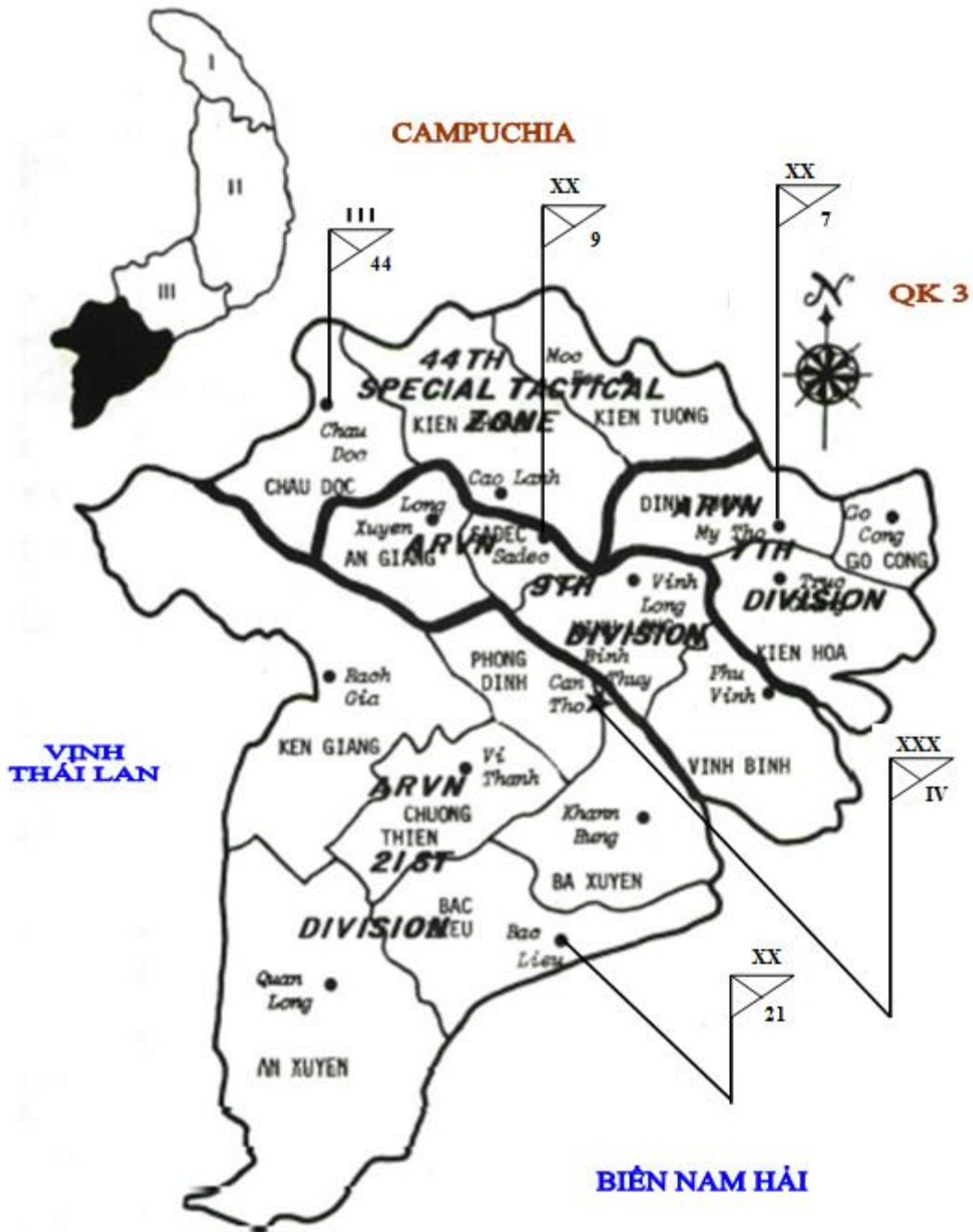
Hiệp định Paris được ký kết ngày 27/1/1973.

2. DIỄN TIẾN

2.1. Phân bố lực lượng

2.1.1. QLVNCH

An ninh lãnh thổ quân khu 4[31], gồm 16 tỉnh của VNCH được phân chia trách nhiệm cho 3 sư đoàn BB của quân đoàn IV. Riêng đặc khu Phú Quốc do Bộ Tư lệnh Đặc nhiệm Hải quân phụ trách, được tăng phái một tiểu đoàn quân cảnh và một tiểu đoàn ĐPQ (xem Sơ đồ 3).



SƠ ĐỒ 3 : VÙNG LÃNH THỔ TRÁCH NHIỆM CỦA 3 SƯ ĐOÀN BB & BIỆT KHU 44 THUỘC QUÂN KHU 4 CỦA VNCH (không vẽ theo tỉ lệ)

Sư Đoàn 7 (gồm 3 trung đoàn 10, 11, 12 BB và thiết đoàn[32] 6 KB, xem Hình 3-6) với BTL đặt tại căn cứ Đồng Tâm, gần thị xã Mỹ Tho, chịu trách nhiệm 4 tỉnh Kiên Phong, Kiên Tường, Định Tường và Gò Công. Khu vực này bao gồm hai đường xâm nhập chủ yếu của VC từ lãnh thổ Miên vào VNCH. Đường 1A len theo ranh giới giữa hai tỉnh Kiên Phong và Kiên Tường để vào mật khu Trí Pháp, là khu vực giáp ranh giữa ba tỉnh Kiên Phong, Kiên Tường và Định Tường. Đường 1B phát xuất từ tỉnh Xoài Riêng của Campuchia đi qua Đồng Tháp Mười, cũng để xâm nhập vào mật khu Trí Pháp.

Sư Đoàn 9 (gồm 3 trung đoàn 14, 15, 16 BB và thiết đoàn 2 KB) với BTL đặt tại Sa Đéc, sau dời về Vĩnh Long, chịu trách nhiệm 4 tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc, Vĩnh Bình và Kiến Hòa.

Sư Đoàn 21 (gồm 3 trung đoàn 31, 32, 33 BB và thiết đoàn 9 KB) với BTL đóng tại Bạc Liêu, chịu trách nhiệm 5 tỉnh Phong Dinh, Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên, Chương Thiện và khu vực phía nam của tỉnh Kiên Giang, kể cả tỉnh lỵ Rạch Giá.

Để giảm bớt trách nhiệm an ninh diện địa cho ba sư đoàn chủ lực của QLVNCH hoạt động trên lãnh thổ của quân khu 4, Biệt khu 44 được thành lập ngày 1/1/1968[33]. Biệt khu có trách nhiệm bảo vệ an ninh cho khu vực biên giới Việt - Miên, kéo dài từ Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang đến khu vực Mỏ Vẹt tiếp giáp biên giới hai tỉnh Kiên Tường - Hậu Nghĩa; bao gồm 3 tỉnh còn lại của quân khu 4 là Kiên Tường, Kiên Phong, Châu Đốc[34]. BTL/BK 44 đặt tại thị xã Cao Lãnh thuộc tỉnh Kiên Phong, Vị trí lúc ban đầu chỉ có những dãy nhà do quân đội Pháp để lại. Sau đó một khu vực khang trang hơn được xây cất thêm, làm nơi đồn trú cho BTL/BK, toán 50 cố vấn thuộc BTL Viện trợ Quân sự Mỹ tại VN (MACV) và một đơn vị thuộc tiểu đoàn 52 Truyền tin của quân đội Mỹ. BCH của tiểu đoàn này đặt tại Cần Thơ (xem Hình 7-12).



Bộ Tư Lệnh Biệt Khu 44 lúc mới thành lập



BTL/BK 44 dưới một góc nhìn khác



Bộ Tư Lệnh Biệt Khu 44



Ảnh từ trái sang phải là Chuẩn tướng **Trần Văn Hai** (1927-1975), Tư lệnh biệt khu 44 từ năm 1969 đến năm 1971; Trung tướng **Ngô Quang Trưởng** (1929-2007), Tư lệnh quân đoàn IV và Chuẩn tướng **Nguyễn Khoa Nam** (1927-1975), Tư lệnh sư đoàn 7 BB. Người sưu tầm ảnh trên cho rằng bức ảnh được chụp năm 1972, tuy nhiên có lẽ phải chụp trước đó vì nguyên CKT chi khu Hà Tiên xác nhận năm 1972, Đại tá Hoàng Đức Ninh đã thay thế Đại tá Hai trong chức vụ Tư lệnh BK 44 (Điện thoại viễn liên với cựu Thiếu tá Trương Phước Hiệp ngày 25/3/2012).



Thiếu Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi



Huy Hiệu Biệt Khu 44

Lực lượng chiến đấu chính của Biệt Khu 44 là một liên đoàn biệt động quân và 8 tiểu đoàn BĐQ Biên Phòng. Tài liệu của cố vấn trưởng ghi nhận lúc cao điểm của mùa hè đỏ lửa, BK 44 chỉ huy 13 tiểu đoàn BĐQ, 4 thiết đoàn và các đơn vị pháo binh tương đương với 4 tiểu đoàn[35].

BK 44 giữ nhiệm vụ duy trì hai căn cứ tiền phương trên đất Cam-Bốt là Neak Luong và Kampông Trach, do các đơn vị BĐQ trấn giữ. Neak Luong nằm trên quốc lộ 1 đi từ Nam Vang đến thị trấn Bavet gần vùng biên giới Việt - Miên. Bến phà Neak Luong ở phía tả ngạn của sông Cửu Long và cách thủ đô Nam Vang khoảng 61 km về phía đông-nam. Căn cứ Kampông Trach cách Hà Tiên khoảng 19 km về phía bắc.

Trong vùng lãnh thổ trách nhiệm của BK 44 có ba đường xâm nhập của CS từ đất Miên vào lãnh thổ VNCH. Đường đầu tiên xâm nhập từ ngoài biển vào gần Kép trên đất Miên rồi qua ngã Lục Sơn vượt biên giới Việt - Miên vào xóm Bà Lý. VC vào trú ẩn trong khu vực núi Tà Bang, Giếng Tượng, núi Thom, Hoành Tấu, Tà Hong ở phía tây Hà Tiên[36]. Đường thứ nhì là đường giao thông công khai do ban K26 phụ trách, cũng bắt đầu từ Sóc Chuốt trên đất Miên hay từ Neak Luong xuống Tân Châu, Hồng Ngự thuộc tỉnh Kiến Phong, Vàm Xáng thuộc tỉnh Châu Đốc, rồi đi khắp các tỉnh thành của quân khu 4 VNCH. Đây là đường xâm nhập lâu đời nhất, có từ những năm đầu tiên của Đế Nhất Cộng Hòa. Cán bộ giao liên VC sử dụng giấy tờ giả mạo để đưa rước cán bộ (được gọi là chỉ thị sống) cao cấp đi họp, chuyển vùng, chuyên chở văn bản (chỉ thị cứng), luật cơ yếu (mật mã truyền tin), tiền bạc, súng đạn, xăng dầu, v.v. Hệ thống giao thông công khai có tất cả 316 người trong năm 1959, năm 1963 giảm còn 191 người. Số cán bộ nhiều nhất là 377 người năm 1974. Phương tiện giao thông gồm xuồng chèo, xuồng máy, ghe buồm, xe, tàu đò. VC cũng gặp phải những ngăn chặn liên tục của VNCH mà điển hình là một số vị trí xâm nhập trong địa phận tỉnh Kiên Giang (tỉnh Rạch Giá của VC) được đổi tên để nói lên những khó khăn, nguy hiểm khi phải vượt qua như Biển Bạch (thuộc quận Thới Bình, tỉnh An Xuyên) là sông "Bạc Đầu", sông "Lộ Cả Tháng" là sông Cái Lớn và khu dinh điền Cái Sắn hay kinh Vĩnh Tế có tên là kinh "Vĩnh Biệt"[37]. Đường xâm nhập sau cùng, quan trọng nhất là đường 1C từ Sóc Chuốt, Túc Mía trên đất Miên vượt qua kinh Vĩnh Tế xuống rừng tràm Trà Tiên, theo kinh Kháng Chiến trên ranh giới giữa hai tỉnh Kiên Giang và Long Xuyên, đi qua xã An Hoà, Dương Hòa, Kiên Lương xuống xã Đức Phương, Tín Đạo trên LTL-80, chạy dọc theo kinh Hà Tiên - Rạch Giá. Vượt kinh Ba Thê xuống xã Tà Keo, ấp Mỹ Lâm, vượt qua LTL-8A Long Xuyên - Rạch Giá tại Ấp Tân Lợi, xã Tân Hội, quận Kiên Tân cách Rạch Giá khoảng 15 cây số (km15), sau đó vượt kinh Rạch Sỏi - Hậu Giang, theo kinh B và kinh Ông Trường Tiền, ranh giới thiên nhiên giữa hai quận Thốt Nốt của tỉnh An Giang và quận Kiên Tân của tỉnh Kiên Giang (dọc theo phía đông của khu dinh điền Cái Sắn), đi ngang qua xã Giục Tượng rồi theo kinh Nước Mặn xuống Miệt Thứ[38], Hiếu Lễ, Thụy Liễu thuộc tỉnh Chương Thiện. Sau cùng qua sông Cái Lớn để đi xuống hậu cần tại U Minh trong tỉnh Kiên Giang[39]. Đơn vị VC chủ yếu hoạt động trong vùng là sư đoàn 1[40] với 3 trung đoàn BB. Trung đoàn 52 hiện diện thường xuyên trên đường 1C trong khi hai trung đoàn 44 và 101Đ hoạt động trong vùng Thất Sơn của tỉnh Châu Đốc (xem Sơ đồ 4).

Để phòng thủ quân khu 4, BTL quân đoàn IV đặt ra 3 tuyến chính :

- Tuyến biên giới với hai căn cứ Kampông Trach và Neak Luong, chủ yếu đoạn từ Tân Thành, Cái Cối, Tuyên Bình, sông Vàm Cỏ Tây đến căn cứ Tuyên Nhơn do Biệt Khu 44 phụ trách.
- Tuyến kinh Dương Văn Dương (Gây, Kinh Quận, Kiến Bình), kinh Lagrange (Tuyên Nhơn), kinh Tháp Mười (Mỹ An, Thiên Hộ, Mỹ Phước Tây) và kinh Tổng đốc Lộc (Long Định, chợ Thày Yên, Bến Tranh) do hai trung đoàn 11 và 12 thuộc sư đoàn 7

BB và các liên đội ĐPQ đảm trách. Nằm ở vị trí trọng yếu để bảo vệ QL-4, lực lượng diện địa của tỉnh Định Tường năm 1972 gồm có 67 đại đội ĐPQ, 368 trung đội nghĩa quân và 397 NDTV, 8 trung đội pháo binh 105 ly[41].

- Tuyến QL-4 (Thế 23 thuộc chi khu Cái Bè, Cai Lậy, Long Định, ngã ba Trung Lương, Mỹ Tho, Tân Hiệp) là trách nhiệm của sư đoàn 7 BB và lữ đoàn 4 KB.

Gần cuối năm 1974, Bộ TTM đệ trình kế hoạch cải tổ binh chủng BĐQ để tổ chức lực lượng tổng trừ bị cho QLVNCH, với viễn ảnh hai sư đoàn Dù và TQLC có thể phải đóng quân lâu dài tại quân khu 1. Do tình hình an ninh vùng biên giới Việt - Miên trở nên khả quan hơn, hai trung đoàn 52 BB và 44 đặc công bị tổn thất nặng trong những trận đánh trong vùng Thất Sơn nên đã bị giải tán. Trung đoàn 101Đ chỉ còn khoảng 200 cán binh nên phải rút sang đất CPC vào tháng 9/1973 để tái trang bị và bổ sung quân số. Do đó, CS phải cho giải tán sư đoàn 1 vào cuối năm 1973[42]. Tình trạng an ninh được cải tiến nên BK 44 được giải tán vào cuối năm 1974. Các tiểu đoàn BĐQ trực thuộc được đưa sang các quân khu khác.

2.1.2. Quân đội CSBV & Việt Cộng

2.1.2.1. Địa bàn chiến dịch

CS chia lãnh thổ VNCH thành 4 vùng và gọi là mặt trận. Mặt trận B1 thường được gọi là quân khu 5 bao gồm 7 tỉnh Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Bổn, Phú Yên và Khánh Hòa. Mặt trận B3 là vùng cao nguyên Trung Phần gồm 3 tỉnh Kon Tum, Plei Ku và Đắc Lắc. Mặt trận B4 hay mặt trận Trị Thiên gồm hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên. Mặt trận B2 bao gồm toàn bộ các tỉnh còn lại của VNCH kéo dài từ Đà Lạt trên phía Bắc đến tận An Xuyên ở phía Nam và hai đảo Côn Sơn, Phú Quốc. Như vậy mặt trận B2 bao gồm một phần lãnh thổ của quân khu 2 và toàn thể lãnh thổ của hai quân khu 3 và 4 của VNCH. 3/4 chiều dài biên giới Việt-Miên thuộc vùng trách nhiệm của mặt trận B2.

Để thích ứng với cường độ chiến tranh, VC lại chia mặt trận B2 thành bốn quân khu. Quân khu 6 hay còn gọi là khu cực nam Trung Bộ gồm lãnh thổ 6 tỉnh của VNCH là Quảng Đức, Tuyên Đức, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy. Quân khu 7 hay còn gọi là Khu 1 là miền Đông Nam Bộ gồm các tỉnh Phước Long, Bình Long, Tây Ninh, Long Khánh, Bình Dương, Hậu Nghĩa, Biên Hòa và Phước Tuy. Quân khu 8 hay còn gọi là Khu 2 là vùng Trung Nam Bộ gồm các tỉnh Long An, Kiến Tường, Kiến Phong, Định Tường, Gò Công và Kiến Hòa. Quân khu 9 hay còn gọi là Khu 3 là vùng Tây Nam Bộ gồm các tỉnh An Giang, Châu Đốc, Kiên Giang, Sa Đéc, Vĩnh Long, Phong Dinh và An Xuyên.

Bài viết này chỉ chú trọng đến những gì xảy ra tại quân khu 4 của VNCH nên chỉ đề cập đến hai quân khu 8 và 9 của VC.

2.1.2.2. Các chiến dịch

Trước khi đề cập đến các trận đánh tại quân khu 4 trong năm 1972, có lẽ nên liệt kê chi tiết về các chiến dịch của quân CS trong thời điểm này, để từ đó người ta có thể liên kết được những sự kiện của các trận đánh với nhau và những hệ lụy tiếp theo sau đó (xem Bảng 2). Chi tiết Cửa Việt được ghi ở cuối Bảng 2 để đánh dấu trận đánh cuối cùng được CS cho là thời điểm chấm dứt cuộc TCK năm 1972 của họ.

Trong cuộc TCK năm 1972, ngoài những chiến dịch chính, CS còn tung ra các chiến dịch tiến công tổng hợp để đánh phá kế hoạch bình định của VNCH. Tại vùng đồng bằng sông Cửu

Long có chiến dịch chính là Nguyễn Huệ với trọng điểm là QL-13. Chiến dịch tiến công tổng hợp đánh phá các tỉnh thuộc hai quân khu 8 và 9 của VC.

Chiến dịch Nguyễn Huệ bắt đầu từ đầu tháng 4/1972 với mục tiêu chủ yếu là đánh phá bình định 4 tỉnh của miền đông là Tây Ninh, Phước Long, Bình Long và Bình Dương. Hướng chính là Lộc Ninh, An Lộc, QL-13. Hướng phụ là QL-22. BTL Miền lập ra BCH Đoàn 301 tương đương cấp quân đoàn để chỉ huy mặt trận này. Bộ chỉ huy chiến dịch gồm có : Trung tướng Trần Văn Trà là Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy; Đại tá Đồng Văn Cống là Phó Tư lệnh; Đại tá Trần Văn Phác là Phó Chính ủy; Đại tá Lê Ngọc Hiền là Tham mưu trưởng; Đại tá Bùi Phùng là Chủ nhiệm hậu cần.

Lực lượng tham dự gồm ba sư đoàn 5, 7, 9; ba trung đoàn biệt lập 24, 205 và 271; ba trung đoàn địa phương 14, 16 và 33; trung đoàn 4329 đặc công; trung đoàn 42 thuộc đoàn pháo binh 75, hai tiểu đoàn xe tăng thiết giáp, bốn tiểu đoàn cao xạ; 20 tiểu đoàn và 63 đại đội địa phương của các tỉnh, huyện trong địa bàn chiến dịch.

Các chiến dịch tổng hợp phức tạp hơn vì do BTL các quân khu phác thảo, điều động và tùy thuộc vào sức mạnh của lực lượng địa phương cũng như phản ứng của QLVNCH.

Tài liệu của CS sau chiến tranh cho thấy họ không nắm vững chi tiết khi phân tích những gì xảy ra trên địa bàn hai quân khu 8 & 9 (quân khu 4 của VNCH) trong giai đoạn này. Một số tài liệu cho rằng đây là chiến dịch Nguyễn Huệ II như tài liệu được trích đoạn sau đây^[43] :

“Chiến dịch Nguyễn Huệ II được tổ chức thành nhiều cao điểm kéo dài từ tháng 4 đến tháng 6-1972. Địa bàn U Minh và Chương Thiện được xác định là trọng điểm 1, Vĩnh Long và Trà Vinh là trọng điểm 2 của chiến dịch. Ngoài ra ở các tỉnh ta cũng xác định một số khu vực trọng điểm mà những khu vực này có liên quan trực tiếp đến trọng điểm chiến dịch như: Giồng Riềng (Rạch Giá), Mỹ Xuyên (Sóc Trăng), Long Mỹ (Cần Thơ). Mục tiêu chiến dịch được xác định là giải phóng cơ bản U Minh, Cà Mau, mở một số mảng ở Chương Thiện để làm bàn đạp tiến công phá thế bình định, kìm kẹp của địch; mở một số mảng ở vùng lúa Bạc Liêu, Cần Thơ, tạo ra những cơ sở vững chắc để phát triển tiến công và nổi dậy mở rộng vùng giải phóng ở miền Tây Nam Bộ”.

Trong khi một số tài liệu khác lại gọi đây là giai đoạn 100 ngày (7/4-17/7/1972) tiến công và nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long, khi viết^[44] :

"Từ đầu tháng 4 năm 1972, hòa nhịp với cao trào tiến công và nổi dậy của quân và dân toàn miền Nam, quân và dân đồng bào sông Cửu Long tiến công phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở vùng biên giới từ kênh Vĩnh Tế (Hà Tiên) đến vùng Mỏ Vẹt (Kiến Tường), đánh bật tuyến ngăn chặn của chúng trong nội địa ở vùng U Minh dài hơn 100 km, đồng thời chọc thủng tuyến phòng thủ nhiều tầng, nhiều lớp ở vùng Đồng Tháp Mười. Quân và dân đồng bằng sông Cửu Long đánh mạnh ở Cà Mau, Mỹ Tho, Bến Tre, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, v.v."

Để tránh những điểm không rõ ràng như vậy, người ta có thể tập trung nghiên cứu những hoạt động của từng quân khu 8 và 9 của VC.

(Xem Các Chiến Dịch ở phần Phụ Lục cuối trang)

[1] D Andradé, Trial By Fire - The 1972 Easter Offensive, America's Last Vietnam Battle; Hipocrene Books, New York, 1995.

[2] Đại tá, thạc sĩ Phạm Vĩnh Phúc & nhiều người khác, Tóm Tắt Các Chiến Dịch Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước (1954-1975), trang 279-352; nxb Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 2001.

[3] Nguyễn Đức Phương, Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập 1963-1975, trang 550-612; nxb Làng Văn, Canada, 2001.

[4] Kampong hay Kampung là tiếng Mã Lai, xuất hiện từ năm 1844 có nghĩa là làng hay xã. Bang Selangor ở phía tây Mã Lai hiện vẫn còn nhiều thị trấn mang tên Kampung như Kampung Jenderam, Kampung Lenang, Kampung Sungai Buah, v.v. Trong chiến tranh thường được viết là Kompong, có lẽ do ảnh hưởng từ thời Pháp thuộc.

[5] Địa danh Long Khốt bắt nguồn từ đoạn thượng lưu của sông Vàm Cỏ Tây khi chảy qua các quận của tỉnh Long An, làm ranh giới thiên nhiên giữa hai tỉnh Long An và Xoài Riêng (Svaay Rieng), còn được gọi là sông Tam Dỡng, nếu phát âm theo tiếng Miên là Long Khốt.

[6] Cũng cần nên biết sơ qua về quân đội Khmer, khi lãnh đạo bởi Lon-Nol được gọi là quân đội Quốc gia Khmer (Forces Armées Nationales Khmères hay FANK). Năm 1972, FANK có quân số khoảng 200000 và được tổ chức thành 12 lữ đoàn mà phần lớn trú đóng tại phía nam nước Campuchia (CPC). Không quân có 154 phi cơ các loại trong khi hải quân có 69 tàu và chiến đĩnh.

Yếu điểm lớn nhất của quân đội này là sự bành trướng quá nhanh chóng từ năm 1971, khi Thống chế Lon-Nol yêu cầu Mỹ giúp đỡ kế hoạch gia tăng quân số lên 600 000 quân và một lực lượng bán vũ trang là 53 000 người. Kết quả là có một khoảng cách quá to tát giữa giấc mơ và hiện thực, thêm vào đó là tệ nạn mà quân đội các nước chậm tiến trong thời chiến thường mắc phải, nạn lính kiểng, lính ma và buôn bán quân dụng bất hợp pháp (Lieutenant General Sak Sutsakhan, The Khmer Republic at War and the Final Collapse, trang 45-46; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., 20 November 1978).

Năm 1970, lãnh thổ Campuchia được chia thành 6 quân khu và tăng lên 9 khi hiệp định Paris được ký kết. Mỗi quân khu bao gồm địa phận từ 1 đến 5 tỉnh.

Để bảo vệ an ninh diện địa của mình và yêu cầu về chiến lược của Mỹ, hai nước Thái Lan và VNCH đã giúp huấn luyện các đơn vị FANK. QLVNCH còn trực tiếp tham chiến khi tình hình đòi hỏi, trên khắp vùng biên giới Việt - Miên. Trong khi quân đội Thái chiến đấu tại Long Chẹn, cánh đồng Chum, Xiêng Khoảng của Lào.

[7] Tình báo Mỹ cho rằng trung đoàn Z15 đặc công chính là trung đoàn 88 (Intelligence & Security Division, DCSOPS, Daily Intelligence Review, 17 April 1972; item No. 1070312021, <http://www.virtual-archive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb,24/2/2012>).

[8] General 1972-3 MAC-V CMD History Part 2, trang 29; item No. 168300010829, <http://www.virtualarchive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb,9/2/2012>.

- [9] Lieutenant General Sak Sutsakhan, The Khmer Republic at War and the Final Collapse, tài liệu đã dẫn trước, trang 101.
- [10] Touk Meas là một thị trấn của tỉnh Kampôt trong khi Kampông Trach là một quận của tỉnh Kampôt, nằm giáp giới với VN, cách tỉnh lỵ Kampôt khoảng 35 km về phía đông.
- [11] Lagrange là Chánh tham biện tỉnh Tân An thời Pháp thuộc. Kinh nổi liền Ấp Bắc (bây giờ là thị trấn Tân Thành của tỉnh Đồng Tháp) với chi khu Tuyên Nhơn (ngày nay là thị trấn Thanh Hóa cũng thuộc tỉnh Đồng Tháp).
- [12] Cũng tương tự như quân CS tại miền Nam VN, Khmer đồ gọi lực lượng vũ trang của họ là quân đội cách mạng (Kangtoap Padevoat) hay quân giải phóng (Kang kamlang avutpracheachon rumdos cheat Kampuchea).
- [13] K Conboy & K Bowra, The War in Cambodia 1970-1975, trang 7; Osprey Publishing Ltd., UK, 1989.
- [14] W P Deac, Losing Ground to the Khmer Rouge; Vietnam Magazine, December 1996.
- [15] Vũ Trung Kiên, Ký ức và Cảm Nghĩ; Bài Viết 25/12/2011, <http://www.e207.com.vn/index.php/bai-vit/ngha-tinh-ng-i/189-ky-c-va-cm-ngh.html>, 13/4/2012.
- [16] Điện thư của cựu Thiếu tá Trương Văn Điền gửi cho tác giả ngày 4/3/2012.
- [17] Điện thư của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 5/3/2012.
- [18] Lê Ngọc Danh, Trận Đánh Compongrou-Kampuchea Của Tiểu Đoàn 1/10, trang 253; Nguyễn Mạnh Trí tổng hợp, Nguyễn Khoa Nam, Hội Phát Huy Văn Hóa Việt Nam ấn hành, California, 2001.
- [19] General D A Starry, Mounted Combat in Vietnam, trang 84-85; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., 1989.
- [20] Trần Văn Lưu, Trận Chiến Cuối Cùng Của Quân Đoàn IV, trang 317; Nguyễn Mạnh Trí tổng hợp, Nguyễn Khoa Nam, Hội Phát Huy Văn Hóa Việt Nam ấn hành, California, 2001.
- [21] SA-7 là loại hỏa tiễn phòng không vác vai do Nga chế tạo năm 1964 và đặt tên là 9K32 Strela-2 (Стрела có nghĩa là mũi tên). Mỹ gọi là SA-7, còn khối Minh ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) đặt tên là Grail. Quân đội CSBV gọi là A-72. Hỏa tiễn dài 1.4 m, đường kính 72 mm, nặng 9.9 kg. Tầm bắn của SA-7 từ 500 đến 1500 m. Cao độ từ 18 m đến 4 500 m. Vận tốc bay là 430 m/giây. Áp dụng nguyên lý đầu dò tầm nhiệt, SA-7 bám theo luồng khí xả của động cơ máy bay hoặc sức nóng của động cơ trực thăng mà bám vào để nổ tung phá hủy mục tiêu. Biến dạng đầu tiên Mod 0 không có bộ phận lọc nhiệt để phân biệt giữa nguồn nhiệt thật và giả (bẫy nhiệt) do đó hỏa tiễn không thể tác xạ mục tiêu cách khoảng mặt trời 20°. Cũng không thể tác xạ khi mục tiêu có góc độ nhỏ hơn 5°. Năm 1971, Nga cho ra đời biến dạng Strela-2M (Mỹ gọi là SA-7b trong khi khối NATO đặt tên là Grail Mod 1) với bộ phận lọc nhiệt và cải tiến đầu đạn để kiểm soát đồng bộ các mảnh đạn sau khi nổ. Năm 1974, quân đội Nga được trang bị hỏa tiễn 9K34 Strela-3 mà NATO gọi là SA-14 Gremlin. Hỏa tiễn có hai đặc tính để cải tiến khả năng của loại Strela-2. Sử dụng đầu dò hồng ngoại tuyến để chống các bẫy nhiệt hiệu quả hơn. Quan trọng nhất là hỏa tiễn có thêm bình khí nén nitrogen với công dụng tìm các mục tiêu nguội (không quá nóng) ở tầm xa hơn và có vận tốc nhanh.

[22] South Vietnamese Retake 5 Hamlets; The Daily Register, Monmouth County, New Jersey, 7 August 1972.

[23] Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Hồi Úc, Đại tướng Lê Đức Anh, Trên Chiến trường Đánh Cho Mỹ Cút, Đánh Cho Ngụy Nhào, trang 239; nxb CTQG, Hà Nội, 2005.

[24] Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 153.

[25] Vũ Trung Kiên, Ký Úc và Cảm Nghĩ; Bài Viết 25/12/2011, tài liệu đã dẫn trước.

[26] Nguyễn Phùng, Đồi Dòng Tiểu Sử; <http://sd9bb.tripod.com>, 20/4/2012.

[27] Nguyễn Hoài Nam, Miếu Bắc Bò và Những Ông Thành Hoàng Đội Mũ Cối; <http://e24.com.vn>, 20/4/2012.

[28] Vị trí nằm giữa QL-13 và TL-2A, cách Bến Cát khoảng 7 km về phía đông-nam.

[29] Bulletin No. 50, Captured Enemy Documents, 5 October 1972, Subject: Directive 13 Originated by COSVN and Vietcong Preparation for the Postwar Period; item No. 11271628046, <http://www.virtualarchive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb>, 11/2/2012.

[30] Có lẽ phó chính ủy thì đúng hơn vì Lê Văn Tường (Hai Chân) thay Trần Độ đang giữ chức Phó Chính ủy BCH Miền khoảng năm 1974 (Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Hồi Úc, Đại tướng Lê Đức Anh, Trên Chiến Trường Đánh Cho Mỹ Cút, Đánh Cho Ngụy Nhào, tài liệu đã dẫn trước, trang 249).

[31] Theo sắc lệnh số 614b-TT/SL ngày 1/7/1970, các vùng và khu chiến thuật được bãi bỏ. Hệ thống quân khu được tái lập.

[32] Một thiết đoàn gồm có BCH thiết đoàn và 3 chi đoàn thiết kỵ. Ngoài 3 chi đoàn cơ hữu, BCH thiết đoàn còn có :

- 4 thiết vận xa (TVX) thuộc BCH/ThĐ
- 2 TVX chỉ huy M-577
- 1 TVX/M-578 trang bị cần trục
- 1 chi đội yểm trợ với 4 TVX/M-106 trang bị súng cối 4.2 (107 ly) M30
- 1 chi đội xe phun lửa với 3 TVX/M-132.

Mỗi chi đoàn thiết kỵ (chi đoàn TVX/M-113) gồm có 22 xe được tổ chức như sau :

- 2 TVX/M-113 chỉ huy của chi đoàn trưởng và chi đoàn phó
- 3 chi đội thiết kỵ, mỗi chi đội có 5 TVX/M-113

- 1 chi đội yểm trợ gồm có 3 TVX/M-125 trang bị súng cối 81 ly và 2 TVX/M-113 có gắn đại bác 106 ly không giật.

Mỗi TVX/M-113 được trang bị 1 đại liên .50 và 1 hoặc 2 đại liên .30 hay đại liên 7.62 ly M60, được gắn bên hông xe.

[33] 44th Special Tactical Zone HQ MACV Advisory Team 50 - Crum Compound Cao Lanh - Kien Phong Province - IV CTZ; http://www.gingerb.com/vietnam_cao_lanh.htm, 8/1/2012 & Major Philip D. Cane, Project Checo Southeast Asia Report, IV DASC Operation (U), 1965-1969, trang 8; Department of the Air Force, Headquarters Pacific Air Forces, Checo Division, Hickam AFB, HI, 1 August 1969.

[34] Ngày 22/9/1972, khu vực trách nhiệm của BK 44 mới được mở rộng để bao gồm thêm tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên và chi khu Kiên Lương của tỉnh Kiên Giang (U.S. Naval Forces, Quarterly Historical Summary for July - September 1972, trang 18).

[35] Senior Officer Debriefing Report: Col. Edwin W. Chamberlain Jr., Senior Advisor, 44th Special Tactical Zone 5 July 1972 - 28 January 1973, Department of the Army, Office of the Adjutant General, Washington, D.C., 10 May 1973.

[36] Điện thoại viễn liên với cựu Thiếu tá Trương Phước Hiệp ngày 25/3/2012.

[37] Trầm Phúc Xinh & Nguyễn Bá, Mạch Ngâm, trang 27 & 100; Câu lạc bộ những người kháng chiến tỉnh Kiên Giang xuất bản, 1999.

[38] Miệt Thứ chỉ khu vực nằm dọc theo kinh Xáng, thuộc quận Kiên An, tỉnh An Xuyên (bây giờ là tỉnh Cà Mau), chiều dài khoảng 30 km, cách bờ vịnh Thái Lan 15 km. Sông Cái Lớn chảy ra vịnh Rạch Giá, khi còn cách vàm sông khoảng 8 km có kinh Xáng bên tả ngạn. Kinh này chảy theo hướng đông-bắc, phía tây-nam gặp sông Ông Đốc tại thị trấn Thới Bình. Sông Ông Đốc chảy ra vịnh Thái Lan qua cửa sông Ông Đốc. Bên tả ngạn của kinh Xáng có nhiều rạch mà Đại Nam Nhất Thống Chí gọi là Thập Câu nghĩa là mười con rạch, được đặt tên theo thứ tự là rạch Thứ Một, rạch Thứ Hai cho đến rạch Thứ Mười. Từ đó vùng này có tên là Miệt Thứ. Xen kẽ 10 con rạch này còn nhiều con rạch khác như rạch Bàu Láng, rạch Xẻo Rô, rạch Rộc Trám, v.v. nhưng có lẽ được đào sau này.

[39] Tuệ Chương Hoàng Long Hải, Hương Trầm Trà Tiên, trang 12; nxb Văn Mới, California.

[40] Sư đoàn 1 CSBV là sư đoàn chủ lực của mặt trận B3, được thành lập ngày 10/12/1965 gồm 3 trung đoàn 33, 66 và 320 (Đặng Hữu Lộc, Chủ biên, Lịch Sử Quân Đội Nhân Dân Việt Nam (1944-1975), trang 510; nxb QĐND, Hà Nội, 2005). Các trung đoàn này xâm nhập riêng rẽ vào miền Nam trong hai năm 1964-65, hoạt động trên cao nguyên. Sau đó, trung đoàn 33 được tách ra thành một trung đoàn biệt lập. Thay vào đó là trung đoàn 88. Đầu năm 1967, trung đoàn 174 thay thế trung đoàn 88. Cuối năm 1968, sư đoàn 1(-) di chuyển xuống miền đông Nam Bộ (Thượng tướng Đặng Vũ Hiệp, Ký ức Tây Nguyên, trang 447; nxb QĐND, Hà Nội, 2000). Trung đoàn 101D thay thế trung đoàn 66 đã ở lại cao nguyên. Tài liệu chính thức của quân đội CS lại cho rằng khi xuống miền đông, sư đoàn 1 gồm 3 trung đoàn 95C, 101C và 209 (Đặng Hữu Lộc, Chủ biên, Lịch Sử Quân Đội Nhân Dân Việt Nam (1944-1975), tài liệu đã dẫn trên, trang 602).

Theo một tài liệu khác nữa thì sư đoàn 1 được thành lập năm 1963 và do Trần Văn Trân làm sư trưởng, hoạt động trên cao nguyên Trung Phần. Năm 1968, sư đoàn di chuyển xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long và hoạt động trong vùng Thất Sơn. Năm 1970, trung đoàn 52

thuộc sư đoàn 320 xâm nhập vào Nam để trở thành trung đoàn 46 trong biên chế của sư đoàn (Phạm Văn Phúng, Liệt sĩ Võ Nguyên Trọng cùng 7 đồng đội đã được về yên nghỉ tại nghĩa trang liệt sĩ quê nhà; <http://trianlietsi.vn/new-vn/hoat-dong-thuong-nien/1011/CC%80.vhtm>, 2/1/2012). Năm 1972, Chính ủy sư đoàn 1 tên Thương, Phó Chính ủy là Tạ Lệnh (Trần Kiến Quốc, Sau 40 năm, Võ Nguyên Trọng trở về đất mẹ (KQ); <http://dvhnn.org.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=savefile>, 2/1/2012). Năm 1975, sư đoàn 341 nằm trong đội hình quân đoàn 4 được mang phiên hiệu sư đoàn 1 để ngụy trang.

Đầu năm 1973, Cơ quan Tùy viên Quốc phòng (DAO) ghi nhận sư đoàn 1 có quân số 3 400 người, gồm 2 trung đoàn BB là 52, 101D và trung đoàn 44 đặc công (Col. W E Le Gro, Vietnam from Cease Fire to Capitulation, trang 30; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., in lần thứ hai, 1985).

Ngày 2/10/1973, QLVNCH bắt được hai tù binh thuộc trung đoàn 101D. Cung từ cho biết sư đoàn 1 đã bị giải tán (Col. W E Le Gro, Vietnam from Cease Fire to Capitulation, tài liệu đã dẫn trước, trang 67).

[41] John D. Evans, Province Senior Advisor, Province Report - Dinh Tuong Province and My Tho City; Advisory Team 66, APO 96359, 1 April 1972.

[42] Sau chiến tranh, báo chí CS đã sai lầm khi cho rằng sư đoàn 1 được giải thể vào cuối năm 1969 để có thể đưa các trung đoàn thọc sâu xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long (Nguyễn Phú Dũng, Phiên hiệu đơn vị KT và các đơn vị chiến đấu tại Mặt trận Tây Nguyên B3; <http://laodong.com.vn/Home/Phien-hieu-don-vi-KT-va-cac-don-vi-chien-dau-tai-Mat-tran-Tay-Nguyen-B3/200810/109241.laodong>, 31/3/2012).

[43] Đại tá, PGS, TS. Hồ Khang, Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, Tập 7; nxb CTQG, Hà Nội, 2007.

[44] Nguyễn Văn Bình, Lê Như Tiến & Lê Ngọc Tú, Việt Nam Từ Cuộc Chiến Tranh Giải Phóng Dân Tộc Tới Đổi Mới Và Phát Triển (Hồ sơ 60 năm - 1945-2005), trang 263; nxb Lao Động, Hà Nội, 2005.

PHỤ LỤC

BẢNG 2 - CÁC CHIẾN DỊCH TRONG CUỘC TỔNG CÔNG KÍCH CỦA CS NĂM 1972

THỜI ĐIỂM	VỊ TRÍ	LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN CỦA CSBV & VC	CHIẾN THUẬT
30/3-27/6/1972	Chiến Dịch Trị Thiên : Quảng Trị	6 sư đoàn BB (304, 308, 320B, 312, 324, 325) ⁴⁶ , 2 trung đoàn BB biệt lập, 2 sư đoàn phòng không 367 & 377, 2 trung đoàn xe tăng, 2 trung đoàn công binh và 16 tiểu đoàn đặc công	hướng chủ yếu : cường tập & kỳ tập ⁴⁷
30/3-5/6	CD Bắc Tây Nguyên : Kon Tum	2 sư đoàn BB (2, 320A), 4 trung đoàn BB biệt lập (12, 28, 66, 95), 5 trung đoàn pháo binh, công binh, đặc công, 1 tiểu đoàn phòng không, 1 tiểu đoàn xe tăng	hướng phối hợp 1 : cường tập & kỳ tập
1/4/72-19/1/73	CD Nguyễn Huệ ⁴⁸ : Bình Long, Phước Long QL-13, Lộc Ninh, An Lộc QL-1 & QL-22 : Thiện Ngôn, Xa Mát	3 sư đoàn BB (5, 7, 9), 4 trung đoàn BB biệt lập, 4 trung đoàn & 8 tiểu đoàn binh chủng 3 sư đoàn BB 5, 7 & 9 C30b : ba trung đoàn 24, 207 & 271, hai tiểu đoàn đặc công, một đại đội xe tăng, một tiểu đoàn pháo và một tiểu đoàn phòng không	hướng phối hợp 2 : cường tập & kỳ tập hướng chủ yếu : ct & kt hướng thứ yếu : nghi binh, cường tập
22/3-30/4 ⁴⁹	CD tiền công tổng hợp (CD/TCTH) : Kampông Trach	C30b ⁵⁰	cường tập

⁴⁶ 6 sư đoàn này không hợp đồng chiến đấu cùng một lúc mà tham dự chiến dịch ở những thời điểm khác nhau (Phạm Duy Dương, Chủ biên, Từ Điện Biên Phủ tới Sài Gòn - Nghệ Thuật Toàn Thắng, Tiểu chủ 1, trang 354; nxb Tổng Hợp TP/HCM, 2005).

⁴⁷ Xem định nghĩa cường tập và kỳ tập trong "Nguyễn Đức Phương, Trận Đánh ở Trung Lập: <http://www.quocgiahanhchanh.com/>".

⁴⁸ Riêng chiến dịch Nguyễn Huệ được ghi nhận bắt đầu từ ngày 1/4/1972 đến ngày 19/1/1973 trong một tài liệu (Phạm Duy Dương, Chủ biên, Từ Điện Biên Phủ tới Sài Gòn - Nghệ Thuật Toàn Thắng, tài liệu đã dẫn trước, trang 338) và 31/3/1972 đến 28/1/1973 theo một tài liệu khác (Nguyễn Văn Bình, Lê Như Tiến & Lê Ngọc Tú, Việt Nam Từ Cuộc Chiến Tranh Giải Phóng Dân Tộc Tới Đổi Mới Và Phát Triển (Hồ sơ 60 năm - 1945-2005), trang 262; nxb Lao Động, Hà Nội, 2005).

⁴⁹ General 1972-3 MAC-V CMD History, tài liệu đã dẫn trước, trang 63.

⁵⁰ Do tin tức tình báo sai lầm, Trung tướng Trường cho rằng sư đoàn 1 gồm 3 trung đoàn 44, 52 và 101Đ đã tham dự trận đánh Kampông Trach. Phía Mỹ nhận diện đúng hai trung đoàn của C30b nhưng không xác định được trung đoàn nào. CS không nhắc đến trận đánh này. Tuy nhiên qua quyển sách "Ô Chiến Trường Long An" của Thiếu tướng Huỳnh Công Thân, nguyên là CHT/BCH quân sự tỉnh Long An, thì khi bắt đầu đợt 2 của chiến dịch Nguyễn Huệ, BTL Miền đưa trung đoàn 271 của C30b xuống Long An với mục đích lôi kéo QLVNCH đưa bớt lực lượng ra khỏi mặt trận An Lộc. Như vậy hai trung đoàn còn lại là 24 và 207 phải là những đơn vị hiện diện tại Kampông Trach và cũng với cùng mục đích là kìm giữ lực lượng mà QLVNCH có thể tăng cường cho mặt trận trên QL-13. Một sĩ quan trong BCH trung đoàn 24 viết trong hồi ký : "Sau trận chùa Na-Khal Campuchia, tiểu đoàn 1 của trung đoàn 207 lại trở về 207. Trung đoàn 24 xuống Mỹ Tho vùng sông nước đồng lầy", khẳng định thêm luận cứ này (Người Chính Ủy Yêu Đời - Phần IV "Anh Và Chủ"; <http://e24.vnweblogs.com/mobile.php?op=Default&blogId=2178&page=36,4/4/2012>).

BẢNG 2 (tiếp theo) - CÁC CHIẾN DỊCH TRONG CUỘC TỔNG CÔNG KÍCH CỦA CS NĂM 1972

THỜI ĐIỂM	VỊ TRÍ	LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN CỦA CSBV & VC	CHIẾN THUẬT
19-26/5 ⁵¹	CD/TCTH : Kiên Lương	Trung đoàn 52 thuộc sư đoàn BB 1	kỳ tập
10-14/6	CD/TCTH: chi khu Long Khốt & thị trấn Mộc Hóa, tỉnh Kiên Tường	Sư đoàn BB 5 (-)	cường tập & kỳ tập
31/7-9/8	CD/TCTH: Kampông Trabek	Trung đoàn 2 thuộc sư đoàn BB 5, trung đoàn 207 thuộc C30b, C50, 1 tiểu đoàn cơ giới và 3 tiểu đoàn thuộc quân khu 203 của Khmer đỏ ⁵²	tiên công tổng hợp
10/6-10/9	CD đồng bằng sông Cửu Long	Chủ lực miền : sư đoàn BB 5, C30b, trung đoàn 28 pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh Chủ lực quân khu: 3 trung đoàn BB 1, 88 và 320, 3 tiểu đoàn đặc công, 2 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh	hướng phối hợp 4 : 3 mũi giáp công ⁵³
26-31/1/1973 ⁵⁴	Cửa Việt	2 sư đoàn BB 320B & 325	phản công

⁵¹ Trung tướng Trường xác nhận Thiếu tướng Nguyễn Vĩnh Nghi thay thế ông trong chức vụ Tư lệnh quân khu 4 vào đầu tháng 5/1972 và đến khoảng giữa tháng 5, VC mới tấn công nhà máy xi-măng Hà Tiên (Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 146 & 148). Thực sự ngày thay thế chức vụ tư lệnh quân đoàn IV phải trước hoặc ngay trong ngày 3/5/1972 vì đây là ngày Trung tướng Trường nhận bàn giao chức vụ tư lệnh quân đoàn I (General 1972-3 MAC-V CMD History Part 2, tài liệu đã dẫn trước, trang 44 & 65). Tuy nhiên thời gian chuyển tiếp này lại trùng hợp với giai đoạn chốt của căn cứ Kampông Trach, Chuẩn tướng Nguyễn Thanh Hoàng xin nên quyết định lui binh phải do Thiếu tướng Nguyễn Vĩnh Nghi sau đó. CĐT chi đoàn 3/2 viết : "Theo tôi biết thì khi Tướng Trường rời Quân đoàn IV để ra quân khu 1 thì chưa có ai thay thế ông đến Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn để điều động cả ! Buổi trưa ngày chúng tôi bị tấn công nằng nạt thì còn Tướng Trường, nhưng đến chiều thì ông đã đi. Tôi còn nhớ rất rõ câu nói của Tướng Hoàng trong chiều hôm đó, từ trên máy bay báo chúng tôi : "Các anh có toàn quyền quyết định, cố gắng bảo toàn lực lượng !". Câu nói này hàm ý, nếu đánh được thì đánh, bằng không thì cứ rút về ! Tôi nghĩ đó là câu nói của một cấp chỉ huy tạm thời và không có một quyết định dứt khoát, chứ nếu Tướng Nghi đã nắm quyền chỉ huy thì đâu có để cho thuộc cấp toàn quyền đánh hay không đánh như vậy !" (Điện thư của cựu Thiếu tá Trương Văn Điền gửi cho tác giả ngày 4/3/2012).

⁵² Võ Trần Nhã, Chủ biên, Gởi Người Đàng Sông - Lịch Sử Đồng Tháp Mười, trang 411; nxb TP/HCM, 1993.

⁵³ Ba mũi giáp công tấn công đối phương trên cả ba mũi quân sự, chính trị và binh vận.

⁵⁴ Hiệp định Paris được ký tắt (sơ khởi) ngày 23/1/1973, chính thức ngày 27/1/1973 và bắt đầu có hiệu lực lúc 12 giờ quốc tế (GMT) khuya cùng ngày (H Kissinger, Ending the Vietnam War - A History of America's Involvement in and Extrication from the Vietnam War, trang 429 & 441; nxb Simon & Schuster, New York, 2003). Tức là ngưng bắn trên toàn miền Nam lúc 7 giờ (giờ Hà Nội) hay 8 giờ (giờ Sài Gòn) sáng ngày 28/1/1973 (Nguyễn Thành Lê, Cuộc Đàm Phán Pari Về Việt Nam (1968 - 1973), trang 203-205; nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1998).

2.1.2.3. Lực lượng

Báo cáo trong phiên họp ngày 26/6/1972 của Bộ Chính trị, Trung tướng Trần Văn Quang, nguyên là Tư lệnh quân khu 4 của quân đội CSBV lúc bấy giờ (trong tài liệu được Nga giải mật năm 1993); xác nhận trong cuộc TCK năm 1972, họ có 14 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn trừ bị, 6 trung đoàn biệt lập. Trong đó, 8 sư đoàn tham chiến tại miền Nam, được phân bố như sau^[1] :

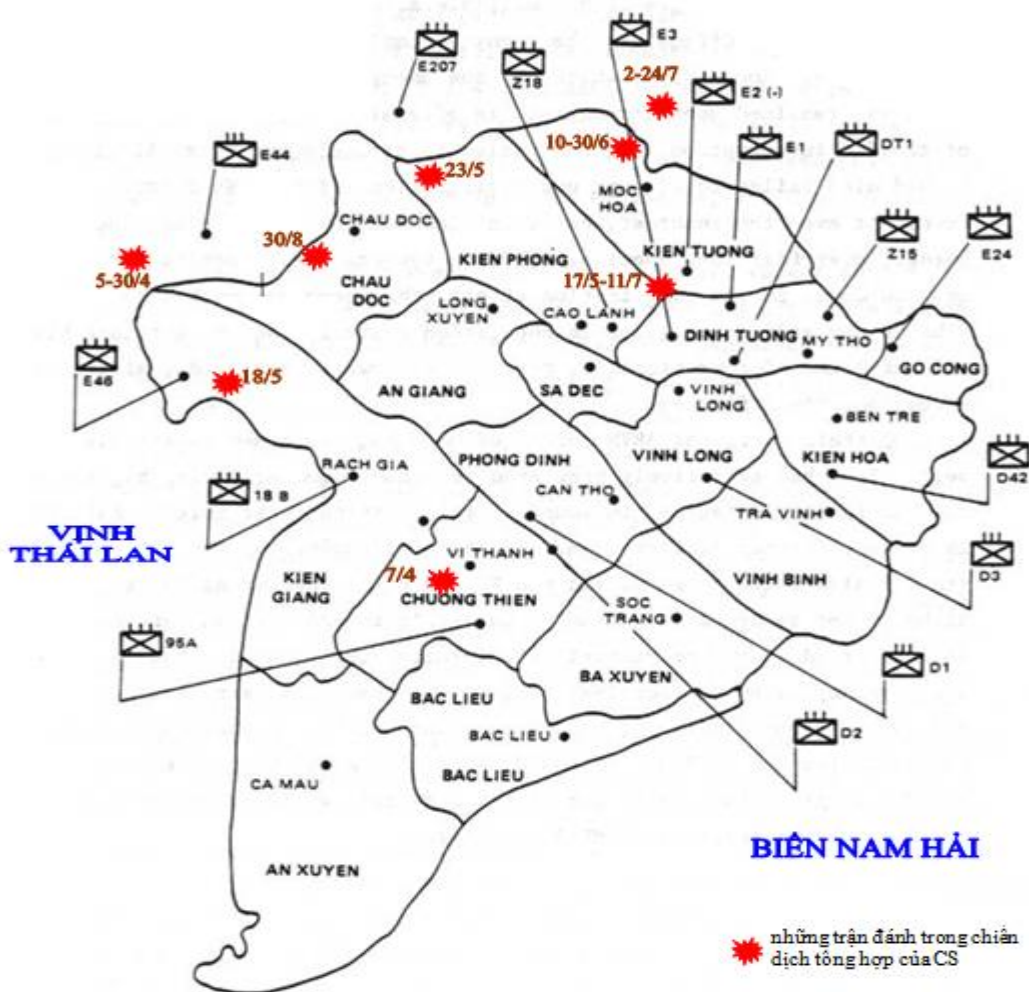
- 2 sư đoàn và 2 trung đoàn BB biệt lập trong khu vực Quảng Trị, Huế và Đà Nẵng.
- 1 sư đoàn BB trên Tây Nguyên.

- 1 sư đoàn và 2 trung đoàn BB biệt lập tại khu vực đồng bằng quân khu 5, giữa Quảng Ngãi, Nha Trang và Phú Yên.
- 2 sư đoàn và 2 trung đoàn BB biệt lập trong khu vực phía bắc Sài Gòn, giữa Lộc Ninh và Tây Ninh.
- 2 sư đoàn BB sau cùng hoạt động trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, giữa Gia Định ở phía bắc, Cà Mau tại phía nam và biên giới Việt Miên.

Tài liệu thống kê của CS đưa ra những con số về công tác yểm trợ hậu cần đầu năm 1972, qua đó người ta có thể biết được lực lượng của quân CS tại mặt trận B2 lúc bấy giờ^[2] :

"4 sư đoàn, 29 trung đoàn, 105 tiểu đoàn bộ binh, cộng 23 tiểu đoàn pháo, 27 tiểu đoàn đặc công và 2 tiểu đoàn thiết giáp với tổng quân số là 248 900 người (trong đó bộ đội chủ lực có 15 vạn, bộ đội địa phương có 3.67 vạn, dân quân du kích có 6.62 vạn)".

Các lực lượng CS có mặt tại lãnh thổ của quân khu 4 trong năm 1972 được trình bày trong Bảng 3 (xem Phụ Lục). Trong đó, cột đầu tiên (có thể là chi tiết do tình báo của quân đoàn IV/QLVNCH thu thập) nhận dạng các trung đoàn quân CSBV và VC cũng như địa bàn hoạt động của những đơn vị này vào đầu năm 1972, được Trung tướng Ngô Quang Trưởng ghi lại trong quyển sách của ông. Có tất cả 11 trung đoàn VC hiện diện tại đây vào đầu tháng 4/1972. Số trung đoàn của VC tăng lên 16 khi mùa hè đỏ lửa chấm dứt. Danh số và vị trí của những đơn vị này được ghi lại trong cột thứ nhì của Bảng 3.



SƠ ĐỒ 6 : PHÂN BỐ LỰC LƯỢNG CS TẠI QUÂN KHU 4 CUỐI NĂM 1972 (không vẽ theo tỉ lệ)²⁴³

Ngoài những đơn vị trong cột 2, hai tài liệu của Mỹ cung cấp một số chi tiết khác. Tài liệu đầu tiên ghi nhận thêm ba trung đoàn VC là 215, 218, 275[3] bị phát giác tại Định Tường trong tháng 7/1972. Có thể đây là 3 trung đoàn của sư đoàn 5, xâm nhập vào tỉnh Định Tường sau trận Long Khốt. Tài liệu thứ nhì của một sĩ quan tình báo thuộc Cơ quan Tùy viên Quốc phòng (DAO), cho biết có 13 trung đoàn VC bị phát giác trong lãnh thổ của quân khu 4 vào cuối năm 1972. Chỉ danh của các trung đoàn này và vị trí bị phát giác được ghi trong cột 3.

Cột sau cùng là tổng kết từ những tài liệu của CS, được xuất bản sau khi chiến tranh kết thúc. Tổng số trung đoàn trong cột này là 16, đúng như con số mà tình báo của QLVNCH nhận dạng được (cột 2) ! Tuy nhiên hầu hết danh hiệu đã bị thay đổi và việc thay đổi này được thành công chứng tỏ tình báo của QLVNCH và đồng minh đã gặp khó khăn trong công tác theo dõi và nhận dạng đối phương. Nói một cách khác là VC rất giỏi về kỹ thuật ngụy trang. Mặt khác, sự kiện này cũng cho thấy người lính QLVNCH rất thiện chiến, tình báo sai lầm nhưng họ vẫn thắng trong tác chiến. Ở đây, người ta có thể đặt câu hỏi là nếu tình báo của QLVNCH tốt hơn thì kết quả của cuộc chiến có khác đi không ? Nên nhớ rằng, QLVNCH đã đánh thắng hầu hết các trận đánh trong chiến tranh mặc dù Tôn Tử đã dạy[4] :

- Biết địch và biết ta thì dầu cho có trăm trận đánh không bao giờ ta bị thất bại.
- **Không biết địch mà chỉ biết có ta thì cơ hội thắng hay bại sẽ bằng nhau.**
- Không biết được cả địch lẫn ta thì chắc chắn mọi trận đánh đều bị hiểm nguy.

Cũng cần nên phân biệt giữa những đơn vị thuộc chủ lực Miền và chủ lực của quân khu. Hầu hết các trung đoàn trong cột 4 của Bảng 2 là lực lượng chủ lực của hai quân khu 8 và 9. Chủ lực Miền được BTL Miền điều động trong khi chủ lực quân khu có thể là đơn vị thuộc chủ lực Miền được tăng phái cho quân khu hay do BTL quân khu trực tiếp chỉ huy. Thí dụ như sư đoàn 5 (gồm 3 trung đoàn 1, 2 và 3[5]) và đoàn C30b (gồm 3 trung đoàn 24, 207 và 271[6]) đều là lực lượng chủ lực Miền nhưng sư đoàn 5 được tăng phái cho quân khu 8 sau trận An Lộc với mục tiêu thọc sâu, phá thủng vòng đai bảo vệ QL-4 của QLVNCH. C30b là đơn vị cấp sư đoàn, được CS tổ chức tạm thời (chiến đoàn theo thuật ngữ của QLVNCH), có nhiệm vụ đánh nghi binh dọc theo QL-22[7]. Một sĩ quan cao cấp, lúc bấy giờ là đại tá phó chính ủy BTL Miền của VC cũng xác nhận nhiệm vụ của đơn vị này dọc theo QL-22[8]. Sau đó, hai trung đoàn được BTL quân khu 8 điều động đến Kampông Trach để bao vây căn cứ tại đây và đánh chiếm quận lỵ này sau khi QLVNCH lui binh. Trung đoàn còn lại xâm nhập vào Long An để lôi kéo QLVNCH đưa bớt lực lượng ra khỏi mặt trận An Lộc. Trong khi đó, sư đoàn 1 (gồm 3 trung đoàn 95C, 209 và 101C) trực thuộc thắng Bộ TTL quân đội CSBV tại Hà Nội.

Năm 1973, VC cho thành lập sư đoàn 3 trực thuộc BTL Miền, sư đoàn 4 thuộc quân khu 9 và sư đoàn 6 thuộc quân khu 7[9]. Tháng 10/1974, sư đoàn 8 được thành lập gồm 3 trung đoàn 24, 207 và 320[10]. Tình báo Mỹ lại cho rằng đây là sư đoàn 6.

Lưu ý là sư đoàn 5 chủ lực miền, lực lượng chủ lực của hai quân khu 8 và 9 đều có trung đoàn 1 nhưng ba trung đoàn này hoàn toàn khác nhau.

Báo cáo của tình báo Mỹ một lần nữa xác nhận sự hiện diện của các trung đoàn quân CS tại quân khu 4 đồng thời cho thấy sai lầm trong việc nhận dạng các đơn vị này[11]. Bảng 4 gồm hai cột chính. Mỗi cột cũng gồm hai chi tiết là chỉ danh của mỗi trung đoàn và vị trí trung đoàn bị phát giác. Cột đầu tiên là trích ngang cột 4 của Bảng 3, từ tin tức tình báo của năm 1972 trong khi cột thứ nhì là tin tức cập nhật tình báo của năm 1975. Lưu ý là sư đoàn 1 và đơn vị C30b không còn nữa. Ngoại trừ cùng tên còn nếu khác tên thì không bắt buộc phải là đơn vị cũ đổi tên mà có thể là một đơn vị khác.

Số trung đoàn BB gia tăng từ 16 trong năm 1972 lên 18 trong năm 1975, chưa kể trung đoàn 4 Pháo binh với quân số 800 tại Kiên Tường và đoàn 6 Pháo binh với quân số 400 (không rõ địa bàn hoạt động).

BẢNG 4 - CÁC TRUNG ĐOÀN CS HIỆN DIỆN TẠI QUÂN KHU 4

NĂM 1972		NĂM 1975		
TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	TRUNG ĐOÀN	QUÂN SỐ	VỊ TRÍ
88	Định Tường	Z15	1100	tây-bắc Định Tường
Đông Tháp	Kiên Hòa	Đông Tháp 1 (ĐT1)	1000	tây-bắc Kiên Hòa
1	Định Tường	275 (E1)	800	Kiên Tường
		174 (E2)	1000	Kiên Tường
24 (C30b)	Gò Công	24	780	Định Tường
Đông Khởi	Kiên Hòa	Đông Khởi 2	995	Kiên Hòa
271 (C30b)	Kiên Tường	6 (E3)	900	Kiên Tường
320	Kiên Tường	Z18	950	Kiên Tường
207 (C30b)	"	207	850	Kiên Phong - Định Tường
95C (SĐ1)	b/g Việt-Miền	95A	1200	đông-nam Chương Thiện
101C (SĐ1)	"	18B	900	tây-bắc Chương Thiện
209 (SĐ1)	"	367 Đặc công (E5)	500	Kiên Tường
1 ^[12]	Chương Thiện	Đ1	900	Vinh Bình
2	Bạc Liêu	Đ2	900	đông-nam Chương Thiện
3	Vinh Long	Đ3	750	Vinh Long - Vinh Bình
10	An Xuyên	Đoàn 8 Đặc công	770	Chương Thiện
		18B	910	tây-bắc Chương Thiện
20	Kiên Giang	101Đ	1150	Kiên Giang

2.1.2.4. Quân khu 8 VC

Trong khi chiến dịch Nguyễn Huệ (An Lộc, Bình Long) vẫn còn đang tiếp diễn thì BTL Miền với chỉ đạo của quân khu ủy Miền đặt ra chiến dịch tiến công tổng hợp cho hai quân khu 8 và 9. Riêng tại quân khu 8, Ban Chỉ đạo chiến dịch tiến công tổng hợp quân khu 8 được thành lập. Thành phần gồm các sĩ quan của BTL quân khu 8 và cán bộ cao cấp của quân khu ủy khu 8 :

- Trưởng ban: Hoàng Văn Thái (Mười Khang), Phó Bí thư Trung ương Cục, Tư lệnh quân giải phóng miền Nam
- Phó ban : Nguyễn Văn Mùi (Sáu Đường), Bí thư Khu ủy Khu 8
- Các ủy viên gồm : Đồng Văn Cống (Chín Hồng), Ủy viên Quân ủy Miền, Phó Chính ủy quân giải phóng miền Nam; Lê Văn Tường (Hai Lê), Ủy viên Quân ủy Miền, Phó Chính ủy quân giải phóng miền Nam; Tư Việt Thắng, Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 8; Lê Quốc Sản (Tám Phương), Thường vụ Khu ủy kiêm Tư lệnh Khu 8; Bảy Hiệp, Chuyên viên Ban nghiên cứu Thường vụ Trung ương Cục.

Đồng thời, thường trực Ban Chỉ đạo cũng được thành lập, gồm : Hoàng Văn Thái, Nguyễn Văn Mùi, Lê Văn Tường và Dương Cự Tâm (Năm Thanh), Chính ủy Quân khu 8.

Mục tiêu của chiến dịch là [\[13\]](#) (xem Sơ đồ 7) :

"Sử dụng một bộ phận chủ lực Miền bắt ngờ thọc sâu chọc thủng tuyến ngăn chặn biên giới và phá vỡ tuyến ngăn chặn trung tâm Đông Tháp Mười, bảo đảm hành lang vận chuyển từ sau ra trước, nhanh chóng thọc sâu xuống đường 4 cùng với lực lượng vũ trang quân khu diệt địch, cắt đường 4, dứt điểm quận lỵ, chi khu làm đòn xeo phát động quần chúng nổi dậy đồng loạt, giải phóng phần lớn tỉnh Mỹ Tho, Kiến Tường và một phần tỉnh Kiến Phong, giành phần lớn nhân dân về ta trong vòng tháng 6 và tháng 7, sau đó phát triển mở vùng Gò Công, Bến Tre".

Lực lượng tham dự chiến dịch, không kể các thành phần chính trị và địch vận, gồm có [\[14\]](#) :

- Sư đoàn 5
- Đoàn C30b
- 3 trung đoàn chủ lực quân khu (1, 88 và 320)
- Trung đoàn 28 pháo binh [\[15\]](#), 2 tiểu đoàn pháo binh biệt lập, 1 tiểu đoàn công binh, 3 tiểu đoàn đặc công
- 7 tiểu đoàn của các tỉnh Bến Tre, Kiến Tường, Kiến Phong và 1 đại đội của tỉnh Gò Công.

Chiến dịch của quân khu 8 được chia ra làm ba đợt :

1. Đợt 1 (10-20/6/1972): gồm hai hướng. Hướng chủ yếu do sư đoàn 5 và trung đoàn 271 phụ trách tấn công Long Khốt và khu vực Bình Thành Thôn, tỉnh Mộc Hóa, thọc sâu phá vỡ tuyến phòng thủ biên giới Việt-Miên. Hướng thứ yếu, sau trận Long Khốt, đoàn C30b để lại trung đoàn 207 đánh nghi binh trong vùng Thông Bình, Cá Vàng [\[16\]](#), vùng giáp ranh giữa hai tỉnh Kiến Phong và Kiến Tường, cũng là đường xâm nhập 1A để tiến xuống kinh Dương Văn Dương (Kinh Cùng hay kinh Ông Lang) hợp đồng với hai trung đoàn 1 và 88 đang lẩn khuất tại đây để uy hiếp Ba Dừa, Cai Lậy, đe dọa QL-4. Hai trung đoàn 10 và 11 thuộc sư đoàn 7 BB cùng với ba liên đội 15, 73, 98 ĐPQ và hai chi đoàn TVX đã đẩy lui được các cuộc tấn công này. Hướng phối hợp Bến Tre và Kiến Phong, VC không tạo được kết quả nào đáng kể.
2. Đợt 2 (3-31/7): hướng chủ yếu do năm trung đoàn 1, 3, 24, 88 và 320 phụ trách tấn công các đồn bót nam và bắc QL-4. Hướng thứ yếu do trung đoàn 271 và sư đoàn 5(-) hoạt động vùng Kampông Rô (Kampong Rou) và Gò Bốc để chia cắt lực lượng. Hướng phối hợp là Kiến Hòa và Gò Công do trung đoàn Đồng Khởi mới thành lập, đánh phá bình định. Liên đội 74, 75 ĐPQ, chiến đoàn A ĐPQ của tỉnh Kiến Hòa, liên đoàn 41 BĐQ, trung đoàn 10 thuộc sư đoàn 7 BB, trung đoàn 15 thuộc sư đoàn 9 BB và thiết đoàn 6 đã giải tỏa hoàn toàn kinh Nguyễn Văn Tiệp.
3. Đợt 3 (6/8-10/9): cũng giống như trong đợt hai, hướng chủ yếu do các trung đoàn 88, 320 và sư đoàn 5 (-) phụ trách, tấn công các đồn bót phía nam và bắc QL-4. Hướng thứ yếu do trung đoàn 2, 207 và 271 cùng với 3 tiểu đoàn Khmer đỏ hoạt động dọc theo QL-1 của Campuchia để chia cắt lực lượng. Hướng phối hợp là Kiến Hòa và Gò Công. Kiến Hòa do hai trung đoàn Đông Tháp và Đồng Khởi phụ trách trong khi trung đoàn 24 đánh phá bình định tại Gò Công. ĐPQ và trung đoàn 15 thuộc sư đoàn 9 BB đã đẩy lui các cuộc tấn công này.

Như vậy trận Long Khốt nằm trong đợt 1 trong khi trận Kampông Trabek thuộc đợt 3 chiến dịch tổng hợp của quân khu 8 VC.

2.1.2.5. Quân khu 9 VC

Chiến dịch tổng hợp của quân khu 9 được chia thành 6 cao điểm, kéo dài từ đầu tháng 4 đến cuối tháng 8/1972. Tháng đầu tiên có 2 cao điểm, mỗi tháng còn lại có một cao điểm. Trong mỗi cao điểm còn chia thành hai hướng (trọng điểm). Trọng điểm 1 là vùng U Minh thuộc tỉnh An Xuyên và tỉnh Chương Thiện. Trọng điểm 2 là hai tỉnh Vĩnh Long và Vĩnh Bình[17].

1. Cao điểm 1 (7-13/4/1972): trên hướng chủ yếu, trung đoàn 2 tấn công chi khu Ngan Dừa, tỉnh Bạc Liêu nhưng bị trung đoàn 16 sư đoàn 9 và trung đoàn 31 sư đoàn 21 BB đẩy lui. Trung đoàn 1 phối hợp với bộ đội địa phương và du kích đánh các đồn bót tại Long Mỹ, tỉnh Chương Thiện. Trung đoàn 15, sư đoàn 9 trực thăng vận xuống dẹp tan mũi tấn công này. Trung đoàn 10 bị trung đoàn 33 sư đoàn 21 BB đẩy lui khi tấn công hai căn cứ Bà Thày và Nông Cạn trong tỉnh Kiên Giang. Trung đoàn 20 đụng độ với trung đoàn 16, sư đoàn 9 BB tại An Biên, tỉnh Kiên Giang. Tại trọng điểm 2, trung đoàn 3 tập kích yếu khu Thày Phó, quận Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Bình. QLVNCH sử dụng 4 tiểu đoàn ĐPQ phản công. VC rút lui.
2. Cao điểm 2 (20-30/4): trung đoàn 1 đánh các đồn tại Long Mỹ, tỉnh Chương Thiện. Trung đoàn 2 tấn công các đồn tại Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Trung đoàn 20 tấn công căn cứ Bình Minh, tỉnh Vĩnh Bình. Hai tiểu đoàn đặc công của trung đoàn 10 đụng độ với trung đoàn 16, sư đoàn 9 tại An Biên, tỉnh Kiên Giang.
3. Cao điểm 3 (8-30/5): trung đoàn 10 tấn công chi khu Vĩnh Thuận không thành công phải rút lui. Trung đoàn 1 hoạt động phá rôi các đồn bót tại Chương Thiện. Trung đoàn 20 đánh đồn bót tại Rạch Giá. Không đạt được kết quả khả quan, quân khu 9 rút các đơn vị về hoạt động chung quanh vùng U Minh cho đến khi chấm dứt cao điểm.
4. Cao điểm 4 (9-30/6): trung đoàn 10 tấn công chi khu Thới Bình, tỉnh An Xuyên nhưng không đánh được do hệ thống phòng thủ kiên cố. Trung đoàn 2 cũng không dứt điểm được chi khu Phước Long, tỉnh Bạc Liêu do viện binh đến đúng lúc. Trung đoàn 1 ém quân tại phía tây Ngã Năm, tỉnh Ba Xuyên định đánh vị trí này thì bị trúng bom B-52 nên phải rút chạy. Trung đoàn 20 hoạt động tại Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nhưng không có kết quả.
5. Cao điểm 5 (8-30/7): trung đoàn trưởng trung đoàn 10 không nắm vững tình hình khiến trận tập kích chi khu Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang bị thất bại. Trung đoàn 1 phối hợp hoạt động trong vùng nhưng bị trung đoàn 16, sư đoàn 9 BB cản trở. Phi cơ đến yểm trợ dội bom trúng đội hình trung đoàn. Trung đoàn 2 hoạt động tại xã Vĩnh Tuy, quận Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Trung đoàn 20 đụng độ với trung đoàn 14, sư đoàn 9 BB tại Hỏa Lựu, tỉnh Chương Thiện. VC không đạt được kết quả quan trọng nào trong cao điểm này.
6. Cao điểm 6 (11-30/8): trung đoàn 10 tấn công căn cứ Rạng Đông và chi khu Hiếu Lễ, tỉnh Kiên Giang để thông hành lang U Minh Thượng - U Minh Hạ nhưng bị đẩy lui. Trung đoàn 2 đánh các đồn bót dọc theo mé rừng U Minh Thượng do trung đoàn 16, sư đoàn 9 BB di chuyển hành quân. Trung đoàn 20 hoạt động tại Thới Liểu, quận Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Trung đoàn 3 hoạt động tại hai tỉnh Vĩnh Long và Vĩnh Bình không báo cáo kết quả nào quan trọng.

Quân khu 9 kết thúc chiến dịch tổng hợp ngày 25/9/1972. Trận đánh chiếm nhà máy xi-măng Hà Tiên tại Kiên Lương nằm trong đợt 3 nhưng không được chính sử CS ghi nhận. Có hai lý do để giải thích cho sự thiếu sót này. Đầu tiên là một trận đánh nhỏ lại bị thất bại nên dĩ nhiên không nên ghi lại. Lý do thứ nhì là sư đoàn 1 là một đại đơn vị do Bộ TTL quân đội CSBV chỉ huy trực tiếp chứ không thống thuộc các quân khu 8 hay 9. Đây là sư đoàn yếu kém nhất và cũng không đạt được thành tích đáng kể nào trong chiến tranh. Tài liệu của CS sau chiến tranh gần như không nhắc lại sự hiện hữu của sư đoàn này. Một bài phóng sự gần đây về tìm mộ liệt sĩ xác nhận khu vực Tà Keo, Kampôt, Kampông Speu và Koh Kong là vị trí đóng quân cũ của các trung đoàn 26, 40, 41, 101 và sư đoàn 1 CSBV trong những năm 1970-1973 và là nơi quân đội CSBV bị thiệt mạng nhiều nhất[18].

2.1.2.6. Chiến dịch tiến công tổng hợp

Tất cả các hoạt động chiến tranh trong lãnh thổ quân khu 4 của VNCH cũng như trên khu vực biên giới Việt-Miền trong năm 1972 bao gồm trong chiến dịch tiến công tổng hợp của VC.

Nghệ thuật chiến dịch của quân đội CSBV gồm có ba loại hình chính là [\[19\]](#) :

- NTCD tiến công để tiêu diệt địch và mở rộng căn cứ hậu phương. Hầu hết các trận đánh của VC tại quân khu 4 trong năm 1972 đều có tính cách của NTCD tiến công. Tuy nhiên một NTCD mới hơn được hình thành là NTCD tiến công tổng hợp trong đó hình thức tiến công vẫn là phần chủ yếu.
- NTCD phản công để tiêu diệt địch và bảo vệ căn cứ, cơ quan, kho tàng. Phản ứng của VC trong cuộc hành quân Lam Sơn 719 là một thí dụ điển hình của NTCD phản công.
- NTCD tác chiến phòng ngự [\[20\]](#) để bảo vệ những địa bàn chiến lược quan trọng, làm tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều địch, làm suy yếu khả năng tiến công của đối phương, tạo điều kiện để chuyển sang tiến công hoặc phản công. Thí dụ rõ nét nhất của tác chiến phòng ngự là bố trí của VC dọc theo sông Thạch Hãn, kéo dài từ phía đông Trường Sơn ra đến tận Cửa Việt để sau cùng đưa đến trận phản kích tại đây năm 1973. Trong năm 1972, quân đội hoàng gia Lào và Thái Lan tổ chức hành quân tái chiếm cánh đồng Chum. VC và quân tá phái Lào sử dụng NTCD phòng ngự từ tháng 5 đến giữa tháng 11/1972 để giữ vững địa bàn chiến lược này.

Để đối phó với kế hoạch VNHCT của Mỹ, một loại hình NTCD mới được VC phát triển để áp dụng tại lãnh thổ quân khu 4 của VNCH, đó là chiến dịch tiến công tổng hợp [\[21\]](#). NTCD này đã được một sĩ quan cao cấp của CS phân tích [\[22\]](#) :

"Trên chiến trường miền Nam nước ta, nhất là chiến trường đồng bằng sông Cửu Long, ta phải vận dụng ngày càng phổ biến chiến dịch tiến công tổng hợp để phá kế hoạch "bình định nông thôn" của địch. Nếu việc kết hợp tiến công với nổi dậy, nổi dậy với tiến công là thể mạnh đặc biệt của chiến trường đồng bằng thì chiến dịch tiến công tổng hợp là một phương thức có hiệu lực để tiêu diệt địch và giành quyền làm chủ của nhân dân, có thể phát huy hiệu quả cao nhất của chiến dịch để thực hiện thắng lợi yêu cầu và nhiệm vụ chiến lược thường xuyên là chống phá "bình định" của địch, tiến lên đánh thắng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam".

Quân đội Liên hiệp Pháp đã đối diện với hình thái chiến tranh tương tự. Tướng Salan trong hai năm 1952-1953 đã cho thiết lập các đoàn Quân thứ Lưu động (Groupements Administratifs Mobiles Opérationnels hay GAMO) và các tiểu đoàn khinh quân (TDKQ) để thử nghiệm chống lại NTCD tiến công tổng hợp này của Việt Minh tại đồng bằng Bắc Kỳ. Pháp cho là đúng nhưng thi hành quá muộn [\[23\]](#). Trên thực tế, thất bại chỉ vì quân đội Pháp không biết được NTCD mà thôi. Chưa kể đến yếu tố thiếu chính nghĩa vì chiến tranh thuộc địa và những bất đồng chính kiến giữa Nguyễn Hữu Trí, Thủ hiến Bắc Việt và Thủ tướng Nguyễn Phan Long.

Hầu hết các trận đánh quân đội Lon-Nol và QLVNCH của VC trên đất Miền đều là NTCD phản công. VC đánh trả cuộc hành quân Angkor Chey trong hai tuần đầu của tháng 8/1972 là một thí dụ của NTCD phản công. Tuy nhiên trận Kampông Trach được xếp vào chiến dịch tiến công tổng hợp mà không là phản công vì một trong những nguyên tắc của NTCD tiến công là cấp chỉ huy chiến dịch phải vận dụng sáng tạo cách đánh trong chiến dịch. Hiểu theo thuật ngữ của quân đội CSBV là bao vây, chia cắt vì bao vây, chia cắt về chiến dịch giữ vai trò đặc biệt quan trọng [\[24\]](#). Sự thụ động của QLVNCH tại đây đã khiến chiến đoàn bị rơi hoàn toàn vào thế chiến dịch của đối phương.

Như vậy NTCD ảnh hưởng như thế nào đến chiến cuộc tại quân khu 4 của VNCH trong năm 1972 ?

Đọc đến đây, người đọc có thể cho rằng biết hay không biết NTCD của đối phương có lẽ không cần thiết. QLVNCH vẫn phản ứng như đã làm. VC đánh phá bình định thì QLVNCH sẽ đưa quân đến tảo thanh, càn quét. Vấn đề không đơn giản như vậy nếu nghiên cứu từng cấp độ của nghệ thuật quân sự. Đứng ra thì Bộ TTM và các BTL quân đoàn phải nghiên cứu và thực hành NTCD để có thể đối phó một cách hữu hiệu với đối phương. Không làm được như vậy thì không bao giờ quân đội ở thế tiên phong, chỉ phản ứng thụ động, hành quân sẽ không đánh trúng trọng tâm, kết quả chiến tranh sẽ kéo dài, không có đoạn kết (xem tiêu mục về NTCD ở phần sau). Hậu quả sẽ trầm trọng hơn trong hai năm 1974-1975 khi VC thành lập cấp quân đoàn^[25] với mục đích đánh tiêu diệt những đại đơn vị. QLVNCH vẫn không sẵn sàng lực lượng để đối phó, nhất là ở trong tình trạng yếu kém về hỏa lực yểm trợ của không quân và thiếu thốn về quân dụng, nhiên liệu sau hiệp định Paris, khi Mỹ đã rút quân khỏi miền Nam VN. Chủ trương "4 Không"^[26] của Tổng thống Thiệu rõ ràng là một sai lầm NTCD & chiến lược. Một số sĩ quan cao cấp nước ngoài làm cố vấn cho chính phủ VNCH đã khuyên ông bỏ đất và lui binh chiến thuật nhưng không được ông chấp thuận cho đến khi quá muộn.

2.2. Những trận đánh

2.2.1. Căn cứ Kampông Trach^[27], tỉnh Kampôt, Cộng Hòa Khmer

Kampôt^[28] là một tỉnh tọa lạc phía tây-nam của nước Cao Miên (Kampuchia). Tỉnh lỵ là Kampôt nằm dưới chân dãy núi Tượng và gần trung tâm nghỉ dưỡng trên đồi Bokor, được người Pháp thiết lập trong thập niên 20 của thế kỷ trước. Từ tỉnh lỵ Kampôt, du khách chỉ đi khoảng 37 km là lên đến đỉnh đồi, tuy nhiên khoảng đường nhựa này lại là khoảng đường xấu nhất của xứ Chùa Tháp vì đã bị bỏ hoang phế từ lâu. Trên đỉnh đồi có một nhà thờ công giáo và một khách sạn cũ của người Pháp có tên là Bokor Palace cùng với một số nhà cửa đã bị đổ nát từ thập niên 40 của thế kỷ 20 do chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh. Vị trí lại bị hoang tàn lần thứ nhì từ năm 1972 khi Khmer đỏ ngự trị vùng này. Năm 1979, quân đội CSVN tấn công Khmer đỏ và chiếm giữ Bokor. Dấu vết doanh trại của Khmer đỏ lẫn của quân đội CSVN vẫn còn quan sát được trên đồi. Năm 1994, Khmer đỏ còn lần khuất trong vùng đã phục kích một chuyến xe lửa chạy ngang Kampông Trach đi Kampông Som và thảm sát nhiều hành khách là dân bản địa và bắt giữ ba du khách người nước ngoài rồi sau đó thủ tiêu họ. An ninh chỉ trở lại năm 1998, khá lâu sau khi Khmer đỏ đã bị tiêu diệt (xem Sơ đồ 8-9 và Hình 13-19).



SƠ ĐỒ 8 : VỊ TRÍ 2 CĂN CỨ NEAK LUONG & KAMPONG TRACH CỦA QLVNCH

Điều kiện thổ nhưỡng giàu khoáng chất sắt và magnésium khiến quận Kampông Trach của tỉnh Kampôt nổi tiếng về trồng tiêu^[29] (xem Hình 20-22). Tỉnh còn là nơi duy nhất có ruộng muối của Miền. Mùa thu hoạch mỗi năm từ tháng 10 đến tháng 4. Hiện tại sản lượng mỗi năm là 80 000 tấn.

Hiện tại, tỉnh Kampôt có 8 quận (Angkor Chey, Banteay Meas, Chhuk, Chum Kiri, Dang Tong, Kampông Trach, Kampôt, Teouk Chhou); 92 làng và 477 xã. Dân số gồm 585 110 người theo thống kê năm 2000. Bảng 5 ghi khoảng cách giữa các quận của tỉnh Kampôt ^[30].

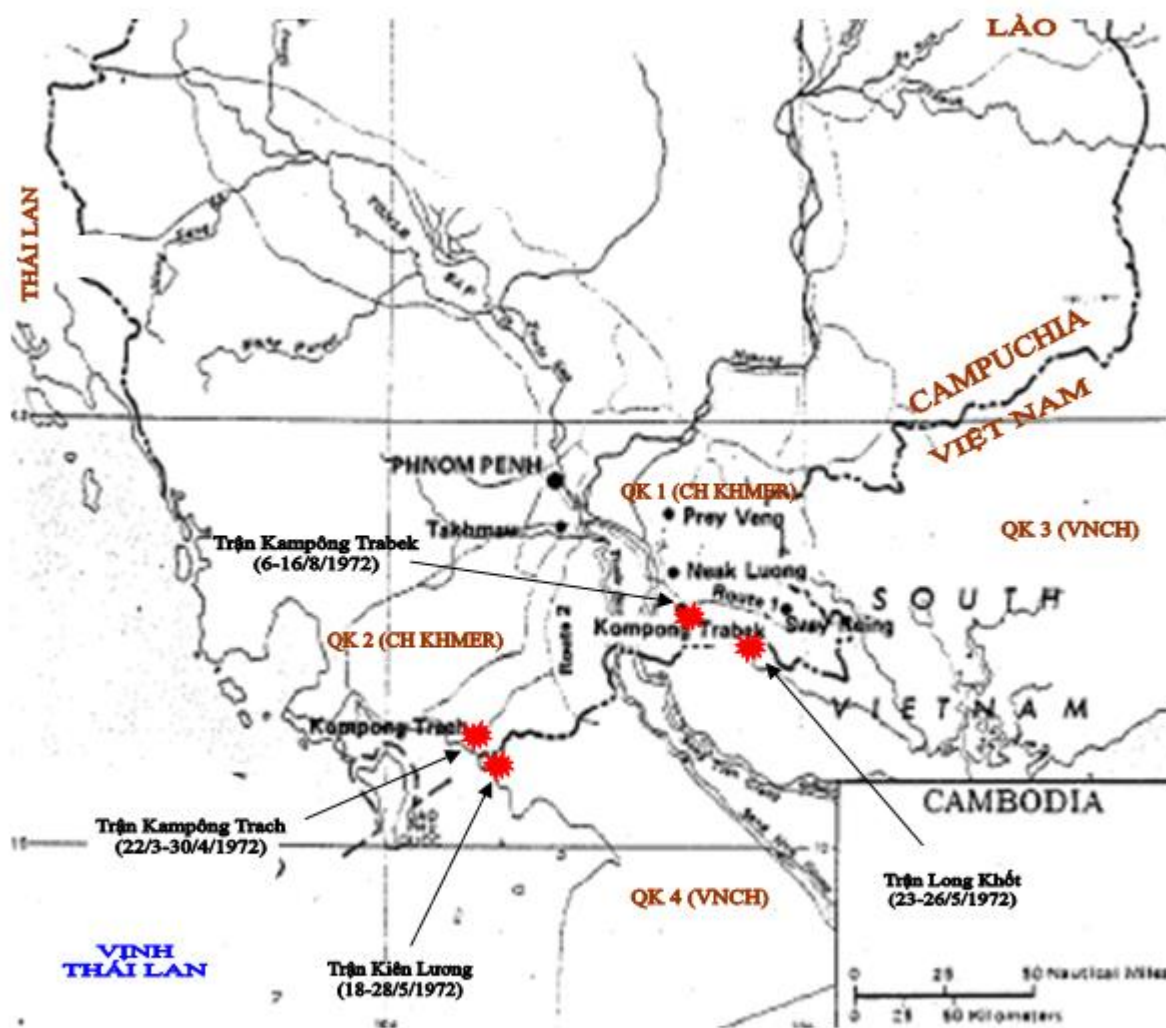
BẢNG 5 : KHOẢNG CÁCH TỪ TỈNH LÝ ĐẾN CÁC QUẬN CỦA TỈNH KAMPÔT

QUẬN	KHOẢNG CÁCH [km]
Angkor Chey	70
Banteay Meas	52
Chhuk	42
Chum Kiri	54
Dang Tong	51
Kampông Trach	35
Teouk Chhou	6
Kampôt	0

Tỉnh Kampôt nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm có 2 mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa nắng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Ba tháng nóng nhất trong

năm là 3-5. Nhiệt độ nóng nhất (28.5°C) trong tháng 4. Mát nhất (26°C) trong tháng chạp và tháng giêng. Mưa nhiều nhất trong hai tháng 7 và 8. Mưa ít nhất trong tháng chạp, tháng giêng và tháng 2. Mỗi năm trung bình có 103 ngày mưa. Vũ lượng trung bình hàng năm là 1976 mm. Ẩm độ trung bình hàng năm là 79%.

Cảnh quan nổi bật của thị trấn Kampông Trach là dãy núi đá vôi cùng với những chùa chiền chung quanh. Quận nằm trên giao tuyến giữa hai quốc lộ 16 và 17 của CPC. Từ Kampông Trach theo QL-16 đi về phía tây sẽ đến Kep[31], một bãi biển nổi tiếng đẹp và hải cảng Kampông Som (Sihanoukville), hải cảng quan trọng nhất của xứ chùa tháp[32]. Nếu đi ngược lên phía đông-bắc sẽ gặp thị trấn Tà Keo (Takeo). Nếu rẽ sang phía đông sẽ đến quận Vĩnh Gia thuộc tỉnh Kiên Giang của VN. Trở về phía nam là biên giới Việt - Miên và có thể đi về Hà Tiên, Rạch Giá (xem Sơ đồ 10-12).



SƠ ĐỒ 10 : QUÂN KHU 4 & VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT - CAMPUCHIA

Quân khu 4 của VNCH có cùng biên giới với hai quân khu 1 & 2 của Cộng hòa Miên. Quân khu 1 của Cộng hòa Miên bao gồm 4 tỉnh là Kampông Chàm, Prey Veng, Xoài Riêng và Kan Dal; quân khu 2 bao gồm 5 tỉnh là Kampông Speu, Kampôt, Takeo, Kampông Som và Koh Kông. Trong khi đó, Khmer đỏ cũng phân chia lãnh thổ Miên thành các quân khu. Ba quân khu có liên quan đến sự can thiệp của QLVNCH trong giai đoạn này là quân khu 405, 607 và 203. Quân khu 405 gồm hai tỉnh Tà Keo và Kampôt. Tỉnh Tà Keo được gọi là vùng 13 trong khi tỉnh Kampôt là vùng 35. Mỗi quận cũng được đánh số thay vì dùng tên, thí dụ quận Kampông Trách mang số 77, quận Túc Mía là 78. Quân khu 607 bao gồm tỉnh Kandal (vùng 25[33]) kể cả Nam

Vang và vùng phụ cận. Quân khu 203 gồm hai tỉnh Prey Veng và Xoài Riêng. Tỉnh Xoài Riêng là vùng 23 trong khi tỉnh Prey Veng là vùng 24[34]. Năm 1972 cũng là năm đánh dấu thời điểm Khmer đỏ bắt đầu loại trừ những cán bộ CS Miền tập kết từ miền Bắc VN trở về. Các sĩ quan KBTG của QLVNCH không tìm thấy VC nhưng chỉ thỉnh thoảng thấy Khmer đỏ chung quanh Kampông Trach vì đây là thời điểm mà các đơn vị VC phải tách rời hoàn toàn khỏi lực lượng Khmer đỏ[35]. Trong khi đó, người ta vẫn còn thấy Khmer đỏ và cán binh VC cùng đánh với FANK hay QLVNCH dọc theo QL-1 của Miền. Kampông Trach thuộc quân khu 405 trong khi Kampông Trabek thuộc quân khu 203 của Khmer đỏ và chính sách loại trừ ảnh hưởng duồn (VN) ra khỏi lực lượng Khmer đỏ chưa áp dụng đồng bộ ngay tức thời. Cũng trong khoảng thời gian này, Khmer đỏ trong hai khu vực đông và tây sông Cửu Long (vùng 25 nằm trong khu vực phía tây) bắt đầu xung đột nhau mặc dù cùng chung trách nhiệm đánh phá QL-1 của Cộng hòa Khmer. Lực lượng Khmer đỏ này gồm hai trung đoàn của khu vực phía đông phối hợp với trung đoàn 267 của vùng 25[36].

Từ năm 1971, thiết đoàn 12[37] KB hành quân lục soát dọc theo biên giới từ Ton Hon (đổi diện Giang Thành của VN) đến Hà Tiên. Mục đích để ngăn chặn VC xâm nhập vào theo hướng tây-nam của quân khu 4, đồng thời yểm trợ cho Quân đội Quốc gia Miền (FANK) giữ an ninh khu vực từ tỉnh lỵ Kampôt đến Tà Keo. Thiết giáp hoạt động đơn phương, không có bộ binh tòng thiết. Đôi khi hành quân chung với quân đội Miền của tỉnh này.

Các chi đoàn thuộc thiết đoàn 12 được phân bố như sau :

- Chi đoàn 1/12 TK đóng tại Pong Tuk cùng với một tiểu đoàn Miền (TĐT là Thiếu tá Kim Sol nguyên là một thượng sĩ LLDB/QLVNCH) thuộc lữ đoàn 27 (LĐT là Đại tá Ieng Seang, một sĩ quan đã tốt nghiệp Trường Võ bị Saint Cyr của Pháp) và hành quân theo yêu cầu của Chuẩn tướng Ung Nhot, Tỉnh trưởng tỉnh Kampôt. Chi đoàn 1/12 thường mở đường và giữ an ninh trục lộ từ Kampôt đến Túc Mía cho các đoàn xe tiếp tế cho tỉnh lỵ Kampôt.
- Thiết đoàn 12 TK (-) gồm hai chi đoàn 2/12 và 3/12 được tăng phái một đại đội công binh, một trung đội pháo binh 105 ly và khoảng hai đại đội thuộc tiểu đoàn 66 BĐQ đóng tại căn cứ Kampông Trach, nằm trên đường từ Hà Tiên đi Kampông Trach.

Khoảng giữa tháng 3/1972, liên đoàn 42 CT/BĐQ gồm ba tiểu đoàn 66, 93 và 94 do Trung tá Trần Kim Đại làm LĐT, được tăng phái chi đoàn 2/12 TK đang hành quân tại phía bắc Kampong Trach thì tiểu đoàn 94 BĐQ bất ngờ đụng độ với một đơn vị chính quy của VC tại một địa điểm nằm cách Kampông Trach 6 cây số về hướng bắc, cách Túc Mía khoảng 1 cây số về hướng nam. Theo lời kể lại của Trung tá Đại thì thiệt hại cả hai bên đều không đáng kể. CĐT chi đoàn 2/12 TK liền báo cáo ngay về Trung tá ThĐT thiết đoàn 12 tại Kampông Trach. Trung tá Đại cũng báo cáo về BTL Tiền phương của BK 44 tại Thất Sơn. Vì khoảng một thời gian dài không có dấu vết của quân CSBV, thỉnh thoảng mới có một vài hoạt động của Khmer đỏ. Sự kiện này cho thấy một biến cố quan trọng có thể sắp xảy ra.

Cũng đồng lúc này thì ThĐT thiết đoàn 12 được lệnh dẫn chi đoàn 3/12 TK trở về VN. Chi đoàn 1/12 TK phải rời vị trí đóng quân tại Pong Tuk, trở về Kampông Trach để bảo vệ BCH/HQ. Căn cứ Kampông Trach được phòng thủ ba mặt bắc, đông và nam. Hướng tây tiếp giáp với quận lỵ của Miền (xem Hình 23-24).

Chi đoàn 1/12 vừa thiết lập xong hệ thống phòng thủ thì ngay trong đêm, 4 tiểu đoàn VC tấn công căn cứ với chiến thuật tiền pháo hậu xung từ hai hướng bắc và đông-bắc. Vị trí pháo binh bị địch quân tràn ngập nên Thiếu tá Lâm, CĐT chi đoàn 1/12 kiêm luôn chức vụ chỉ huy phòng thủ quyết định cho TVX bắn phá hủy hai khẩu đại bác 105 ly. Ông không liên lạc được với BCH/HQ cũng như các đơn vị bạn trong căn cứ. Ông có điện về BTL lữ đoàn 4 KB tại Hà Tiên nhưng không nhận được quyết định nào của Đại tá Vũ Quốc Gia, Tư lệnh lữ đoàn. Trận đánh kéo dài đến khoảng

4 giờ sáng thì phi cơ từ hạm đội Mỹ bay vào yểm trợ. Khoảng một giờ sau thì VC rút lui. Có 4 TVX bị bắn cháy và một số binh sĩ của chi đoàn 1/12 bị thương vong. Các đơn vị khác hoàn toàn vô sự vì đã kịp thời di tản vào trại lính Miên đóng ở kế cận.

Sáng cùng ngày, ThĐT thiết đoàn 12 từ Cần Thơ trở lên căn cứ và ra lệnh cho chi đoàn 1/12 đưa một chi đội gồm 5 TVX/M-113 do Thiếu úy Đức làm chi đội trưởng, yểm trợ toán phát lương ra Ton Hon để đón BCH nhẹ và phát lương cho phần còn lại của tiểu đoàn 66 BĐQ đang đóng tại đây. Trên đường trở về, chi đội bị địch phục kích tại Phum Tuol Thnong. Chi đội trưởng vội ra lệnh cho chi đội rời lộ, băng đồng về căn cứ. Nhưng không ngờ khi di chuyển ngang qua một ngôi làng của Miên thì bị cả tiểu đoàn VC phục sẵn đồ ra tấn công tới tấp. Phi cơ Mỹ từ ngoài biển bay vào yểm trợ nhưng không hữu hiệu do hai bên đã trộn lẫn nhau. Cuối cùng chỉ có một TVX của chi đội trưởng thoát khỏi vòng phục kích. Chi đoàn 1/12 mất thêm 4 TVX và 12 quân nhân bị tử thương. Thiệt hại của địch không kiểm chứng được.

Khoảng 11 giờ trưa ngày 23/3, Trung tướng Trương dùng trực thăng bay đến căn cứ để thị sát chiến trường. Ông trực tiếp hỏi Thiếu tá Lâm, người đã chỉ huy cuộc phản công khuya ngày hôm trước (Trung tướng Trương đã biết ông Lâm khi hai người cùng phục vụ ngoài vùng giới tuyến khoảng 1968-69). Sau khi nghe thuyết trình chi tiết về trận đánh, Trung tướng Trương có hỏi vì sao biết được địch quân sử dụng hỏa tiễn 122 ly và pháo 130 ly thì được Thiếu tá Lâm trình bày là trong căn cứ còn một trái đạn 130 ly chưa nổ và những đuôi của hỏa tiễn 122 ly. Trung tướng Trương nhận xét tình hình nghiêm trọng nên hứa cho tăng viện cũng như sẽ gửi thay thế ngay 8 xe TVX đã bị thiệt hại^[38].

Ngày hôm sau, Đại tá Phạm Duy Tất, CHT/BĐQ quân khu 4, Đại tá Nguyễn Văn Cửa, Tư lệnh phó lữ đoàn 4 KB, Trung tá Trần Kim Đại, Liên đoàn trưởng liên đoàn 42 CT/BĐQ, tiểu đoàn 94 BĐQ cùng với 8 TVX/M-113 và đồ tiếp tế đến tăng cường cho căn cứ Kampông Trach. Một BCH/HQ được thành lập tại căn cứ. CHT là Đại tá Tất, CHP là Đại tá Cửa. Trong khi đó, BTL Tiền phương quân đoàn IV đặt tại Tô Châu, Hà Tiên. Pháo binh đóng tại Thạch Động, Hà Tiên.

3 giờ chiều ngày 24/3, chi đoàn 1/16^[39] TK do Đại úy Nguyễn Văn Răng làm chi đoàn trưởng cùng với tiểu đoàn 93 BĐQ được lệnh từ Thất Sơn, Châu Đốc đến tăng viện^[40]. Tiểu đoàn 94 BĐQ được bố trí lên đóng tại phía bắc Kampông Trach. TĐT tiểu đoàn 94 BĐQ là Thiếu tá Ngọc; Đại úy Lâm, TĐP bị tử trận trong khi lui binh.

Sáng ngày hôm sau, Trung tướng Trương lại dùng trực thăng lên thăm căn cứ. Chuyên viên thăm đã được CĐT chi đoàn 1/16 kê lại^[41] :

“Khoảng 10 giờ, Trực thăng Trung Tướng Ngô Quang Trưởng trên đường từ Hà Tiên đến báo sẽ đáp xuống thăm. BCH/HQ vội vã cùng ban tham mưu sắp hàng chờ đón. Chi đoàn 1/16 TK trên vị trí phòng thủ bảo vệ BCH trong đêm nên mọi thứ đã sẵn sàng. Tôi cho một M.113 hạ cầu dốc dự liệu bị pháo kích để Trung tướng Trương vào trú.

Tôi ra lệnh cho anh mang máy truyền tin thả trái khói màu xong thì theo sát bên tôi. Trực thăng vừa lượn ngang thì VC tập trung pháo kích, Tướng Trưởng vẫn cho trực thăng đáp xuống. Tôi chạy đến đón ông và ông đã kéo tay tôi đi một vòng xem vòng đai bố trí phòng thủ, trong khi toàn bộ tham mưu hành quân chạy tán loạn vào hầm trú pháo kích. Khi qua một vòng, ông quay trở qua cửa BCH/HQ nói gì đó với Đại tá Tất mấy câu xong kéo máy truyền tin PRC-25 của người hiệu thính viên mang theo tôi, gọi trực thăng trở lại đón ông. Trực thăng vừa đáp xuống lại bị một loạt đạn pháo kích tung bụi mù chung quanh trực thăng. Ông đập mạnh vào vai tôi khi tôi đang đứng thế nghiêm chào và quay sang bước lên trực thăng bên những tiếng nổ của đạn pháo kích bao quanh. Nét khắc khổ của Tướng Trưởng giờ vẫn ăn sâu vào trí não của tôi. Ông không nói lời nào, chỉ biểu lộ cử chỉ. Khi

hướng dẫn ông đi quanh bên trong vòng đai, thỉnh thoảng ông dừng lại khoanh khắc, rồi đi tiếp cho đến khi lên lại trục thẳng, không tỏ vẻ gì nóng giận, nhưng không giấu được nỗi buồn lắng sâu trong ông khi trục thẳng đáp xuống mà toàn ban tham mưu đang đón ông, nghe pháo kích chạy cả vào trong hầm trú ẩn. Tôi còn mặc chiếc áo giáp đỡ đạn, còn ông thì chỉ bộ treilli cùng với chiếc nón sắt và vẫn đứng thẳng người, bước xuống trục thẳng, kéo tay tôi cùng đi với ông trong khi những tiếng nổ chát chúa của đạn pháo chung quanh. Nỗi buồn đó đã khiến ông không vào để nghe thuyết trình mà chỉ hỏi vài câu rồi quay ra tự gọi trục thẳng đáp xuống để rời căn cứ”.



HÌNH 26 : SÚNG CỎI 81 LY M29

²³ Thiết vận xa M-125 là một biến dạng của TVX/M-113 với trang bị là súng cối 81 ly M29 được đặt trên bàn quay 360° và một đại liên .50 M2HB. Cấp số tiêu chuẩn đạn súng cối là 114 đạn. Cấp số tiêu chuẩn đạn đại liên 12.7 ly là 600 viên. M-125 có thiết giáp dày trung bình 38 mm, nặng 11100 kg, vận tốc tối đa là 64 km/giờ, vận tốc khi lội nước là 5.8 km/giờ. Xa đội gồm 6 người. TVX/M-125 được trang bị cho các chi đoàn thiết kỵ QLVNCH năm 1967. Mỗi chi đoàn có một chi đội yểm trợ gồm 3 chiếc.

CDT chi đoàn 1/16 viết tiếp những gì xảy ra sau đó (xem Hình 25-28):

"Chiều lại chi đoàn tôi và 1/12 TK được lệnh tấn công đám VC đứng lảng vảng tại phía đông căn cứ. VC thấy chúng tôi nài nịch lên xe và nổ máy thì chúng bắt đầu nã pháo đủ loại vào đơn vị. Chúng tôi đánh mạnh và thẳng vào tuyến hướng đông. Hai khẩu 106 không giật của chi đoàn đã đánh sập một góc hầm và ủi tung một căn nhà trú ẩn của chúng, bắt được hai tên VC, chúng khai đúng là Công trường 1 di chuyển vào khu này hai tuần nay, thu được một súng K-54.

... Đây có lẽ là một bộ phận truyền tin nên trong tài liệu ghi gửi đi đâu đó (mã số) đại khái là đơn vị đã vào đúng vị trí, nhiều thành quả, sẽ giữ chặt chúng.

Nhiều người xem qua nhưng có lẽ không mấy ai tin vào tài liệu này ...

Ngày hôm sau chi đoàn 3/12 TK do Đại úy Nguyễn Ngọc Xung, chi đoàn trưởng từ Cần Thơ đến nhập cùng thiết đoàn 12 KB.

Sáng ngày thứ năm, chi đoàn 3/12 TK nhận được lệnh lục soát ngoài vòng đai phòng thủ về phía đông thị trấn Kompông Trach. Chi đoàn 1/16 hành quân về phía tây thị trấn. Cả hai cùng lúc đụng độ nặng với các đơn vị không dưới một trung đoàn quân CSBV.

Chỉ 15 phút sau, chi đoàn 3/12 TK báo cáo có 5 TVX/M.113 bị bắn cháy[42]. Chi đoàn 1/16 TK chúng tôi vừa qua khỏi chợ Kompông Trach thì thấy dân chúng Miên lũ lượt từ bên trong chạy ra và báo cho biết VC rất đông trong ấy. Tôi biết chắc là sẽ đụng lớn với bọn nó, nên cho chi đoàn qua khỏi khu dân cư và bắt đầu vượt ngang đường sắt từ hải cảng Kompông Som qua và ra lệnh ngay cho chi đội yểm trợ 5 chiếc với 3 khẩu súng cối 81 ly và 2 khẩu đại bác không giật 106 ly bố trí lại phía sau kèm giữ hai bên đường sắt không cho chúng đánh vận động tập kích và khóa mặt hậu, vì đường sắt rất cao ngang cả thành xe. Vào sâu thêm trên 100 m nữa tôi cho khẩu phóng lựu đạn tự động Mark 19 có thể phóng ra từng dây 50 viên đạn M.79 bố trí giữa khoảng đất tương đối trống trải để có thể bắn rải yểm trợ bốn mặt. Chi đoàn tiến sâu vào khoảng 300 m nữa và khi còn cách bìa rừng chòi không hơn 100 m thì cho BĐQ từng thiết đồ xuống. Chỉ mấy phút sau, VC từ ba phía tràn ra dùng vận động đánh cả ba mặt. Các chi đội tha hồ bắn. Tôi cho lệnh BĐQ trở lại xe. Nhờ khẩu Mark-19 bắn chặn và quật ngã hầu hết các đơn vị VC bọc hậu, xác địch nằm chết tràn lan giữa cánh đồng trống trải chỉ cách ngọn núi hơn 300 m đã làm chúng khựng lại ý định tiêu diệt chi đoàn 1/16 chúng tôi. Sơn pháo từ trên núi bắn xuống, pháo chúng dồn dập xuống đầu chi đoàn, sau nửa giờ giao chiến với địch, quân số gấp mấy lần và không được yểm trợ, tôi mới đưa chi đoàn ra khỏi trận địa và cũng không thể nào tiến sát hơn để thu chiến lợi phẩm được.

Sáng ngày thứ sáu, BCH thiết đoàn 16 KB do Trung Tá Huỳnh Kiêm Mậu cùng chi đoàn 2/16 TK do Trung úy Nhan Văn Mụ, Chi đoàn trưởng di chuyển từ QL-4 ở miền Tây đến tăng cường và chi đoàn 2/12 TK sau đó cũng đến”.

Tình hình tạm lắng dịu. VC chỉ pháo kích một cách lẻ tẻ. Các đoàn xe tiếp tế vẫn có thể từ Hà Tiên lên xuống căn cứ Kampông Trach an toàn trong những ngày kế tiếp và khoảng thời gian sau đó. Căn cứ cho tái phối trí lực lượng. Chi đoàn 2/12 từ Túc Mía di chuyển về để cùng với chi đoàn 1/12 phòng thủ căn cứ. Thiết đoàn 16 (-) giữ hai mặt bắc và tây của thị trấn Kampông Trach. Trực thăng đến tải thương và tiếp tế thuốc men được mấy ngày thì VC đưa vào trận địa nhiều súng phòng không. Hỏa lực phòng không đã bắn hạ một trực thăng[43] khiến công tác bị gián đoạn. BCH/HQ đề nghị tiếp tế bằng dù nhưng khoảng phân nửa số dù bay lạc ra xa vòng đai phòng thủ, không thể thu nhặt được dưới áp lực của địch.

Tối ngày 26/3, thiết đoàn 9 do Trung tá Phạm Minh Xuân[44] làm ThĐT từ Chương Thiện đến tăng viện. Khi vừa đến nơi, Trung tá Xuân có đề nghị vào vùng hành quân vào sáng ngày hôm sau nhưng không được BCH/HQ chấp thuận. Thiết đoàn 9 rời tỉnh lộ 16 theo con đường mòn dẫn vào chợ giải phóng (xã Damnak Kantuot Khang Tboung của quận Kampông Trach) để đi vào căn cứ. CĐT chi đoàn 1/16 ghi lại chi tiết mà ông nghe được qua hệ thống truyền tin:

"Hơn 9 giờ đêm, nghe tiếng thiết đoàn 9 Kỵ binh di chuyển đến, tôi gọi anh HSQ hành quân đến mở máy theo dõi coi đã đến đâu. Tôi nghe tiếng Trung tá Phạm Minh Xuân gọi Đại tá Cửa vang trong máy :

- Cải cách[45], Cải cách, đây Xung phong[46], tôi đã đến nơi, cho biết vị trí để chúng tôi vào.

- Không có Cải cách hay Xung phong gì hết, mà là: 801, biết chưa. Cho toàn thể đi ngay vào vị trí này.

Ông Xuân bảo hơn 10 giờ đêm rồi, tối quá, xin tạm đóng quân bên ngoài nhưng Đại tá Cửa không đồng ý và bắt buộc phải vào vị trí ngay. Không nghe tiếng của Đại tá Tất, đang là Tư lệnh mặt trận.

Tôi bảo người HSQ hành quân mở bản đồ ra xem tọa độ nơi thiết đoàn 9 KB phải đi vào. Tôi thật sự bị kích động vì lệnh này, nhưng không làm gì được. Vì đây là khu vực vườn tiêu của người Miên trồng. Họ xây dựng từng cụm ô vuông đất, cạnh khoảng 5 m, cao không dưới 1.5 m, mỗi ô vuông đất cách nhau chừng 3 m, bên trên trồng 9 trụ cây to cho dây tiêu leo. Đây sẽ là tử địa cho thiết đoàn 9 KB, nếu vào hết cả thiết đoàn trong đó vào giờ này, chỉ có tan nát và chưa chắc trở ra được xe nào. Khu vườn tiêu này chỉ đoàn tôi mỗi lần vào hành quân thì tôi chỉ cho bộ binh và một chi đội là cùng vào lục soát thôi. M.113 vào đây thì không thể nào xoay xở, chỉ di chuyển được theo đường ô vuông mà thôi.

Cũng may thiết đoàn 9 KB (-) chưa vào hết bên trong đã bị VC phản ứng đánh trả ngay lúc vừa vào trong chỉ một phần. Chỉ trong vòng 15 phút, tôi theo dõi trên máy đã nghe tiếng thiết đoàn 9 kêu cứu nhưng giữa đêm, BCH/HQ có lẽ chẳng ai dám cho lệnh đơn vị nào đi tiếp cứu cả, và đã bỏ mặc cho Trung tá Xuân xoay xở, rút ra khỏi trận địa.

Sáng hôm sau, tôi dùng M.113 đi sang thăm thiết đoàn 9 và gặp ông Xuân, vẻ buồn thảm, thất chí của ông thấy thật tội nghiệp, tuy nhiên ông nói : mày lại đây ngồi với tao, ông đưa tôi một cốc rượu bảo uống đi. Tôi đi một vòng đếm qua chỉ còn 21 xe, còn ít hơn chi đoàn của tôi nữa, tôi không có hỏi qua về tôn thất, e rằng ông đau lòng. Sau đó thiết đoàn 9 có lệnh về lại hậu cứ Chương Thiện, và di chuyển yên lành về đến Hà Tiên chẳng thấy tên VC nào ra làm khó dễ trên đường đi cả. Sau đó tái bố xung để lên mặt trận An Lộc".

CĐT chi đoàn 1/16 kể tiếp những sự việc sau đó (xem Hình 29-32) :

"Khoảng gần cuối tháng 4/1972, BCH/HQ mới có được quyết định, hạ lệnh cho thiết-đoàn 16 KB (-) chúng tôi hành quân mở rộng về phía nam qua biên giới, đưa được toàn bộ thương binh về lại biên giới Hà Tiên yên lành, đồng thời lấy tiếp tế nhiên liệu, đạn dược, thuốc men và lương thực. Ba giờ chiều cùng ngày quay trở lên có thêm CĐ 3/16 TK từ Neak Luong Kampuchea được quân đoàn điều động về nhập vào. Khoảng một trung đoàn quân CSBV tập kích, chặn đánh đoàn quân ngay chính ngôi chùa giữa đường Kampong Trach - Hà Tiên. Chúng tấn công mặt đông đường tỉnh lộ dẫn lên Kampong Trach. Chúng bố trí nhiều loại đại liên 12,8 ly bắn mạnh vào sườn chi đoàn 2/16 TK trên có chở gần 200 quân nhân lên bổ sung cho các đơn vị BĐQ, gây cho ta một số thiệt hại. Chúng dùng một lực lượng cấp tiểu đoàn vận động đánh tập hậu vào phía trái đoàn quân, cắt CĐ 3/16 TK ở phía sau, bắn cháy 1 M.113 khiến chi đoàn phải quay trở lại Hà Tiên. Chi đoàn 1/16 TK chúng tôi đi phía tây, địa thế khá bất lợi vì quá nhiều gò mối liền nhau với nhiều cây cối cao và khá rậm rạp, tôi phải cho phóng mấy thùng hơi ngạt E-7 mới đuổi được bọn chúng ra xa, tuy nhiên cũng đã bị bắn cháy mất một xe súng cối M.125.

Sau khi đánh bật được đơn vị này của cộng-quân, đẩy chúng tháo chạy xa về hướng đông, thiết đoàn 16 (-) có lệnh đóng quân đêm lại nơi đây và chẳng bị một sự quấy rối nào của địch trong đêm, hôm sau toàn bộ lên lại vùng hành quân, bố trí phía nam căn cứ Kampong Trach.

BCH/HQ có lẽ lo sợ sư đoàn 1 BV đánh mạnh, nên mấy hôm sau đó đã xin thiết đoàn 2 KB, lúc bấy giờ đang hoạt động trong tỉnh Rạch Giá lên tăng cường chống lại ý đồ ấy của địch".

Được khoảng hơn 3 tuần thì tình hình của căn cứ Kampông Trach có vẻ nguy kịch vì địch quân pháo kích, đóng chốt, cắt đường tiếp tế và tàn thương khiến quân đoàn IV phải gửi thiết đoàn 2[47], đơn vị trừ bị cuối cùng của quân đoàn để giải tỏa đường từ Hà Tiên lên. Thiết đoàn 2 được lệnh về tập trung tại Tô Châu, nơi đặt BTL Tiền phương quân đoàn IV để đón tiếp đoàn 58[48] BĐQ sẽ là lực lượng tòng thiết. Trung tướng Trường có đến để tiễn đoàn quân ra trận.

Thiết đoàn rời tuyến xuất phát khoảng nửa ngày thì đụng trận. CĐT chi đoàn 3/2 kể lại[49] :

"Đến trưa thì chạm súng, phải đến chiều hôm đó mới thanh toán xong những ổ kháng cự. Rồi hai ngày sau đó, chúng tôi bị cầm chân ở khu vực gần ngôi chùa nằm cách Kompông Trach khoảng 5 cây số, vì cộng quân gài chốt ở khắp nơi. Đến ngày thứ 6 thì chúng tôi bám sát được ngôi chùa. Đại Úy Hà Văn Ron, Chi Đoàn Trưởng chi đoàn 1/2 TK bên cánh trái, và Đại úy Ngô Văn Cứ, CĐT chi đoàn 2/2 TK phía sau, cứ thế chúng tôi cùng với BĐQ tòng thiết tiến dần về hướng bắc.

Hôm đó, trong khi yểm trợ cho BĐQ thanh toán ngôi chùa nằm sát con lộ, tự nhiên tôi linh cảm một cái gì hắc ám từ cánh đồng trống mênh mông bên phải, nhìn về hướng Thất Sơn. Đó là cánh đồng lầy ngút ngàn trông như biển khơi, tôi liền điều động một chi đội cùng với Nghệ Thành Thân án ngữ về hướng đó. Khoảng một giờ sau, có lẽ tức quá, vì trong khi anh em đang chạm súng rầm rầm mà tôi lại bố trí Thân và một chi đội hướng ra đồng trống, Thân bỏ xe đi bộ tới gặp tôi:

- Ở đó trông quá có gì đâu Đông Phương[50] ?

Tôi giải thích:

- Anh nằm ngoài đó án ngữ rồi quan sát về phía bắc dùm để trong này được yên tâm, chứ ở đây rậm quá ...

Thân quay trở lại xe, khoảng nửa giờ sau thì y như rằng, một tiếng nổ ầm ngay ngoài đồng trống (họ đánh kiểu “đội mồi”) bắn trúng xe của Nghệ Thành Thân. Không còn nghe tiếng Thân trên hệ thống truyền tin nữa, tôi lập tức lệnh cho chi đội của Thiếu úy Hạnh bỏ vị trí, đến tiếp cứu Thân. Chỉ trong khoảnh khắc, ổ B-41 đó bị diệt. Thân vô sự, nhưng phải dùng xe của chi đội khinh kỵ vì xe của Thân đã bị tê liệt!

Và ngay sau đó, trận đánh quyết liệt nhất bắt đầu, khi từ những cụm vườn ở hướng Tây Bắc, cộng quân lừa những đàn bò chạy về phía chúng tôi, rồi họ chạy theo sau với mục đích dùng biển người để cướp sống xe, trong khi đạn pháo của họ bắn chặn phía sau chúng tôi. Mấy chục khẩu pháo gần Thạch Động được chúng tôi điều chỉnh bắn thật gần, và bắn tới đa. Ngay sau khi chúng tôi trụ lại được trước sức tiến công của địch quân, thì không quân VNCH được lệnh xuất kích. Tướng Trường đã điều động rất hay ở điểm này, vì khi đó địch quân đã lộ diện, việc dội bom sẽ rất chính xác dù hơi nguy hiểm vì phải dội bom quá sát những đơn vị bạn đang tham chiến, có một đợt bom dội vào ngay giữa đơn vị tôi, nhưng chúng tôi vô sự. Những chiếc phản lực cơ đánh thật đẹp, vừa nghe tiếng gầm thét là họ bỗng xuất hiện, bay thật thấp và dội đủ loại bom từ bom Napalm cho đến bom CPU... Chúng tôi không cần phải liên lạc vô tuyến để điều chỉnh, mà chúng tôi chỉ cần thả những trái khói màu tại chỗ để đánh dấu đơn vị bạn, và không quân VNCH sẽ dội bom về hướng bắc của những trái khói màu đó khoảng 300 mét trở lên là được. Ngay sau đợt oanh kích cuối cùng, chúng tôi lập tức tung ra đợt phản công, tràn lên chiếm giữ những nơi vừa bị đánh bom còn đang bốc khói ... Dĩ nhiên là Cộng quân phải rút lui chứ bọn chúng cũng không dại gì mà làm những con thiêu thân trước những con chiến mã đang nộ khí xung thiên gầm thét, giáng sấm sét lên đầu bọn VC hung tàn đó.

Anh em bên Biệt Động Quân có vẻ nhụt chí, khiến cho Nghê Thành Thân tức giận nhảy xuống khỏi xe, rồi cùng với một Đại Đội Trưởng của họ là Trung úy Gia xông thẳng vào phòng tuyến địch để họ phải tiến lên theo ... Thật ra Thân không phải rời xe để đánh như bộ binh như vậy, nhưng trong cơn cuồng nộ của bom đạn, Thân đã quên mình, quên cả tượng Phật.

Hôm đó chi đoàn tôi tịch thu được 6 máy truyền tin, 4 khẩu đại liên, một số B-40, B-41 và AK. Buồn cười cho ông ThĐT của tôi là Trung tá Nguyễn Hữu An, ông lấy máy chụp ảnh ra bảo Đại úy Trang chụp ảnh tôi và ông đang đứng trước đồng chiến lợi phẩm, sau trận đánh mới biết cái máy ảnh không có phim trong đó.

Trong số những chiến lợi phẩm tịch thu được, có những quyển nhật ký. Qua những quyển nhật ký đó chúng tôi biết được họ thuộc Công Trường 9 CSBV, cộng với 2 trung đoàn 51 và 52 Đặc Công, có một thành phần của sư đoàn 320 mà họ tự nhận là “Sư đoàn Thép” (Vào thời điểm đó, sư đoàn 320 CSBV đang tham chiến ở mặt trận Kom Tum ngoài vùng II). Có những câu nhật ký mà tôi còn nhớ rõ qua cách đọc rất tếu của Thiếu úy Hùng : “Đoàn xe bọc thép của quân nguy Sài Gòn mang hình đầu ngựa phun lửa, trong ba ngày đầu đã tỏ ra hung hăng tàn ác ... Nhưng những chiến sĩ anh hùng của ta quyết giáng cho chúng những đòn trừng trị đích đáng ...”, rồi Hùng kết luận “Sắt thép gì gặp mình cũng thành chuột lất hết!”. Cũng vui.

Hôm sau lại chạm súng lớn, chúng tôi bị tổn thất khá nặng. Phải rút về biên giới để tái tiếp tế, tái trang bị.

Nhìn những anh em bị thương nằm ngòai la liệt để chờ tản thương, bắt đầu là Đại úy Mãng - TĐT tiểu đoàn 58 BĐQ, rồi Đại úy Ron - CĐT chi đoàn 1/2 TK. Riêng chi đoàn tôi đã bỏ 2 xe, phải đôn khinh kỵ lên làm xạ thủ đại liên, lính BĐQ thì trở thành khinh kỵ. Cũng được tăng cường thêm một số tân binh đang thụ huấn ở Trung tâm Huấn luyện Chi Lăng.

Hôm sau lại tiến vào vùng lửa đạn, lại bị cầm chân. Có những cảnh tôi không quên được, như khi hay tin Chuẩn úy Kỳ, một thiếu sinh quân tài hoa vừa bị thương, tôi chạy đến để gặp Kỳ thì nhìn thấy cảnh Kỳ đang nghiến răng dùng lưỡi lê tự chặt vào phần xương dưới ống quyển còn dính lại để cho bàn chân rời hẳn đi cho đỡ khó chịu. Lúc đó lại nhận được tin người anh cả, Tướng Ngô Quang Trưởng vừa lên đường ra đảm nhận chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn I với mặt trận Quảng Trị. Hôm sau thì Trung tá An, Thiết đoàn trưởng, rời đơn vị và Thiếu tá Nguyễn Văn Việt Tân lên thay thế”.

Cái gì phải đến đã đến, cuộc rút lui khỏi căn cứ Kampông Trach đã được CĐT chi đoàn 1/12 kể lại[51]:

“Hôm đó Đại tá Tất và Đại tá Cua gọi tôi lên BCH và hỏi tôi bây giờ đánh ra phía Nam rút về Hà Tiên thì tôi có ý kiến gì. Tôi trả lời là nên phá vòng vây ra phía nam và rút hẳn về Hà Tiên thì mình chuẩn bị sẵn sàng ừ ra theo con lộ chính, tác xạ phủ đầu bằng mọi loại vũ khí sẵn có trên xe và dùng ống phóng EE8 (một loại hơi cay làm ngạt thở và chảy nước mắt) vào các nơi có bụi rậm mà mình nghi ngờ có VC ẩn nấp. Xe nào bị hư thì bỏ lại, chỉ bốc những quân nhân của các xe đó mà thôi. Không có thời gian dừng lại để kéo các xe hư được. Tuy nhiên khi địch biết ta phá vòng vây mở đường ra thì thế nào chúng cũng pháo kích tới đa. Do đó tài xế phải vững tay lái và tăng tốc độ tới đa. Như vậy tôi bảo đảm mình sẽ phá thủng vòng vây và rút về Hà Tiên an toàn. Tuy nhiên nếu thi hành theo phương cách này thì chỉ chi đoàn đi đầu là an toàn thôi, các chi đoàn còn lại thế nào cũng bị địch pháo kích mạnh. Cho nên các đơn vị này cũng phải di chuyển thật nhanh. Hai ông đại tá hội ý với nhau và đồng ý ra lệnh cho chi đoàn của tôi mở vòng vây rút về phía nam, chờ theo

hai ông đại tá. Lực lượng địch chống lại không mạnh. Có lẽ chúng đã rút đi vì sợ hỏa lực yểm trợ của không quân Mỹ. Khi đến gần chùa Miên (khoảng 5 km về phía nam Kampông Trach trên con đường đi Hà Tiên) tôi gặp Đại úy Răng, Chi đoàn trưởng chi đoàn 1/16 và Trung tá Mậu, Thiết đoàn trưởng thiết đoàn 16. Khi tôi vừa rút ra khỏi căn cứ thì địch bắt đầu pháo kích vào căn cứ một cách dữ dội nhưng cuối cùng cũng đều rút ra được hết. Chi có tiểu đoàn 94 BĐQ Biên phòng là bị kẹt ở trong quận lỵ vì tình trạng xói đậu".

Trong và sau khi lui binh[52], không ai nghe được kế hoạch lui binh có đề cập đến chi tiết về phản công để đề phòng địch quân truy kích. Chi đơn giản là làm thế nào rời khỏi căn cứ càng nhanh càng tốt mà thôi. Đây là một điểm đáng ngạc nhiên vì các binh thuyết gia phương Tây như Clausewitz[53] hay Bá tước de Jomini[54] đều cho rằng phải tổ chức phản công trong khi lui binh để tránh thất bại hoàn toàn, hậu quả của cuộc lui binh hỗn loạn có thể xảy ra.

Trước khi chấm dứt phần viết về trận chiến tại Kampông Trach, có lẽ nên tóm tắt lại thời điểm và chi tiết những gì xảy ra tại đây, theo một tài liệu của Mỹ[55], xem Bảng 6. Lưu ý là sau các cuộc hành quân vượt biên năm 1970, quân đội Mỹ không được quyền tháp tùng các đơn vị của QLVNCH sang Lào và Campuchia nữa[56]. Do đó những số liệu ghi chú trong Bảng này có thể từ hai BTL biệt khu 44 hay BTL quân đoàn IV, qua các cố vấn Mỹ phục vụ tại đây. Ngày quân CS bắt đầu tấn công Kampông Trach không được đồng ý bởi người trong cuộc[57]. Trung tướng Trưởng ra nhận bàn giao chức vụ Tư lệnh quân đoàn I ngày 3/5/1972 nhưng cuộc lui binh khỏi căn cứ Kampông Trach lại được cho rằng đã xảy ra khoảng một tuần sau, tức là ngày 10/5/1972[58]. Chiếc trực thăng duy nhất bị VC bắn rơi được ghi nhận vào ngày 16/4, nghĩa là công tác chuyển vận bằng trực thăng chỉ bị ngưng sau ngày này[59].

BẢNG 6 : CĂN CỨ KAMPÔNG TRACH - NHỮNG DẤU MỐC THỜI GIAN

THỜI ĐIỂM	SỰ KIỆN
5/4/1972	QLVNCH phá vỡ áp lực chung quanh căn cứ với thiệt hại của QLVNCH là 16 tử trận, 64 người bị thương, mất 63 vũ khí các loại
7/4	Một tiểu đoàn BĐQ đụng độ với VC gần căn cứ và hạ được 50 trong khi có 4 binh sĩ tử trận, 16 người bị thương và 40 binh sĩ mất tích, mất 44 vũ khí các loại
12/4	Bốn tiểu đoàn quân CS thuộc đơn vị C30b tấn công căn cứ. Kết quả 163 địch quân bị hạ, quân phòng thủ có 8 binh sĩ tử trận và 42 người bị thương. Cũng từ bây giờ, trực thăng tiếp tế bị đình hoãn vì hỏa lực phòng không địch, do đó phải thả dù hàng hóa tiếp tế cho căn cứ
16/4	Một tiểu đoàn của quân đội Quốc gia Miên bắt tay với lực lượng phòng thủ
25/4	Thiết đoàn 2 bắt tay được với lực lượng phòng thủ
28/4	Hai phi tuần B-52 oanh tạc vùng phụ cận Kampông Trach
30/4/1972	Căn cứ được lệnh di tản

2.2.2. Nhà máy xi măng Hà Tiên tại Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, VNCH

Từ năm 1757, Kiên Giang là một đạo ở vùng Rạch Giá thuộc trấn Hà Tiên do Mạc Thiên Tích lập nên. Năm 1808 (Gia Long năm thứ 7), đạo Kiên Giang được đổi thành huyện Kiên Giang. Năm 1832, vua Minh Mạng cho đổi tên thành Gia Định ra thành Phiên An. 5 trấn của thành được chia lại thành 6 tỉnh (lục tỉnh) là Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Kiên Giang thuộc phủ An Biên của tỉnh Hà Tiên. Sau khi chiếm được Nam Kỳ lục tỉnh, Pháp xóa bỏ hệ thống hành chính cũ của nhà Nguyễn. Ngày 15/6/1867, tỉnh Hà Tiên được đổi

thành hạt thanh tra Kiên Giang. Ngày 16/8/1967, đổi tên một lần nữa thành hạt Kiên Giang, thuộc tỉnh Rạch Giá.

Năm 1956, theo sắc lệnh số 143-NV của chính phủ VNCH, tỉnh Hà Tiên bị bãi bỏ và 4 quận Châu Thành, Hòn Chông, Giang Thành và Phú Quốc được sáp nhập vào tỉnh Rạch Giá để thành lập tỉnh Kiên Giang. Đến tháng 5/1965, tỉnh Hà Tiên được tái lập.

Năm 1957, chính phủ VNCH lại ra nghị định số 281-BNV/HC/NĐ ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Kiên Giang gồm 6 quận là Kiên Thành, Kiên Tân, Kiên Bình, Kiên An, Hà Tiên và Phú Quốc, 7 tổng và 58 xã. Chính phủ lại ban hành nghị định số 368-BNV/HC/NĐ ngày 27/12/1957 và được bổ túc bởi nghị định số 281-BNV/HC/NĐ ấn định lại các đơn vị hành chính của tỉnh Kiên Giang. Điều 1 của Nghị định này nêu rõ, quận Kiên An gồm thêm xã Vĩnh Tuy. Ngày 13/6/1958, chính phủ VNCH ban hành nghị định số 314-BNV/HC/NĐ về việc sửa đổi đơn vị hành chính tỉnh Kiên Giang. Điều 1 của nghị định này quy định tách quận Kiên Bình thành 2 quận là Kiên Bình và Kiên Hưng. Theo niên giám hành chính của VNCH năm 1971 thì tỉnh Kiên Giang gồm có 7 quận là Kiên Thành, Kiên Tân, Kiên Bình, Kiên An, Kiên Lương, Hà Tiên và Phú Quốc với 42 xã và 247 ấp.

Năm 1973, tỉnh Kiên Giang có 8 quận là Kiên Thành, Kiên Tân, Kiên Bình, Kiên An, Kiên Lương, Hà Tiên, Phú Quốc và Hiếu Lễ. Tỉnh lỵ là thị xã Rạch Giá, cách Sài Gòn khoảng 250 km về phía tây-nam (xem Sơ đồ 13-16).

Tỉnh Kiên Giang giáp với hai tỉnh Châu Đốc và An Giang phía đông-bắc; phía đông giáp tỉnh Phong Dinh; tỉnh Chương Thiện ở phía đông-nam và tỉnh An Xuyên ở phía Nam; có cùng biên giới với nước CPC tại phía bắc, với đường biên giới dài 54 km và vịnh Thái Lan ở phía tây với bờ biển dài hơn 200 km. Sau năm 1975, chính quyền CS cho sáp nhập hai tỉnh Kiên Giang và Chương Thiện thành tỉnh Kiên Giang mới, tỉnh lỵ vẫn đặt tại Rạch Giá.

Ngày nay, tỉnh Kiên Giang có 15 đơn vị hành chính gồm thành phố Rạch Giá, thị xã Hà Tiên và 13 huyện là An Biên, An Minh, Châu Thành, Giang Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, Hòn Đất, Kiên Hải, Kiên Lương, Phú Quốc, Tân Hiệp, Vĩnh Thuận, U Minh Thượng. Tỉnh còn bao gồm hơn 100 đảo lớn nhỏ ngoài khơi như hòn Tre, hòn Thỏ Châu, hòn Chông, Hòn Rái, hòn Nam Du, v.v. Tỉnh Kiên Giang có diện tích 6.346.27 km². Dân số tỉnh Kiên Giang gồm 1.683.149 người (theo thống kê năm 2009).

Do nằm ở vĩ độ thấp và giáp biển nên tỉnh Kiên Giang có khí hậu nhiệt đới đại dương, đặc điểm chung là nóng ẩm và mưa nhiều theo mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, có nhiều năm mùa mưa đến sớm và kết thúc muộn hơn các khu vực khác của đồng bằng sông Cửu Long. Mưa nhiều nhất trong tháng 8, lượng mưa trong tháng này có thể đạt 300 - 500 mm. Lượng mưa trung bình 2 118 mm/năm. Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 27-28°C, tháng lạnh nhất là tháng giêng và tháng chạp (25-26°C); hai tháng nóng nhất trong năm là tháng 4-5 (28-29°C). Độ ẩm tương đối trung bình là 82%.

Khi nói đến Hà Tiên, người ta sẽ nghĩ ngay đến lăng Mạc Cửu[60], thắng cảnh hòn Phụ Tử [61] và nhà máy xi-măng Hà Tiên[62] (xem Hình 33-34).



HÌNH 33 : NHÀ MÁY XI-MĂNG HÀ TIÊN NGÀY ẤY

Nhà máy xi măng Hà Tiên là một trong những phát triển công nghiệp đầu tiên của chính phủ Ngô Đình Diệm, trong kế hoạch ngũ niên lần thứ nhì. Một hãnh diện về những thành tựu xây dựng và công nghiệp hóa của một nước cộng hòa non trẻ, vừa mới giành lại được độc lập. Dĩ nhiên sẽ trở thành mục tiêu khi chiến tranh phá hoại phát triển và đối phương tìm được cơ hội. Nhà máy đã bị quân CS tấn công nhiều lần[63].

Ngày 18/5/1972, VC tấn công nhà máy xi-măng Hà Tiên tại Kiên Lương. Tin tức tình báo của QLVNCH cho biết lực lượng tấn công là hai trung đoàn 52 đặc công và 101D thuộc sư đoàn 1. Vì tính cách nghiêm trọng trên cả hai phương diện chiến thuật và kinh tế, QLVNCH tổ chức đánh lấy lại. Trận đánh đã được một sĩ quan cao cấp của QLVNCH kể lại như sau[64] :

"Thấy quân ta rút lui, Đ 1 CSBV tuy đã yếu thế nhưng cố vót vát tiến chiếm Kiên Lương, cơ sở Xi Măng Hà Tiên. LĐ 42 BĐQ/CT vừa trở về chưa được dưỡng quân thì lập tức nhận lệnh tăng phái cho Sư đoàn 9 Bộ Binh dưới quyền Tướng Trần Bá Di, rồi được điều động đến Kiên Lương để giải tỏa khu vực này. Trung tá Trần Kim Đại cùng với LĐ nhanh chóng đến Kiên Lương để lâm trận. Bản thân tôi và Bộ Chỉ huy nhẹ không còn trách nhiệm gì trên mặt trận này, trở về Bộ Chỉ huy Hành quân ở Thất Sơn với trách nhiệm, nhiệm vụ cũ trước đây. Có lẽ Tướng Di hiểu quá rõ khả năng và sở trường của Biệt Động Quân Biên phòng nên đã ra một lệnh cho Trung tá Đại vô cùng khắc nghiệt tương chừng như khó thực hiện được, hay ít nhất cũng phải chấp nhận một tổn thất cao. Ấy thế mà Trung tá Đại thì bình tĩnh lắm, tự tin là khác. Lệnh ban ra là: BĐQ phải tái chiếm hăng Xi Măng Hà Tiên nguyên vẹn không được làm hư hại bất cứ thứ gì, có nghĩa là Trung tá Đại không được sử dụng Pháo binh, không được gọi Không quân yểm trợ, không được sử dụng vũ khí nặng[65]. Ấy vậy mà Trung tá Đại và LĐ 42 BĐQ/CT tạo được một chiến công "thần kỳ" thứ hai. Chỉ vỏn vẹn trong vài ngày ngắn ngủi, LĐ 42 BĐQ/CT đã chiếm lại hoàn toàn cơ sở Xi Măng Hà Tiên, đánh tan lực lượng CS khiến họ phải tháo chạy về biên giới. Thật ra các Tiểu đoàn BĐQ/BP còn thiếu kinh nghiệm về lối đánh trận địa chiến nhưng có quá nhiều kinh nghiệm về đánh đêm, đánh biệt kích. Chính đó là sở trường của họ mà Tướng Di đã phát huy. Trung tá Đại đã hoàn thành mệnh lệnh của Tướng Di thật hoàn hảo, xuất sắc. Tuy tôi không có trách nhiệm trong trận chiến này nhưng vùng biên giới vốn là trách nhiệm thường xuyên của tôi trong nhiều năm qua nên địa hình, địa vật trong khu vực này tôi quen thuộc lắm. Sau khi Trung tá Đại nhận lệnh từ Tướng Di, liền cấp tốc báo cáo cho tôi. Trung tá Đại thì có vẻ tự tin nhưng tôi không thể không lo cho quân của mình dù đã tăng phái. Phản ứng thật nhanh, tôi yêu cầu Đ 9 BB chấp thuận cho tôi điều động Tiểu đoàn 86 BĐQ/BP thuộc trại Bình Thạnh Thôn do Thiếu tá Tạ Thành Lộc chỉ huy thuộc LĐ 41 BĐQ/CT đóng tại Mộc Hóa trực thăng vận chớp nhoáng vào chiếm lĩnh núi Hòn Cọp. Gọi là núi nhưng thật sự là một ngọn đồi thấp nằm chận giữa con đường Kiên Lương

đến Hà Tiên. Nơi đây là cơ sở chỉ huy, trạm xá tiền phương, tiếp vận, giao liên, con đường tiến thoái của đôi phương. Cuộc đổ quân thật bất ngờ và táo bạo của TD 86 BĐQ/BP, Thiếu tá “Paul Húc” Tạ Thành Lộc và quân của ông ta chỉ xoải có chục bước đã chiếm lĩnh ngay ngọn đồi này, đánh tan thành quân CS. Cũng phải nói thêm, Trung tá Đại, nhờ sự hỗ trợ rất tích cực của “Paul Húc” Tạ Thành Lộc và TD 86 BĐQ/BP, đã kết thúc hoàn toàn trận chiến Kampông Trach [sic] một cách nhanh chóng về vang”.

Trận chiến tại đây kéo dài đến ngày 28/5 mới chấm dứt[66].

Tài liệu mô tả trận đánh trên cho thấy một sai lầm về tình báo vì trên thực tế VC chỉ có hai đại đội của trung đoàn 52 thuộc sư đoàn 1 tấn công nhà máy xi-măng và khu dân cư [67]. Dĩ nhiên các đơn vị chủ lực thường được tăng cường bởi các đơn vị địa phương và du kích dẫn đường. QLVNCH trên thực tế sử dụng ba tiểu đoàn BĐQ (66, 93 thuộc liên đoàn 42 CT/BĐQ và 58 thuộc liên đoàn 41 CT/BĐQ), thiết đoàn 2 KB và ba tiểu đoàn ĐPQ (414, 527 và một tiểu đoàn ĐPQ được tăng phái từ tiểu khu An Giang). BCH/HQ đặt gần cầu Vàm Rày, cách Kiên Lương 14 km. Đại tá Huỳnh Văn Chính, TKT tiểu khu Kiên Giang dùng trực thăng bay điều động cuộc tái chiếm đã bị hỏa lực của VC bắn hạ gần kính Tám Ngàn. Cố vấn tiểu khu đã gọi trực thăng của Mỹ đến tiếp cứu ông và phi hành đoàn. Một chi đoàn trưởng tham dự trận tái chiếm ngay từ giờ phút đầu, cho rằng mức độ tác chiến không đáng kể để có thể cho là một trận đánh !

Tài liệu của CS cho biết Hiếu, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 6 của K6 (mật danh của trung đoàn 52) ra hồi chánh đã cung khai với QLVNCH kế hoạch của cuộc tấn công sắp xảy ra. Trong khi phản công, QLVNCH đánh trúng trạm xá của trung đoàn[68]. Tuy nhiên tin tức này không khả tín vì nếu biết trước thì tại sao Thiếu tá Nguyễn Đình Phúc, CKT Kiên Lương và tiểu đoàn ĐPQ được tăng phái từ tiểu khu An Giang, có nhiệm vụ bảo vệ nhà máy xi-măng, lại để xảy ra sự cố này ?

Trận đánh tuy nhỏ nhưng cho thấy mục đích ngăn chặn quân CS xâm nhập vào quân khu 4 qua việc thiết lập căn cứ Kampông Trach là vô ích. Cũng có ý kiến cho rằng vì QLVNCH đã lui binh khỏi Kampông Trach, mở đường cho VC xuống tấn công Kiên Lương. Điều này chỉ đúng khi cả hai nơi đều có sự tham dự của sư đoàn 1. Tài liệu sau chiến tranh cho thấy không phải như vậy. Trên thực tế, QLVNCH không bao giờ ngăn chặn được đường xâm nhập 1C từ Túc Mía, Lục Sơn vào mật khu Trà Tiên trước khi xuôi nam để đi vào U Minh[69]. Ngoài ra hai trung đoàn của C30b bao vây Kampông Trach là để cầm chân QLVNCH trong khi sư đoàn 1 cố gắng mở đường xâm nhập VN là hai sự kiện độc lập. Sư đoàn 1 do Bộ TTL quân đội CSBV điều động trực tiếp do đó không nằm trong chiến dịch tiến công tổng hợp của quân khu 9. Trong khi đó, các đơn vị tấn công Kampông Trach được biệt phái cho quân khu này. Sai lầm về tình báo đã đưa đến việc phí phạm lực lượng.

Chi đoàn 3 của thiết đoàn 2, đang đóng quân dọc theo kinh Tám Ngàn được lệnh đến giải tỏa. CĐT 3/2 đã ghi lại những gì ông nhìn thấy khi mới đến vùng hành quân như sau[70] :

“Tôi còn nhớ cảnh dân chúng ở trong quận mới bắt đầu tản cư ra khỏi Kiên Lương khi chúng tôi vừa đến, như cảnh một chiếc đò máy chở đầy người (khoảng 100 người) khi đến ngang chỗ tôi đang đứng là vòng đai ngoài cùng của Kiên Lương, thì một quả đạn pháo rơi xuống lòng kinh ngay bên hông phải của chiếc đò khoảng 1 mét và nổ tung dưới nước, tôi đứng nhìn theo cho đến khi chiếc đò máy đi khuất về hướng Rạch Giá mà không bị mảnh đạn nào làm chìm”.

Chi đoàn 3/2 đánh chiếm lại chi khu và khu cư xá công nhân của nhà máy xi-măng Hà Tiên. Sau đó chi đoàn được lệnh rút ra để trở lại vùng đóng quân cũ khi BCH thiết đoàn và phần còn lại của thiết đoàn đến Kiên Lương. Ngay trong đêm, một xe súng cối 107 ly (M-106) của chi đoàn bị

VC đột kích bắn nổ tung tại vị trí đóng quân, ngay ngoài vành đai quận Kiên Lương. Thiếu úy Phát đã chết mà xác không còn một mảnh nào cả (xem Hình 35-36).

CĐT chi đoàn 3/2 viết tiếp khi đơn vị của ông được lệnh trở lại khu nhà máy xi-măng :

"Vài ngày sau tôi lại được lệnh trở ra Kiên Lương, chính mắt tôi nhìn thấy khoảng 5 du kích địa phương, tay cầm bản đồ giống như mình vậy, lom khom chạy dưới con kinh ngang về hướng Đông để tháo chạy. Tụi nó cởi trần mặc quần đùi như thường lệ mỗi khi lên đọt đánh chiếm đồn bót, quận lỵ vậy !

Thú thật tôi không hề thấy một bộ đội chính quy CSBV nào trong trận giải tỏa Kiên Lương và nhà máy Xi Măng Hà Tiên như nhiều người viết!".

Mặc dù đã chiếm được thị trấn Kiên Lương và nhà máy xi-măng Hà Tiên nhưng tài liệu của CS khi nói về những hoạt động của quân khu 9 trong thời gian này hoàn toàn không đề cập đến trận đánh, xảy ra trong khoảng thời gian của cao điểm 3 (8/5-8/6/1972) trong chiến dịch tổng hợp năm 1972, để phối hợp với chiến trường toàn miền[71]. Sau chiến tranh, thân nhân của các cán binh thuộc sư đoàn 1 bị thiệt mạng tại Kiên Lương cho biết gặp khó khăn trong khi truy tìm tung tích mộ phần vì lúc bấy giờ, sư đoàn 1 được Bộ TTL quân đội CSBV điều động trực tiếp chứ không thuộc B2[72].

2.2.3. Chi khu Tuyên Bình (Long Khốt), tỉnh Kiến Tường, VNCH

Theo sắc lệnh số 143/NV ngày 22/10/1956, tỉnh Mộc Hóa (được thành lập từ tháng 2/1956) được đổi tên thành tỉnh Kiến Tường gồm 3 quận là Châu Thành, Tuyên Bình và Ấp Bắc. Sau đó quận Ấp Bắc được đổi tên thành quận Kiến Bình. Ngày 13/9/1958, quận Kiến Bình được tách ra thành 2 quận là Kiến Bình và Tuyên Nhơn. Sau khi chiếm miền Nam, CS cho sáp nhập hai tỉnh Long An, Kiến Tường và một phần của tỉnh Hậu Nghĩa cũ thành tỉnh Long An mới vào tháng 2/1976.

Không như các tỉnh khác, tại Kiến Tường VC không tổ chức hệ thống huyện "ngầm" song hành với hệ thống hành chính của chính phủ VNCH. Tỉnh Kiến Tường được VC tổ chức thành 4 vùng thay vì huyện. Mỗi vùng có đảng bộ nhưng lại có ban cán sự thay vì đảng ủy. Bốn vùng 2, 4[73], 6 và 8 tương đương với 4 quận của tỉnh Kiến Tường của VNCH là Châu Thành, Kiến Bình, Tuyên Nhơn và Tuyên Bình (xem Sơ đồ 17-20).

Tỉnh Kiến Tường thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mỗi năm gồm có hai mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11 với gió mùa tây-nam. Mưa nhiều nhất trong tháng 5. Mùa khô từ tháng chạp đến tháng 4 năm sau, có gió mùa đông-bắc. Trời nắng kéo dài trung bình 7.3 đến 9.9 giờ/ngày. Chỉ còn khoảng 5.5 đến 7.3 giờ/ngày có nắng trong mùa mưa. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 28°C, với biến thiên giữa các tháng khoảng 4°C. Hai tháng nóng nhất là 4-5 với nhiệt độ trung bình lần lượt là 29.5°C và 29.3°C. Tháng chạp và tháng giêng tương đối mát với nhiệt độ lần lượt là 26.4°C và 26.0°C. Độ ẩm trung bình hàng năm là 79.2%. Độ ẩm tối đa trong tháng 8 (82.5%) và tối thiểu vào tháng 4 (74.1%).

Tại quân khu 4, LLDB Mỹ có BCH/C4 chỉ huy 5 toán B. Mỗi toán B gồm có nhiều trại LLDB. Riêng toán B-41 đóng tại Mộc Hóa chỉ huy 8 trại LLDB, trong đó có trại Bình Thành Thôn. Cuối năm 1964, toán LLDB Mỹ đến đặt căn cứ tại chi khu Long Khốt để chờ thiết lập trại LLDB này. Trại được thiết lập trên một ngọn đồi nhỏ mà công binh Mỹ đã san bằng, VC gọi là đồi Măng-Đa. Tháng giêng năm 1965, toán A-424 LLDB Mỹ do Đại úy R Allen chỉ huy di chuyển sang trại mới với hai nhiệm vụ là tuần phòng vùng biên giới và bình định khu vực địa phương. Trại được chuyển thành BĐQ Biên phòng ngày 31/10/1970[74].

Chi khu Tuyên Bình đặt cách biên giới Việt-Miên khoảng 700 mét trên vùng đất bằng phẳng. Chung quanh có rải rác 14 ấp, nằm dọc theo rạch Long Khốt và sông Vàm Cỏ Tây. Tỉnh lỵ Mộc Hóa cách chi khu 22 km về phía đông-nam. Trại LLĐB Bình Thành Thôn nằm cách chi khu 6 km về phía tây-nam. Chi khu gồm hai khu cách nhau khoảng 200 mét. Tòa nhà chính có kích thước 100 x 125 m là quận đường. Chung quanh có mô đất cao 2-3 m và hàng rào kẽm gai bao bọc. Lực lượng trú phòng gồm 1 đại đội ĐPQ có quân số 80-90 người, 4 trung đội nghĩa quân và đơn vị trinh sát tỉnh[75].

Tài liệu của CS phác họa một cách tổng quát vai trò của vị trí Long Khốt[76]:

"Mộc Hóa là một trong những vùng đất có vị trí chiến lược quan trọng đối với lực lượng cách mạng ở Nam Bộ, đặc biệt là các tỉnh thuộc Trung Nam Bộ, vì đây là trung tâm, Đồng Tháp Mười, có đường biên giới Việt Nam - Campuchia dài 98,5 kilômét, nằm trên đường hành lang chiến lược từ miền Đông sang miền Tây Nam Bộ và từ biên giới xuống các tỉnh Trung Nam Bộ. Trong kháng chiến chống Pháp, nơi đây nổi danh trong cả nước là địa bàn căn cứ hoạt động của Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính, Bộ Tư lệnh Nam Bộ và các cơ quan trực thuộc. Nơi đây đã khai sinh các đơn vị vũ trang của Nam Bộ. Trong những năm 1954 - 1956, lại trở thành nơi hội tụ của lực lượng cách mạng chống các thủ đoạn đánh phá tàn bạo của Mỹ - Diệm. Chính vì vậy đầu năm 1956, Mỹ - Diệm tách quận Mộc Hóa ra khỏi tỉnh Tân An và lập tỉnh Kiến Tường, một trong những "đặc khu chống cộng" ở Nam Bộ".

Trận tấn công Long Khốt đầu tiên và qui mô nhất đã được ghi lại như sau[77] :

"Đầu tháng 12 năm 1969, trung đoàn 88 chủ lực Miền được tăng cường cho quân khu 8, khi về đến biên giới Kiến Tường được sự chỉ đạo của quân khu phối hợp với các đơn vị vũ trang Kiến Tường đánh căn cứ Long Khốt (chi khu Tuyên Bình) của địch. Đây là một căn cứ khá vững chắc của địch ở vùng biên giới, ta đã đánh nhiều lần nhưng chưa lần nào dứt điểm được. Đêm 2 rạng 3 tháng 12 năm 1969, ta nổ súng tấn công, nhưng ta chỉ chiếm được các bót bên ngoài, khu chợ, bót cảnh sát, công sở xã Thái Bình Trung, không chiếm được căn cứ. Trời sáng rõ, địch tăng cường lực lượng cả phi cơ và tàu chiến lên giải tỏa. Lực lượng Trung đoàn 88 và các đơn vị của Kiến Tường phải lùi qua biên giới Campuchia. Trận đánh không giành được thắng lợi, lực lượng ta thương vong hơn 100 đồng chí. Đây là một tổn thất lớn ở Kiến Tường từ sau Mậu Thân (1968)".

Với vị trí then chốt như vậy, dĩ nhiên chi khu đã nhiều lần bị quân CS tấn công hay tạo áp lực. Tháng 10/1971, tiểu đoàn 33 thuộc liên đoàn 5 BĐQ đã đụng độ khi truy lùng tung tích của sư đoàn 5 VC gần Long Khốt[78]. Ngày 27/4/1974, cũng trung đoàn 275 và tiểu đoàn 25 đặc công thuộc sư đoàn 5 VC được yểm trợ bởi TVX/M-113 và đại bác 105 ly chiếm được của QLVNCH lại tấn công Long Khốt. Với yểm trợ hữu hiệu của không quân, căn cứ Long Khốt đã đẩy lui được địch quân[79]. Tháng 12/1974, Long Khốt lại bị quân CS tấn công lần nữa nhưng vẫn bị QLVNCH đẩy lui. Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, Tư lệnh quân đoàn IV được cho biết đã đến thanh sát trung đoàn 12, sư đoàn 7 đang giao tranh với VC[80].

Trở lại khoảng thời gian trong chiến tranh quốc cộng, Long Khốt là một vị trí thuận lợi để xâm nhập vào lãnh thổ VNCH. Có hai lý do để giải thích sự kiện quân CS thường xâm nhập vào lãnh thổ VNCH qua Long Khốt :

- Về địa thế, tỉnh Xoài Riêng của CPC có hai vùng ăn sâu vào đất VNCH, một phía đông là vùng Cánh Tiên giáp ranh hai tỉnh Hậu Nghĩa - Tây Ninh. Bên phía tây là vùng Chân Trượng kế cận chi khu Long Khốt của tỉnh Kiến Tường. Long Khốt lại nằm gần đường xâm nhập 1B của VC nên dĩ nhiên thuận lợi cho sự tiếp cận của bộ binh địch.

- Trên mức độ nghệ thuật chiến dịch và chiến lược, quân CS thường đánh phá Long Khốt để tạo thành hành lang với mật khu Trí Pháp, nối liền miền đông với miền Tây[81].

Nhiệm vụ của các đơn vị VC tỉnh Kiến Tường trong chiến dịch tiến công tổng hợp (1972) là phối hợp với chiến trường trên toàn khu và toàn miền, đẩy mạnh đánh phá bình định, mở lồm (tấn công đánh chiếm các xã) ở vùng 4, vùng 8; bảo đảm hành lang vận chuyển thông suốt từ biên giới đến các vùng và ngược lại; bảo đảm công tác hậu cần cho các lực lượng của tỉnh và các đơn vị chủ lực của miền hay khu, hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Chiến dịch tiến công tổng hợp đánh phá bình định trên chiến trường quân khu 8 được chia ra làm hai bước[82] :

- Bước 1 (7-28/4/1972) là bước hoạt động của khu do Khu ủy và BTL quân khu đảm trách. Lực lượng tham dự là hai trung đoàn 1 và 88. Tuyến đánh phá dọc theo kinh Dương Văn Dương (Kiến Tường) và kinh Nguyễn Văn Tiếp (Mỹ Tho).
- Bước 2 (1/6-tháng 9/1972) do BTL miền tổ chức và chỉ đạo, có lực lượng của quân khu. Trong bước này, chiến dịch tiến công tổng hợp mới chính thức bắt đầu và còn có tên là chiến dịch Nguyễn Huệ II. Trận đánh tại Long Khốt nằm trong bước 2 này.

Đầu tháng 6/1972, sư đoàn 5[83] VC được lệnh di chuyển xuống miền Tây (quân khu 8 của VC) để tham dự chiến dịch tiến công tổng hợp, bắt đầu ngày 10/6/1972[84].

Đêm 9/6/1972, hai trung đoàn 1 và 2 thuộc sư đoàn 5 tấn công Long Khốt và pháo kích Trại LLDB Bình Thành Thôn [85]. Thảm sát của chi khu Long Khốt phát hiện được quân CS nên gọi pháo binh từ Bình Thành Thôn và phi cơ của sư đoàn 4 không quân đến yểm trợ, gây thiệt hại nặng cho đại đội 1, tiểu đoàn 6, trung đoàn 2 của sư đoàn 5. Bùi Thanh Vân, Tư lệnh sư đoàn phải ra lệnh rút trung đoàn 2 ra để chấn chỉnh lại đội hình. Sáng ngày 11/6, sư đoàn 5 trở lại tấn công Long Khốt lần thứ nhì.

Cuộc hành quân giải tỏa chi khu Long Khốt bắt đầu khi đại đội 12 TS được trực thăng vận xuống tái chiếm trại LLDB và giải tỏa khu vực Bình Thành Thôn. Tiểu đoàn 2/12 tiến quân lên từ Mộc Hóa giải tỏa khu vực chung quanh chi khu Long Khốt. Cuộc hành quân hoàn tất sau 5 ngày. Trong khi đó, trung đoàn 10 được trực thăng vận lên Kampông Rou để càn quét VC. Trong khi bay điều khiển cuộc hành quân, Đại tá Đỗ Văn An, TrĐT trung đoàn 10 bị tử trận khi trực thăng chở ông trúng hỏa tiễn SA-7 của địch quân. Ngày 14/6, sư đoàn 5 phải rút lui, không chiếm được Long Khốt.

Mục đích của trận Long Khốt là tìm cách chọc thủng tuyến phòng thủ biên giới hầu có thể đưa quân xâm nhập sâu xuống địa phận tỉnh Kiến Tường[86] :

"Chi khu Long Khốt được coi như là cánh cửa của biên giới thuộc tỉnh Kiến Tường, vì vậy trận tiến công Long Khốt là trận đánh mở màn có tính chất then chốt. Trung đoàn 2 sư đoàn 5 được giao nhiệm vụ đánh chi khu Long Khốt. Sáng ngày 10 tháng 6, đơn vị bắt đầu nổ súng tiến công. Do công tác chuẩn bị và tổ chức chỉ huy hợp đồng không tốt nên đến hết ngày 12 ta vẫn không làm chủ được chi khu, chỉ làm thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an, diệt 250 tên, phá hủy 2 pháo 105mm. Ngày 13 tháng 6, địch dùng máy bay trực thăng cơ động lực lượng của 2 trung đoàn 10 và 12 thuộc sư đoàn 7 lên khu vực gò Măng Đa cùng 2 tiểu đoàn biệt động quân, 2 chi đoàn xe thiết giáp M113 tổ chức phản kích hòng giải vây cho Long Khốt. Trước tình hình đó, sư đoàn 5 phải lui ra, chỉ để lại một bộ phận cùng địa phương vây ép căn cứ gò Măng Đa và tiến hành một số trận tập kích, vận động tiến công, làm thiệt hại nặng 2 tiểu đoàn nguy ở Kom Phong Rô".

Tài liệu của CS đã chi tiết hóa trận đánh đồng thời phân tích những khuyết điểm đưa đến thất trận như sau[87] :

"Một trận đánh gây nhiều vấn đề bàn cãi và để lại ấn tượng một thời gian dài về sau, nên xin nói vài nét về sư đoàn này. Sư đoàn 5 ra đời sau sư đoàn 9 và 7 của miền, từng bám trụ vùng sâu Bà Rịa, Biên Hòa, một chiến trường rừng núi gian khổ khắc nghiệt. Trong chiến dịch Nguyễn Huệ được điều về tham gia giải phóng chi khu Lộc Ninh, từ 13 đến 15-5. Ngày 16-5, chỉ thị từ Bộ chính trị, ngày 18-5 quyết định từ Trung ương cục, ngày 28-5 Tư lệnh quân khu 8 trở xuống chiến trường, ngày 29-5 sư đoàn bắt đầu hành quân từ núi Gió đi Xơ-nun theo đường 7 xuống đường 1, vào khu vực tập kết chiến dịch, ngày 6-6, chỉ bốn ngày sau, ngày 10-6 trung đoàn 2 của sư đoàn bước vào chiến đấu. Thời gian cấp tốc như vậy đối với một đơn vị từng quen chiến đấu rừng núi, dùng một cái thọc xuống đồng bằng thì dù có đặt vấn đề chuẩn bị, huấn luyện cũng không còn thời gian. Lúc bấy giờ đang mùa mưa, địa hình Đồng Tháp Mười nước dâng mênh mông, nhưng đi xuống thì chưa được. Dấu vết hành quân lội nước để lại trên đồng trông đã là một sơ hở nguy hiểm. Quen chỉ huy chiến đấu chính quy bằng điện thoại, việc thông tin rải dây là sơ hở nguy hiểm nữa. Hành quân mặc dù có người dẫn, nhưng hễ bức đội hình chừng trăm mét, bị lạc là lạc luôn. Càng xuống sâu, càng lộ, địch bám sát đã đành; khó khăn lớn trong di chuyển đội hình là bị vướng lưới chiến tranh du kích: hầm chông, lựu đạn gài, chính của ta làm thương vong ta tới càng đau, hành quân 1 km tới sáu giờ đồng hồ, nên sư đoàn 5 đòi dẹp lưới chiến tranh du kích chiến tranh đi.

Bởi vậy, trung đoàn 2 sư đoàn 5 đánh chi khu Long Khốt không dứt điểm được, không phải là đáng trách, trái lại thật đáng tiếc là phải trả một giá quá đắt, mà sau này khi nói lại với nhau người ta cay đắng dùng chữ "trả vé" hoặc "phơi áo" để chỉ trận thua đau này, sau năm ngày vây lấn phải lùi về cùng cố".

Sĩ quan hành quân của tiểu đoàn 1/10, thuộc sư đoàn 7 BB nêu lên một trường hợp cụ thể đã xảy ra trên đường xâm nhập 1A, tại vùng giáp ranh hai tỉnh Kiến Tường và Long An, mà tài liệu của CS đã nhắc lại ở trên[88] :

"Một buổi chiều mùa nước nổi năm 1973, VC dùng xuồng ba lá xâm nhập địa phận Long An vào ban đêm mà không kịp nên chém vè trên cánh đồng lúa Tháp Mười. Trên trực thăng nhìn xuống, tôi thấy đồng lúa chín vàng như một tấm thảm trải rộng, xuồng di chuyển trên lúa vạch thành những đường cong queo như những con trùn bò trên bãi sình. Theo vết bò, tôi khám phá ra điểm cuối xuồng ngừng lại tạo ra một đồng cỏ nhỏ. Bay quanh một vòng, tôi đếm được không những 1 đồng cỏ nhỏ, mà 2, 3 rồi đến vài chục đồng cỏ nằm rải rác tại vùng đó. Tôi cũng thấy dấu nhiều đường xuồng lủi vào rừng tràm. Trung tá Mạnh[89], từ trên trực thăng gọi máy liên lạc với Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn xin cho hai chiếc gunship tấn công vào những đồng cỏ, mục tiêu địch ẩn nấp đó. Rocket, đại liên nhả đạn liên tục vào những đồng cỏ bên dưới ngoài đồng trống. Bắn hết đạn, hai chiếc gunship bay về phi trường Mộc Hóa lấy thêm đạn dược rồi trở lại bắn tiếp. Hai chiếc gunship bay đi bay lại 4, 5 lần như con thoi về Mộc Hóa lấy thêm đạn và hỏa tiễn rồi mới ngưng. Quan sát bằng ống nhòm từ trên trực thăng, tôi thấy những mục tiêu bị bắn máu đỏ hòa trong nước loang khắp mọi vùng. Trên cao nhìn xuống, màu lúa vàng, nước xanh, máu đỏ trông giống hệt như chiếc mền thêu bông. Sau đó, các chiến sĩ thuộc Đại Đội Trinh Sát 10 do Trung Úy Thúy hay Trung Úy Bông chỉ huy (tôi không nhớ rõ) được đổ xuống vùng vừa bị gunship xạ kích để thu dọn chiến trường. Đại Đội Trinh Sát lục soát khắp vùng thấy dưới lớp cỏ phủ thành đồng là những nhóm xuồng tụ tập lại, trên xuồng xác địch ngổn ngang. Các chiến sĩ bên ta lặn hụp dưới nước thâu lượm chiến lợi phẩm, kết quả có trên 50 vũ khí đủ loại tìm được".

Thời điểm này, Trung tướng Trương đã rời khỏi chức vụ Tư lệnh quân đoàn IV nên ông chỉ nói sơ qua trận chiến kéo dài khoảng 20 ngày tại đây. Cũng theo ông thì sư đoàn 7 BB hoàn toàn

kiểm soát được tình hình sau đó. Ông cũng ghi nhận đây là lần đầu tiên VC sử dụng hỏa tiễn tầm nhiệt chống phi cơ SA-7 tại quân khu 4[90]. Sau 20 ngày tác chiến kéo dài lên tận đất Cao Miên, quân CS hoàn toàn rút lui khỏi chiến trường ngày 30/6.

Sau chiến tranh quốc cộng, chính quyền CS cho cải biến chi khu Long Khốt thành đồn 773 thuộc lực lượng công an vũ trang (nay là đơn vị 885), thuộc Bộ Tư lệnh biên phòng tỉnh Long An ngày 10/8/1975. Đồn phụ trách đoạn biên giới Việt - Miên dài 25 km qua hai xã Thái Trị và Thái Bình của tỉnh[91]. Ngày 14/1/1978, một trung đoàn quân Pôn-Pốt tấn công đồn. Trận đánh kéo dài suốt 43 ngày đêm và chấm dứt khi quân Khmer đỏ rút lui qua biên giới. Do vị trí lưu giữ những biến cố lịch sử trong cả hai cuộc chiến tranh quốc cộng lẫn chiến tranh bảo vệ biên giới phía tây-nam, chánh phủ CSVN đã ra quyết định số 500/QĐ.UB, xếp hạng đồn Long Khốt là di tích lịch sử[92].

2.2.4. Quận Kampông Trabek, tỉnh Prey Veng, Cộng hòa Khmer

Tỉnh Prey Veng nằm trên tả ngạn sông Cửu Long là một tỉnh khá đông dân. Theo tiếng Miên thì chữ Prey Veng có nghĩa là rừng rậm. Tỉnh nằm trên QL-1 của CPC, giữa bên phà Neak Luong đi Nam Vang và thành phố Kampông Chàm. Tỉnh cách thủ đô Nam Vang khoảng 90 km về phía đông. Phía bắc giáp với tỉnh Kampông Chàm, phía tây giáp tỉnh Kandal, phía đông giáp tỉnh Xoài Riêng và phía nam có chung đường biên giới với VN. Người ta có thể dùng đường bộ để đi từ Sài Gòn đến Prey Veng, mất khoảng 3 giờ và từ Prey Veng đi Nam Vang, mất 2.5 giờ.

Tỉnh có diện tích là 4 883 km², chiếm 2.7% tổng diện tích của nước CPC (181 035 km²). Dân số gồm 947 357 người (theo thống kê năm 2008). Ngày hôm nay, Prey Veng có 13 quận là Ba Phnum, Kamchay Mear, Kampông Trabaek, Kanhchriech, Me Sang, Peam Chor, Peam Ro, Pea Reang, Prah Sdach, Prey Veng, Kampong Leav, Sithor Kandal và Svay Antor.

Tỉnh Prey Veng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Nhiệt độ trung bình là 27°C. Tháng 4 là tháng nóng nhất trong năm trong khi hai tháng mát là tháng chạp và tháng giêng. Hai nông sản chính của tỉnh Prey Veng là lúa và khoai mì, lâm sản không còn nữa vì rừng đã bị khai thác để lấy đất canh tác từ những năm sau chiến tranh.

Trong khi chiến trận tại Long Khốt vừa tàn lụi thì tin tình báo lại cho biết VC tập trung tại vùng đồng bằng sông Cửu Long đồng thời cùng với Khmer đỏ uy hiếp QL-1 của Cao Miên. Giữa tháng 6, CS chiếm được thị trấn Kampông Trabek và đến đầu tháng 7, chỉ thị trấn Neak Luong và tỉnh lỵ Xoài Riêng còn nằm trong tay Quân đội Quốc gia Miên[93].

Ngày 4/7, FANK và QLVNCH tổ chức cuộc hành quân phối hợp mang tên Sorya để giải tỏa QL-1. QLVNCH tái chiếm Kampông Trabek ngày 24/7 và bàn giao lại cho quân đội Cộng hòa Miên ngay sau đó. Chuẩn tướng Kong Chhath, Tỉnh trưởng tỉnh Tà Keo bị tử trận trong cuộc hành quân này. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, VC đánh lấy lại (xem Sơ đồ 21-22).

Ngày 31/7, nhiều đơn vị của QLVNCH gồm BB và BĐQ với tổng số quân lên đến 3000 người trở lại đất Miên để tái chiếm thị trấn Kampông Trabek và khai thông QL-1 nối liền Nam Vang với tỉnh Xoài Riêng.

Ngày 6/8, quân khu 8 VC phát động đợt 3 của chiến dịch tổng hợp. Hướng chủ yếu là Đèo Tháp Mười, hướng thứ yếu là QL-1 của Miên. FANK ghi nhận có 31 xe thiết giáp các loại của CS bị phá hủy tính đến ngày 24/8[94]. Kampông Trabek lại rơi vào tay quân CSBV ngày 8/9. QL-1 nằm dưới sự kiểm soát của quân CS cho đến khi chấm dứt chiến tranh. QLVNCH do áp lực của VC tại Định Tường, không còn đủ lực lượng để giúp Cộng hòa Khmer lần nữa.

Cuộc tấn công của trung đoàn 271 quân đội CSBV vào căn cứ Kampông Trabek của Quân đội Quốc gia Khmer, được mô tả lại như sau^[95]:

"Đêm 31 tháng 9 năm 1972.

Các đơn vị bí mật tiếp cận mục tiêu theo phương án đã định. Đại đội 25 (đặc công) và tiểu đoàn 9 sẽ đánh vào hướng chủ yếu. Tiểu đoàn 7 và tiểu đoàn 8 dự bị, sẵn sàng chi viện cho đơn vị bạn lúc cần thiết. Đến giờ G (13 giờ 30), các đơn vị đã ém gọn theo các vị trí định sẵn chỉ chờ hiệu lệnh là đồng loạt công kích giải phóng căn cứ này. Đại đội 25 chịu trách nhiệm phát hỏa trận đánh.

13 giờ 30 phút ngày 01 tháng 10 năm 1972, những tiếng nổ dậy đất của mìn ĐH10 (loại mìn định hướng, 10kg) do đặc công bỏ vào đặt dưới các chân rào bùng nhùng, cũi lợn, mái nhà ... thổi bay tất cả các loại hàng rào ấy, khai thông một lối vào căn cứ để cùng bộ binh lọt vào tung thâm, tiêu diệt các lô cốt đầu cầu cùng những ổ đề kháng và hỏa lực mạnh của địch.

Anh Nguyễn Đình Diệu, quê Sơn Tiên, Hương Sơn, cũng là lính đặc công đại đội 25 ngày ấy, nay là Đại tá, Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Tĩnh cũng tham gia một mũi thọc sâu đánh vào tung thâm. Bây giờ, thỉnh thoảng anh em chúng tôi ngồi ôn lại kỷ niệm về trận đánh lịch sử năm ấy.

Bộ binh của tiểu đoàn 9 tràn lên, đánh chiếm căn cứ. Trong vòng chưa đầy 40 phút, chúng tôi đã giải quyết xong trận đánh. Dưới ánh hỏa châu, bộ đội ta bắt tù binh, thu vũ khí rồi chất thành mấy đống lớn, dùng bạt che lại để chuẩn bị sáng mai chuyển đi. Thắng lợi đến nhanh hơn cả dự định. Thương vong không đáng kể. Mọi người đang hân hoan với chiến thắng.

Bông đại liên, 12,7 li, M79, M72, súng bộ binh, rồi cối 81 li dòn dập trút đạn về phía chúng tôi. Bất ngờ nên nhiều anh em hy sinh tại chỗ. Được thế, bọn địch xung phong, tấn công dồn dập. Chúng tôi trở tay không kịp vì không có phương án dự phòng. Trời đã tảng sáng. Đại liên địch bắn như mưa vào chúng tôi. Cối 81 li nổ chát chúa. Nhiều người gục xuống. Trời sáng dần. Đây là lợi thế của địch vì chúng nắm hoàn toàn thế chủ động và quan sát rất rõ. Cũng còn may là ở chiến trường Campuchia nên địch không có trực thăng như chiến trường miền Nam của quân ngụy Sài Gòn. Nếu không, chúng tôi sẽ chẳng còn một ai sống sót. Hoặc, nếu ai may mắn thoát chết, sẽ bị trực thăng đổ chụp bắt làm tù binh hết. Tiểu đoàn 9 thương vong nặng nề nhất, gần như mất hẳn sức chiến đấu. Số chết, số bị thương nằm la liệt trên cánh đồng Công Pông Tra Béc. Số còn lại cố thoát ra khỏi làn mưa đạn của các loại hỏa lực, hy vọng vượt qua quốc lộ 1 trước mặt (đường nối từ Gò Dầu lên Phnôm Pênh). Nếu qua được bên kia đường sẽ có cơ thoát chết. Đoạn đường này cao hơn mặt ruộng khoảng 1,5 mét. Nó chắn hết các loại đạn bắn thẳng. Biết ta cố sức vượt qua đường, bọn địch tập trung đại liên và 12,7 li rà sát mặt đường. Đạn cày trên mặt đường tóe lửa như trong lò gang. Nhiều đồng chí hy sinh ngay tại chỗ. Chúng tôi ở trong thế bị dồn đến chân tường. Trước mặt, trên đường thì đạn thẳng. Sau lưng là các loại hỏa lực khác như M79, M72, cối 81 ... Tôi không giải thích nổi là làm sao mình cùng một số rất ít anh em, cơ may nào mà vượt qua được bên kia đường trong làn hỏa lực khủng khiếp ấy. Tôi cũng không hiểu sao anh Diệu và một số đặc công hôm ấy, cũng may mắn thoát được sang bên kia đường ?! ...

Thất bại nào cũng có nguyên do của nó!

Đó là ... quá trình điều nghiên, cánh trinh sát đặc công không phát hiện ra được tuyến hầm ngầm phòng thủ của địch. Tình báo của ta và bạn đều không nắm được sự bố phòng bí mật ấy. Do vậy, không dự kiến hết tình huống, nên đã dẫn đến kết cục thất bại thảm hại và cay đắng đó. Nếu trước đây, tiểu đoàn 7 gần như bị xóa sổ bởi B52 ở rừng Tây Ninh^[96] thì giờ đây, tiểu đoàn 9 đã bị lính Lon Nol cho "phơi áo" gần hết trên đất Campuchia. Các tiểu đoàn 7, 8 và các

đơn vị trực thuộc cũng bị thương vong, tổn thất rất nặng nề. Chúng tôi thua bọn lính Lon Nol, một đội quân có trình độ tác chiến vào loại tồi. Quả là cay đắng và nhục nhã!".

CĐT chi đoàn 3/2 đã ghi lại một trong những trận đánh giải tỏa Kampông Trabek của QLVNCH như sau^[97] (xem Hình 37-40) :

"Từ sông Cái Cối, chúng tôi vượt sông Sở Hạ (sông ranh giới Việt-Miên từ Hồng Ngự về hướng Mộc Hóa) rồi vượt qua những cánh đồng, xóm làng ... thẳng hướng Kompong Trabek. Sau khi vượt qua rừng cây cuối cùng, thị trấn Kompong Trabek sừng sững hiện ra trong nắng, ngay sát bên kia quốc lộ 1. Khi còn cách thị trấn khoảng 700 mét, chúng tôi dừng lại bố trí. Xe tôi nằm ngay dưới một cây đa to nên đã gặp phải một chuyện buồn cười: Vì chúng tôi đến quá nhanh, một anh bộ đội có nhiệm vụ quan sát còn đang kẹt ở trên cây đa mà chúng tôi không thấy! Khoảng 1 tiếng đồng hồ sau anh ta tuột xuống. Anh chàng này rất mồm mép, chúng tôi chưa hỏi thì anh đã khai tùm lum, hình như anh ta có nói anh ta là thiếu úy, nhưng tôi không quan tâm ! Rồi anh ta còn bảo chúng tôi đưa bản đồ ra để anh ta chỉ những nơi đơn vị anh đang bố trí nữa! Tôi không thích những người mồm mép quá nên bảo anh em trối tay anh ta lại rồi bỏ đó.

Khoảng 2 giờ sau, phía Biệt Động Quân đề nghị chúng tôi dùng hỏa lực yểm trợ cho họ tiến chiếm thị trấn một lần chót, nếu họ vẫn không chiếm được thì sẽ giao cho chúng tôi thanh toán ! Nhiệm vụ yểm trợ đó được giao cho chi đoàn của anh Ngô Văn Cứ, còn tôi thì án ngữ mặt sau. Khi 2 Tiểu đoàn Biệt Động Quân bám được bên này bờ quốc lộ phía trước, thì từ ven làng phía sau mà chúng tôi đã vượt qua để nhìn thấy Kompong Trabek, Công quân bắn một quả đạn chống tăng vào một xe của chúng tôi, nhưng quả đạn chạm vào bờ mầu và nổ tung.

Tôi đứng lên nhìn về ven cây rậm rạp nơi xuất phát quả đạn, quan sát địa thế và cân nhắc tình hình thật nhanh, nghĩ rằng như vậy là chúng tôi đang bị bao vây ! Khi đối phương có ý định bao vây hoặc khóa đuôi chúng tôi là một lực lượng gồm 3 tiểu đoàn BĐQ và 1 thiết đoàn (-) ngay giữa ban ngày như thế, thì chắc họ phải dùng đến một lực lượng đáng kể, tôi quyết định sử dụng toàn lực để xung phong thanh toán mục tiêu. Ngay sau đó tôi nói với cả đơn vị ý nghĩ của tôi : "Nó muốn khóa đuôi như ở Kompong Trách ! Gặp Bạch Mã (Đơn vị tôi có phù hiệu hình đầu ngựa trắng đang phun lửa) mà mày muốn khóa đuôi là coi như mày đi nạp mạng rồi !". Lập tức chi đoàn phó của tôi là Nghê Thành Thân lên tiếng : "Ngon ăn quá Đông Phương!". Cùng lúc đó BĐQ đề nghị cho họ tăng cường một đại đội để tòng thiết, tôi từ chối vì mục tiêu quả thật rất ngon ăn !

Tôi điều động chi đội súng cối 107 ly và phân đội xe phun lửa vừa mượn của thiết đoàn án ngữ bên phải, 5 chiếc của chi đội yểm trợ án ngữ bên trái, còn lại 15 chiếc của 3 chi đội khinh kỵ thì tôi dàn hàng ngang chuẩn bị xung phong. Khi 3 khẩu súng cối vừa rót đạn vào mục tiêu, thì lập tức 15 con cua sắt gầm rú lên xông tới. Khi còn cách mục tiêu khoảng 300 mét tôi ra lệnh khai hỏa ... 45 khẩu đại liên trên 15 chiếc xe khinh kỵ đồng loạt nhả đạn. Địch bắt đầu bắn trả bằng một quả B-41, một quả hỏa tiễn chống tăng AT-3^[98], cả hai đều chạm vào bờ mầu phía trước và phát nổ chứ không trúng xe nào cả (Hỏa tiễn AT-3 sẽ không có hiệu quả đối với mục tiêu ở gần hơn nửa cây số vì chưa thể điều chỉnh đạn đạo được, còn B-41 mà ở tầm 300 mét thì chẳng ăn nhằm gì), tiếp theo là một loạt đại liên từ cụm cây bên phải bắn ra. Tôi liền điều động khẩu đại bác không giật 106 ly cho một quả vào đó, thế là khẩu đại liên im bật. Với hỏa lực dày đặc của 45 khẩu đại liên, toàn bộ mục tiêu chìm trong khói bụi mịt mù. Và chúng tôi đã bám được mục tiêu. Lập tức tôi ra lệnh cho khinh kỵ hạ chiến trong khi những khẩu đại liên vẫn tiếp tục giăng lưới lửa.

Gần 10 phút sau, trong cơn cuồng nộ của những con ngựa sắt đang gieo sấm sét hung tàn, thì từ trong sâu, phía sau của vườn cây có 3 chiếc áo được đưa lên cao bằng cây tre quơ qua quơ lại... Họ đã đầu hàng !".

Chiến trận ở phía nam và gần biên giới Việt - Campuchia, trong vùng Chân Tượng vào cuối tháng 7/1972 đã được một cán binh của trung đoàn 271 ghi lại như sau^[99] :

"Tôi tham gia trận đánh ở Công Pông Rô (gần Mộc Hóa, Kiến Tường). Hôm ấy, sư đoàn 7 quân nguy Sài Gòn cùng các tiểu đoàn bảo an phối hợp với quân nguy Lon Nol, mở đợt phản kích chiếm lại khu Mỏ Vệt. Trên 100 xe tăng và xe bọc thép M113 rầm rộ tiến sang đất Campuchia. Trung đoàn đã lên phương án tác chiến, dự kiến mọi tình huống khả dĩ xảy ra. Nhưng chúng đã không đi đúng ý đồ chiến thuật của ta mà xộc ngay vào trung đoàn bộ. Một tình huống nằm ngoài dự kiến. Chiến xa địch lỏm ngổm như cua giữa cánh đồng trồng trái hàng mấy dặm vuông. Phía sau là bộ binh theo sát. Trên đầu, trực thăng quần đảo. Trung đoàn lệnh cho các tiểu đoàn phải bằng mọi giá đẩy lùi xe tăng địch ra khỏi vị trí. Địa hình trồng trái và rộng nên hỏa lực ta phát huy được xung lực tối đa. Đồng thời, có sự phối hợp của đơn vị bạn sử dụng B72 (một loại vũ khí chống tăng mới, bắn tầm xa) nên xe tăng, xe bọc thép của địch bị cháy mưng mấy chiếc. Đây là địa phận giáp giới Campuchia nên việc tiếp vận thuận lợi hơn. Do vậy, ta có đủ tiềm năng hỏa lực để đối phó với địch. Bất ngờ, bị thiêu cháy nhiều xe tăng, địch vội rút lui về hướng Kiến Tường, gọi phi pháo đánh vào các vùng nghi ngờ có lực lượng ta. Trước đó đã có một số trận giao chiến giữa ta và địch. Lần này chúng tổ chức một cuộc hành quân lớn có sự phối hợp với nguy Lon Nol hòng tiêu diệt lực lượng ta. Cuộc hành quân thất bại, kế hoạch của chúng bị phá sản. Đó là những ngày cuối tháng 7 năm 1972".

Cường độ chiến tranh cũng đã được một sĩ quan thuộc sư đoàn 7 BB xác nhận^[100] :

"Sáng ra, Tiểu Đoàn 1/10^[101] được chia thành nhiều toán lên trực thăng nhảy vào Compongrou. Tiểu đoàn hành quân theo đội hình tam giác đáy đi trước, Đại Đội 1 và 4 đi cánh trái, Đại đội 2 cánh phải, giữa là Đại Đội Chỉ Huy, sau cùng là Đại Đội 3. Từ trên cao nhìn xuống, cánh đồng Compongrou rộng mênh mông, ít cây cối, tầm quan sát rất xa, vài cây thốt nốt cao lêu nghêu, vài căn nhà nhỏ lụp xụp núp trong những chòm tre nhỏ. Tóm lại, đây là bãi đất trồng, đồ quân xuống không chạm địch, độ 10 phút sau, các đại đội báo cáo thấy nhiều đường dây điện thoại mắc ngoài đồng, bên ta lấy được nhiều đạn súng cối. Lệnh Tiểu Đoàn Trưởng tiếp tục tiến lên lục soát, đơn vị hành quân bây giờ bung ra rất rộng. Tôi hăm hở vào xóm Miên, thấy nhà cửa bỏ trống, cả xóm không có một bóng người nào. Cánh đồng khô cạn, không giếng nước, ruộng không có bờ chia vùng như ở Việt Nam và cũng khô queo. Chung quanh nhà Miên có nhiều cây gậy, đồ dùng cá nhân khắc hình đầu con rắn, con chim, v.v. Tôi nhặt vài món nhỏ nhỏ bỏ vào ba-lô làm vật kỷ niệm về một chuyến đi Kampuchea!

Hướng trước mặt xa mù tằm mắt, chúng tôi thấy một đoàn người, dù chỉ thấy những dáng người lờ mờ, nhỏ nhỏ nhưng tôi biết họ mặc đồ quân đội, mang ba-lô đi nhanh qua và đang di chuyển về sườn trái bọc hông Đại Đội 1 và 4. Trung úy Ta, Trưởng Ban Hành Quân gọi về BCH/TrĐ yêu cầu xác định nhóm người đó là địch hay bạn. BCH/TrĐ cho biết đó là đơn vị bạn (thật ra đó là địch và họ đang bao vây tiểu đoàn tôi). Độ 30 phút sau, phần cuối đoàn người này dừng lại và quay lại tiến về hướng tiểu đoàn tôi, cách bộ chỉ huy tiểu đoàn độ 1 cây số, bắt đầu đại liên 12 ly 8 nổ phủ đầu về hướng tôi, tiếng nổ vang rền, đạn lửa bay đờ trời mặc dù khoảng 3 giờ chiều, tiếp theo là đạn pháo kích của địch rớt tới tấp".

3. HẬU QUẢ

Tài liệu của Mỹ ghi nhận thị trấn Kampông Trach bị 1500 quân CS chiếm sau 17 ngày vây hãm^[102]. Yếu tố thời gian này không chính xác và đã được trình bày ở phần trên.

Bảng 7 ghi nhận những thiệt hại về quân dụng của QLVNCH trong trận Kampông Trach.

BẢNG 7 : THIẾT HẠI VỀ QUÂN DỤNG TRONG TRẬN KP TRACH

THỜI ĐIỂM	CHI ĐOÀN / THIẾT ĐOÀN	THIỆT HẠI	ĐỊA ĐIỂM
21-22/3/1972	1/12	4 TVX M-113 ¹⁶⁹ 2 đại bác 105 ly[103] 2 xe vận tải 2.5 tấn GMC M-135 6x6 ¹⁶⁹	Căn cứ Kampông Trach
22/3	1/12	4 TVX M-113 ¹⁶⁹	Ton Hon
24/3	3/12	5 TVX M-113[104]	Kh Damnak Kantuot
26/3	9	23 TVX M-113[105]	Kh Damnak Kantuot
đầu tháng 4	-	1 phi cơ quan sát L-19 ¹⁶⁹ 1 trực thăng UH-1 ¹⁶⁹	cách căn cứ Kampông Trach khoảng 2 cây số về phía nam
giữa tháng 4	1/16	1 TVX M-125 ¹⁶⁹	giữa KP Trach - Hà Tiên
“	3/16	1 TVX M-113 ¹⁶⁹	“
cuối tháng 4	2/2	1 TVX M-113[106]	phía nam căn cứ KP Trach
“	3/2	2 TVX M-113 ¹⁷²	“
TỔNG CỘNG		41 TVX 2 đại bác 105 ly 2 xe vận tải M-135 1 phi cơ quan sát L-19 1 trực thăng UH-1	

Như vậy có 41 TVX bị phá hủy theo các nhân chứng, là các chi đoàn trưởng đã tham chiến. Đây là con số chính xác nhất so với những tài liệu hiện có. Trong khi đó, cố vấn trưởng BK 44 báo cáo có hơn 60 TVX bị phá hủy và hư hại[107]. Một tài liệu quân sự của Mỹ ghi lại kết quả của trận Kampông Trach gồm 1160 địch quân bị hạ. QLVNCH có 224 người bị tử trận, 153 binh sĩ mất tích và 1031 người khác bị thương, tịch thu được 324 vũ khí các loại. Số TVX bị phá hủy và hư hại là 56 chiếc[108].

4. NHẬN XÉT

4.1. Chiến thuật

Khả năng tác chiến cũng như tinh thần chiến đấu của QLVNCH được đánh giá cao trong trận chiến này. Cũng nhờ vào hai yếu tố vừa kể, các đơn vị tham chiến đã biến những sai lầm trên hai mức độ chiến thuật và nghệ thuật chiến dịch thành chiến thắng.

Một điểm khá quan trọng cần đề cập ở đây là nguyên nhân thiết lập và giá trị của căn cứ Kampông Trach.

Trung tướng Trương cho rằng mục đích thiết lập căn cứ Kampông Trach là để ngăn chặn quân CS tiến về vùng đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Hầu hết các sĩ quan đã tham chiến cũng đồng ý như vậy. Tuy nhiên việc rút bỏ căn cứ một cách gấp rút cũng như việc quân CS tấn công và chiếm giữ nhà máy xi-măng Hà Tiên sau đó khiến người ta phải đặt dấu hỏi về sự hữu hiệu của căn cứ này.

Dĩ nhiên là trước khi thiết lập một căn cứ thì cấp chỉ huy phải nghĩ đến triển vọng có thể bị địch quân bao vây và những hệ lụy tiếp theo như tinh thần binh sĩ cũng như phương tiện tiếp tế, tản thương và vấn đề tiếp vận. Những gì xảy ra trong suốt tháng 4 năm 1972 cho thấy BTL/BK 44 và BTL quân đoàn IV có thể đã lượng định sai hay không nghĩ đến những điểm nói trên.

4.1.1. Vị trí chiến thuật

Căn cứ Kampông Trach đã được quân đội Pháp thiết lập trong chiến tranh Đông Dương. Sau khi chiến tranh Đông Dương chấm dứt, căn cứ trở thành quận đường của chính quyền Miền. Khi QLVNCH hành quân vượt biên trong những năm 1970-71 thì thiết kế thường dựng lều vải khi đóng quân trong vùng này. QLVNCH đã thiết lập thành một căn cứ cố định vào đầu năm 1972. Vị trí cách ngã ba chợ Kampông Trach khoảng 200 m. Công binh thiết lập một hầm nổi bằng bao cát để BCH/HQ làm nơi thuyết trình và trú ẩn, kế bên là hai ụ dành cho đại bác 105 ly. Chung quanh có mây hàng rào kẽm gai concertina. Chu vi phòng thủ này có đường kính khoảng 200 m. Về địa thế thì phía bắc căn cứ khoảng 2 cây số có dãy núi cao 300 m, từ đây địch quân có thể quan sát mọi hoạt động trong căn cứ. Phía tây là rừng và đất lầy. Vườn tiêu nằm ở phía tây-bắc. Phía đông và nam căn cứ có nhiều cánh đồng lớn^[109].

Sau chiến tranh, khi hồi tưởng lại, CĐT chi đoàn 1/16 viết^[110] :

"Nên biết thêm là điểm đặt căn cứ này đúng ra là nơi thường xuyên trước kia BCH nhẹ thiết đoàn 12 và 16 di chuyển đến tạm đóng, để chỉ huy và theo dõi các chi đoàn hoạt động. giữ an ninh xa ngoài lãnh thổ VNCH, khi không có các đơn vị lớn nào của cộng quân hoạt động. Vị trí này rất bất lợi khi trở thành căn cứ chính cho BCH/HQ của một chiến đoàn, vì nơi này nằm gần thị trấn Kampông Trach, cách khoảng hơn 500 m về hướng nam; về hướng đông-bắc chừng 500 m là một khu gò mồi lớn (nơi CĐ 3/12 TK bị đánh cháy 5 M.113). Vị trí BCH/HQ cũng chỉ nằm cách đầu dãy núi ở hướng Bắc khoảng hơn 2 cây số. Từ trên núi, VC nhìn xuống thấy rõ mòn một mọi di chuyển trong căn cứ và sơn pháo bắn trực xạ xuống một cách tự do. Khu vực này là khu vực của hai thiết đoàn 12 và 16 thay phiên nhau thường xuyên có mặt nơi đây từ giữa năm 1971, chứ không phải là căn cứ do các đơn vị BĐQ trấn giữ. Nó chỉ là khoảnh đất trống nhỏ, chỉ mới được đại đội công binh lập nên cho trung đội pháo binh 105 mm dùng làm nơi trú ẩn và đài tác xạ và thiết đoàn KB đặt BCH tạm.

Vị trí bất lợi như vậy, chẳng hiểu cấp chỉ huy nào lại cho lập một căn cứ hỏa lực nhỏ tại đây, nhất là lại đặt BCH/HQ của một chiến đoàn như thế. Nếu đặt như vậy thì ít nhất cũng phải có một đơn vị cấp tiểu đoàn chiếm lấy chân núi lẫn các đỉnh cao trên núi, đàng này không có đơn vị nào của ta đến được gần chân núi. Và nếu nói là để chặn đường vận chuyển này của địch từ tây sang đông thay vì cho bố trí nơi đây một thiết đoàn và BB từng thiết chiếm giữ những điểm thuận lợi kèm giữ chúng, lại đặt cái BCH/HQ nặng nề này, phải kéo theo cả hai thiết đoàn hành quân lẫn quần bao quanh và chịu pháo của địch. Riêng 3 tiểu đoàn BĐQ đã phải sử dụng tiểu đoàn 94 bố trí giữ khu chung quanh và thị trấn Kampông Trach, nếu không BCH/HQ dễ gì được yên".

BTL/QĐ IV cho thiết lập và duy trì căn cứ này với hai mục đích :

- Ngăn cản VC tiến quân vào lãnh thổ quân khu 4 của VNCH.
- Ngăn chặn đường xâm nhập 1C của VC vào tỉnh Kiên Giang trước khi đi xuống U Minh.

CĐT chi đoàn 1/16 cho rằng trong suốt thời gian từ giữa năm 1971 đến đầu năm 1972, ông thường hành quân trong vùng nhưng tuyệt nhiên không tìm thấy bằng chứng nào về chuyển vận hàng hóa hay đồ tiếp liệu của quân CS. Trong khi đó, chi đoàn 3/2 lại đang thiết lập hàng rào kẽm gai dọc theo kinh Tám Ngàn từ Vàm Rày (giữa khoảng đường Hà Tiên - Rạch Giá) vào đến Ba Chúc, quận Tri Tôn và vùng Thất Sơn của tỉnh Châu Đốc để ngăn chặn đường xâm nhập này trước khi nhận được lệnh lên Kampông Trach[111]. CĐT chi đoàn 3/2 cũng xác nhận rằng khó chặn đứng được sự xâm nhập của đường 1C[112] :

"Chính vì đường dây xâm nhập này mà Tướng Trần Bá Di cho chi đoàn tôi đóng ở kinh Tám Ngàn gần Kiên Lương (chạy từ đó đến quận Tri Tôn của tỉnh Châu Đốc) với nhiệm vụ ngăn chặn đường dây xâm nhập này !

Việc làm như trò chơi trẻ con, vì địa thế sinh lầy, M113 không thể di chuyển thẳng từ con đường Rạch Giá - Hà Tiên để theo dọc con kinh Tám Ngàn mà đến Tri Tôn được (rừng tràm thì chúng tôi có thể cán lên mà đi được, nhưng nếu gặp những “con tráp” thì không thể ! Con tráp là những con sông nhỏ nằm ngằm dưới mặt đất nên mình không thấy nó, nhưng với sức nặng của xe M113 khi đi ngang qua nó thì bị lún xuống, có lần tôi chặt cả ngàn cây tràm bỏ xuống để xe đi qua cũng chẳng ăn thua !), lại không có đơn vị nào từng thiết kế đặt những toán tiền đồn thì làm sao ngăn chặn. Nó muốn xâm nhập thì chỉ cần tránh xa chúng tôi vài cây số là tự do đi thôi !

Chúng tôi đã dùng lao công đào binh để dựng hàng rào cọc sắt kẽm gai dọc bờ kinh Tám Ngàn. Với loại hàng rào như thế, nó muốn đi qua thì chỉ cần dùng kèm cắt vài cái là xong!".

Một cựu sĩ quan tình báo thuộc phòng 2 sư đoàn 21 BB xác nhận sự xâm nhập của VC vào quân khu 4. Bắt đầu từ mật khu Ba Thu, VC xâm nhập vào mật khu Trí Pháp qua hai đường 1A và 1B. Sau đó tiếp tục theo QL-1 của Miền lên Túc Mía rồi qua đường 1C đi vào khu rừng tràm Trà Tiên qua Giang Thành[113]. Nguyên chỉ khu trưởng chỉ khu Hà Tiên một lần nữa xác nhận chi tiết này[114]. Đây là lý do tại sao các thiết đoàn KB hành quân chung quang Kampông Trach không tìm thấy dấu vết của VC. Trách nhiệm vùng hành quân của các đơn vị KBTG chỉ bao gồm đến phía tây của kinh Steeng Tonhon (kinh chảy từ Túc Mía xuống Tonhon - Giang Thành) trong khi vùng phía đông của con kinh (hay phía bắc của mật khu Trà Tiên trên phần đất VN) mới là nơi VC xâm nhập.

Sau chiến tranh, tài liệu của CS ghi lại chi tiết về con đường 1C này[115] :

“Đoàn 195 do Quân khu IX thuộc miền Tây Nam Bộ tổ chức từ năm 1966, sau khi chuyển vận tải của Đoàn 125 trên biển gặp khó khăn do sự kiện Vũng Rô. Nhiệm vụ của Đoàn 195 là tiếp nhận vũ khí từ biên giới Campuchia đưa về miền Tây. Trưởng đoàn không phải ai khác mà là một trong những cán bộ rất thông thạo công việc này, đó là ông Phan Văn Nhờ tức Tư Mau[116]. Chính ủy của đoàn là ông Trương Tấn Lộc, tức Bảy Lúa. Trụ sở của đoàn đóng tại huyện lỵ huyện Túc Mía, thuộc tỉnh Cam Pốt, Campuchia. Địa điểm này cách biên giới Việt Nam khoảng 30 km.

Tại huyện lỵ Túc Mía có con sông Túc Mía chảy qua và xuôi dòng xuyên biên giới chảy vào kênh Vĩnh Tế ở sát biên giới Việt - Miên. Đó là một thuận lợi rất lớn. Hàng do Đoàn 17 chuyển giao được đưa về bến Lò Vôi ngay tại đoạn sông Tắc Mít tại Túc Mía, sau đó được chở bằng thuyền của tổ chức Việt kiều do ông Tư Chức đứng đầu.

Các tàu này chở hàng xuôi con sông Túc Mía xuống một địa điểm sát biên giới là Sóc Chuốc. Tại đó có đặt một kho hàng hóa để chuẩn bị đưa vào nội địa. Kho này có sức chứa khoảng 300 tấn, mật danh là trạm 95, tức tổng trạm của Đoàn 195.

Từ trạm 95 về tới địa điểm cuối cùng thuộc căn cứ hậu cần Quân khu IX có tất cả 6 trạm: từ trạm 95 qua kênh Vĩnh Tế có trạm 90. Vượt qua con kênh 8.000 có trạm 85. Về tới huyện Hòn Đất thuộc tỉnh Kiên Giang có trạm 80. Đi tiếp đến rừng Tràm Dương là trạm 70. Qua lộ Cái Sắn đến rừng tràm Thanh Bình là trạm 60. Qua Tân Hiệp đến Ba Đình là tổng trạm 50, tức căn cứ của hậu cần Khu IX”.

Tài liệu của CS xác nhận mục đích kèm giữ đa số lực lượng trừ bị và có khả năng lưu động của quân đoàn IV tại chỗ, không tiếp viện, ngăn trở chiến dịch trên QL-13 hay yểm trợ phản công những đánh phá bình định trên khắp lãnh thổ của quân khu 4 [\[117\]](#) :

“Chiến dịch Nguyễn Huệ là chiến dịch tiến công trên hướng phối hợp quan trọng của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 với nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch trên phía bắc Sài Gòn, giải phóng khu vực có ý nghĩa chiến lược ở miền Đông Nam Bộ, tạo thế đứng chân, đưa chủ lực Miền từ ngoài biên giới về Nam Bộ, phối hợp với hướng tiến công chủ yếu ở Trị Thiên, thu hút, ghìm chân chủ lực nguy, tạo điều kiện cho nhân dân đồng bằng sông Cửu Long nổi dậy đánh phá bình định”.

Một sĩ quan QLVNCH đã nhìn thấy những động thái khác thường của VC chung quanh Kampông Trach, ngay khi vừa mới vào trận [\[118\]](#) :

"Bên này anh em binh sĩ nấu nướng ăn uống thì bên kia bọn VC cũng đi ngờ ngờ đun nấu thức ăn nhìn nhau, khói lửa, người đi rõ ràng, như rằng đã có mặt ước ngầm với nhau, không ai phá đám nhau cả".

Và tình trạng này vẫn tiếp tục nhiều ngày sau đó :

"Một tối khi được lệnh sang bố trí đóng quân đêm về phía nam căn cứ của BCH/HQ, trời vừa xẩm tối, những toán BĐQ đi tiền đồn ra vị trí chỉ định. Một toán nọ vừa tới nơi đã chạm mặt một toán VC đang ở tại đó, chắc cũng là tiền đồn của địch, đã chạy ngược trở vào hỗn hển báo cáo lại, và cho biết toán VC này cũng tháo chạy mà chẳng bên nào bắn nhau cả. Sáng ngày, bọn nó cũng đứng lảng vảng bên tuyến bố phòng của chúng đun nấu như chúng tôi ở bên này một cách yên lành không giống như các chiến trường khác mà tôi gặp qua, để gì được bình thản như vậy, đây cũng là một chiến thuật khác lạ của địch nơi đây".

Để kết luận về mức độ chiến dịch của địch mà cấp chỉ huy của ông đã bỏ qua hay không đề ý đến :

"Rõ ràng là khi bọn Bắc Việt mở mặt trận trên An Lộc là chúng muốn chúng ta không còn nguồn viện binh, nên chúng đưa một đơn vị lớn đến đây làm áp lực như muốn đánh chiếm quận lỵ Hà-Tiên, để ta đưa cả lực lượng trừ bị QĐ IV qua lãnh thổ Miên để nhốt chúng ta bên đó. Ta mở mặt trận này là ta đã thua trí bọn chúng. Tại sao chúng ta phải luôn thua trí VC mãi như thế, tướng lãnh ta thiếu mưu lược chẳng ! Tôi không có ý phê phán, nhưng tôi nghĩ trên dưới chúng ta chỉ biết nghĩ rất ngắn trong khi kẻ địch lại có con đường xa hơn. Nếu nói là thua chúng về mưu trí cũng không sai và suýt nữa cả về mặt chiến lược, nếu như An Lộc thất thủ".

Khoảng 40 năm sau, có lẽ ông đã có câu trả lời xác đáng hơn, nhưng tiếc thay là không ai được xóa bàn để làm lại cả.

Trận đánh Kampông Trach do đó có thể xem là mô hình thu nhỏ của trận Điện Biên Phủ năm 1954. Tướng Navarre cho thiết lập tập đoàn cứ điểm ĐBP để lôi cuốn Việt Minh xa địa bàn Hà Nội đồng thời cản họ tiến quân qua vùng Thượng Lào, có thể đưa đến sự thất thủ của đế đô Luang Prabang[119]. Quân Pháp tiếp tục đổ thêm quân vào lòng chảo ĐBP, từ 6 tiểu đoàn nhảy dù khi bắt đầu cuộc hành quân Castor đã lên đến 21 tiểu đoàn (khoảng 15 000 quân) khi căn cứ bị thất thủ. QLVNCH tăng quân tại Kampông Trach từ một chi đoàn và một tiểu đoàn BĐQ (-) lên đến bốn thiết đoàn và bốn tiểu đoàn BĐQ lúc lui binh. Tuy nhiên ĐBP là mặt trận chính trong khi Kampông Trach lại không. Lý do này sẽ được bàn luận trong phần nghệ thuật chiến dịch tiếp theo. Rồi cũng như ở ĐBP, pháo kích gây thiệt hại về tâm lý nhiều hơn là các cuộc tấn công. Quân CS sử dụng rất hiệu quả các đại bác đặt trên núi đá vôi bắn thẳng vào căn cứ. Họ biết rõ hiệu quả này vì từ bấy giờ, nếu có cơ hội thì từ các cao điểm họ sử dụng sơn pháo với tác dụng tối đa. Quân CS gọi các đại bác 75 ly[120] là "hoàng tử lưng gù" do cấu trúc có dạng lồi lên ở giữa. Các sơn pháo này tuy cũ nhưng có thể tháo rời từng phần để mang lên các điểm cao. Có thể áp dụng từ chiến thuật tập kích hỏa lực này đã khiến BCH/HQ báo cáo về Tư lệnh quân đoàn IV đưa đến quyết định cho lui binh.

Cũng nằm trong chiến thuật tập kích hỏa lực, VC bắt đầu sử dụng rộng rãi các đại liên phòng không DShK 12.7[121] ly để chống bộ binh. Thiết đoàn 16 trong một chuyến tiếp tế khi trở lại căn cứ Kampông Trach vào đầu tháng 5/1972, đã bị thiệt hại vì hỏa lực mạnh mẽ này[122]. Không lâu sau đó, tiểu đoàn 1/10 thuộc sư đoàn 7 BB trong khi hành quân qua Miền cũng đã bị thiệt hại bởi đại liên 12.7 ly[123]. Cả một đại đội BĐQ bị cầm chân bởi khẩu đại liên phòng không tại cảng Sa Huỳnh vào đầu năm 1973[124]. Càng gần đến giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến thì hỏa lực địch càng mạnh. Đại liên phòng không 12.7 ly được thay thế bởi đại bác phòng không 37 ly với hậu quả trầm trọng hơn. Ngày 20/7/1974, căn cứ Nông Sơn bị thất thủ sau hai ngày bị VC tấn công với hỏa lực của các đại bác bắn thẳng này[125]. Thực ra việc sử dụng vũ khí phòng không để chống bộ binh đã được cả hai phía Đức và Nga áp dụng trong chiến tranh thế giới lần thứ II. Trong chiến tranh VN, VC chỉ sử dụng nhiều khoảng trước khi hiệp định Paris được ký kết cho thấy mức độ đạn dược được tiếp tế dư thừa của đối phương, hậu quả trực tiếp từ việc Mỹ rút khỏi miền Nam, đường mòn Hồ Chí Minh không còn bị ngăn chặn như trước nữa.

Người ta cũng có thể cho rằng lệnh rút bỏ căn cứ Kampông Trach vì nó đã mất giá trị về chiến thuật sau khi mặt trận An Lộc bùng nổ? Cuộc lui binh quá gấp rút tại Kampông Trach chứng tỏ giả thuyết này không đứng vững. Không thể bỏ căn cứ ngăn chặn VC xâm nhập vào đồng bằng sông Cửu Long với bất cứ lý do nào theo quan niệm phòng thủ tuyến của QLVNCH. Ngoài ra cũng nên biết rằng có hai hình thức lui binh, đó là tự ý lui binh hay bị bắt buộc phải lui binh. Lui binh bằng bất cứ phương cách nào cũng phải tổ chức phản kích để tránh sự truy đuổi của địch quân, hầu tránh thất bại hoàn toàn. Không cứu được tiểu đoàn 94 BĐQ thì làm thế nào có thể nghĩ đến việc phản công? Hoặc đảo ngược mệnh đề là nếu có tổ chức phản công thì tiểu đoàn BĐQ đã không bị bỏ rơi.

Nhận xét này lại đưa đến một vấn đề mâu thuẫn. Tại sao địch quân không truy kích trong khi QLVNCH lui binh trong khẩn cấp? Chỉ có một lý do để có thể giải thích cho câu hỏi này. Tình hình mặt trận có thể khác xa với những gì được báo cáo về BTL/BK 44 hay cao hơn là BTL/QĐ IV. Cảm tưởng bị bao vây đã khiến BCH/HQ mất tinh thần nên một khi được lệnh lui binh thì phải thực hiện nhanh chóng. Tình thế tương tự của các BTL quân đoàn I & II trong biến cố năm 1975 cho thấy tâm lý này. Cuộc pháo kích của VC vào vị trí đóng quân của tiểu đoàn dù tại đồn điền Ông Thịnh, quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương năm 1964, cho thấy tâm lý của người lính, ngồi đếm pháo địch sẽ sợ hơn là tác chiến[126]. Trung tướng Trương có lẽ cũng đã đoán được tinh thần các thuộc cấp của ông nên đã căn dặn các phi công trực thăng không được chờ bất cứ sĩ quan cấp tá nào ra khỏi căn cứ này, khi họ bay vào để rước phi hành đoàn trực thăng bị bắn rơi, còn kẹt trong căn cứ đồng thời mang theo thuốc men và tiếp liệu[127].

Ai đó đã cho rằng có sự tái ngộ kỳ thú[128] giữa Trung tướng Trương, Đại tá Đại (BĐQ) và Đại tá Gia (TG) trên cùng chiến trường quân khu 1 sau đó (tại Sa Huỳnh, tỉnh Quảng Ngãi, năm 1973[129]) thì có lẽ cũng nên nhắc lại sự trùng hợp ngẫu nhiên của Trung tướng Trương khi chỉ huy cuộc lui binh của quân đoàn I[130][131] và Chuẩn tướng Tất (BĐQ), người sẽ chỉ huy cuộc lui binh trên liên tỉnh lộ 7B năm 1975, nhưng với tầm mức và hậu quả to tát hơn nhiều.

CĐT chi đoàn 3/2 quan sát cường độ hỏa lực địch khá mãnh liệt khi phi cơ C-130 đến thả dù tiếp tế cho căn cứ Kampông Trach trước khi căn cứ bắt đầu lui binh cho thấy VC vẫn còn hiện diện đông đảo trong vùng. Do đó việc địch quân không truy kích khi QLVNCH lui binh tại Kampông Trach lại càng khẳng định hơn nữa mục đích của họ chỉ là để cầm chân QLVNCH tại đây mà thôi. Với sự hiện diện của lực lượng thiết giáp mạnh thì dĩ nhiên truy kích là hoàn toàn bất lợi.

Một chi tiết có thể đưa đến tranh luận là căn cứ Kampông Trach, trên thực tế có bị bao vây hay không? Câu trả lời phải tùy theo thời điểm và phản ứng của cả hai bên tham chiến. Sai lầm chiến thuật khiến QLVNCH tự đặt mình vào thế bị động. Phân tích các phương pháp tác chiến mà VC gọi là thủ đoạn tiến công thì người ta có thể trả lời cho sự tranh luận, nếu có. Thật ra thì VC có 5 chiến thuật chính, dịch ra từ binh pháp phương Tây và sửa đổi để phù hợp với chiến trường VN, tùy thuộc vào quân số của họ và nhất là để đối phó với QLVNCH được trang bị những quân cụ tối tân :

1. Đột phá (tiềm nhập)

Vị trí : phía tấn công tập trung mọi nỗ lực vào điểm yếu trong trận địa phòng ngự của đối phương nhằm phá vỡ thế phòng ngự, mở cửa đưa lực lượng chủ yếu vào sâu trong trung tâm phòng ngự của đối phương.

Thời gian : thường xảy ra ở giai đoạn đầu của trận đánh.

Điều kiện : nếu điều kiện địa hình cho phép thì triển khai đột phá hai bên sườn. Nếu điều kiện địa hình không cho phép thì tổ chức tấn công chính diện, lực lượng đột phá mạnh hơn hẳn đối phương ở điểm đột phá.

Thành phần tham gia : nhị thức bộ binh - thiết giáp với yểm trợ của pháo binh. Sau khi mở được cửa, điểm đột phá thường chọn nơi địa hình thuận lợi cơ động cho xe tăng, thiết giáp tiến công liên tục, mãnh liệt nhiều lần.

2. Vu hồi : phối hợp với các phương pháp tác chiến khác để nhanh chóng chia cắt lực lượng và ngăn chặn các lực lượng đối phương từ phía sau di chuyển lên.

Điều kiện : triển khai cùng lực lượng đột phá.

3. Thọc sâu (thâm nhập) : nhằm nhanh chóng đưa lực lượng vào sâu trong tuyến phòng ngự chiều sâu của đối phương, để đánh chiếm mục tiêu chủ yếu và chia cắt lực lượng đối phương.

Điều kiện : triển khai cơ động trong đội hình đột phá.

Thời cơ : khi lực lượng mở cửa đánh chiếm tạo bàn đạp đã hoàn thành nhiệm vụ.

Lực lượng : như chiến thuật vu hồi.

4. Bao vây : là phương pháp tấn công vào chính diện phòng ngự của đối phương đồng thời cô lập, không cho đối phương rút chạy hoặc ngăn cản lực lượng ứng cứu giải tỏa của đối phương.
5. Tấn công chính diện : đánh vào trận địa của đối phương trên một tuyến có nhiều đường tiếp cận, điều kiện địa hình cho phép hoặc lực lượng đối phương tan rã.

Như vậy, VC đã áp dụng chiến thuật vu hồi khi để lực lượng trú phòng tại Kampông Trach rút lui. Mục đích kèm giữ lực lượng QLVNCH tại đây là chủ yếu.

Khá lâu sau khi chiến tranh chấm dứt, Đại tướng Hoàng Văn Thái trong bài phát biểu ý kiến về chiến trường Campuchia của mặt trận B2 trong những năm tháng cũ, đã viết[\[132\]](#) :

"Ta cũng đã xác nhận ở chiến trường Campuchia là một "mắt xích" yếu nhất của Mỹ trên chiến trường Đông Dương, vậy thì ta điều chủ lực lên đánh địch ở chiến trường Campuchia trong thời gian ấy là rất đúng, vừa căng được địch ra, kèm chân địch lại, diệt được nhiều sinh lực địch, hỗ trợ trực tiếp được cho đánh phá bình định ở chiến trường miền Nam và vừa giúp được cách mạng Campuchia phát triển nhảy vọt, lại vừa giải quyết được rất nhiều khó khăn do địch gây cho ta bằng phong tỏa kinh tế, đẩy ta ra xa ngoài biên giới rồi cấu kết với bọn phản động Lonnon - Sirik Matak hòng diệt ta trên đất thánh".

Ngoài những thất lợi về mặt chiến thuật, việc thiết lập căn cứ Kampông Trach còn là một điều sai trái trên phương diện ngoại giao. Trong cuộc thăm viếng chính thức của một phái đoàn do Phó Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ và Bộ trưởng quốc phòng VNCH hướng dẫn, đến Nam Vang vào tháng 5/1970, chính phủ hai nước Việt và Miên thỏa thuận thiết lập một vùng đất có bề sâu 15 km dọc theo hai bên đường biên giới giữa hai nước. Chính quyền sở tại cấp tỉnh và quận được toàn quyền điều động lực lượng quân sự qua lại để bảo vệ an ninh diện địa mà không cần được sự cho phép trước của chính quyền trung ương của cả hai nước. Ngoài ra Cộng hòa Miên còn đồng ý để QLVNCH thiết lập **một** căn cứ quân sự tại Neak Luong. Khoảng một tháng sau thỏa thuận này, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã sang thăm căn cứ và được sự đón tiếp trọng thể của Quốc trưởng Cheng Heng, Tướng Lon-Nol và Hoàng thân Trung tướng Sirik Matak[\[133\]](#).

Nói như vậy để hiểu rằng BTL quân đoàn IV đã làm sai nguyên tắc ngoại giao, khi cho thiết lập một căn cứ thứ nhì. Trung tướng TMT Quân đội Quốc gia Miên biết điều này nên khi ghi lại trận Kampông Trach thì chỉ nói rằng QLVNCH hành quân trong vùng chứ không nhắc đến một căn cứ cố định. Có lẽ cũng không ai nghĩ đến thất lợi trên phương diện chiến tranh chính trị, tâm lý dân chúng địa phương khi Khmer đỏ lợi dụng để tuyên truyền về sự hiện hữu một căn cứ của quân đội "ngoại xâm" với thỏa thuận của "ngụy quyền" Nam Vang.

Cũng có thể biện luận cho chiến tranh vượt biên là một điều cần thiết, như một học giả Trung quốc là Từ Quang Dụ với bài viết "Theo đuổi biên giới chiến lược không gian ba chiều hợp lý", đăng trong báo Giải Phóng Quân Trung Quốc ngày 13/4/1987. Ông Từ viết : "Biên giới địa lý lấy lãnh thổ, lãnh hải, lãnh không; được quốc tế công nhận làm chuẩn, còn biên giới chiến lược không chịu sự giới hạn của lãnh thổ, lãnh hải, lãnh không. Biên giới chiến lược quyết định không gian sinh tồn[\[134\]](#) của một dân tộc, một quốc gia, cho nên cần tìm mọi cách để đẩy chiến trường từ biên giới địa lý ra biên giới chiến lược". Tuy nhiên sẽ không là một hữu lý nào về chiến thuật và NTCD nếu cứ đánh và rút và sau cùng là không đủ mạnh để tái chiếm một vị trí chỉ có tính cách chiến thuật mà không thỏa mãn được mục tiêu của chiến dịch. May mắn là QLVNCH không rơi vào lỗi lầm như các nhà lập thuyết Trung quốc trong cuộc chiến Trung - Việt năm 1979; là sau khi lui binh khỏi Kampông Trach thì cho rằng "Đã dạy cho Khmer đỏ một bài học", nhưng khi xét lại thì mình lại bị thiệt hại nặng hơn đũa học trò ngộ ngáo của mình.

4.1.2. Tiếp liệu và Tấn thương

Điểm thứ nhì rất thông thường trong chiến tranh là không lượng định đúng được khả năng tiếp vận và tấn thương. Đây chính là sai lầm của Hitler trong trận Stalingrad (một thành phố ở hướng tây-nam nước Nga) cũng như Tướng Navarre trong trận ĐBP (Việt Minh gọi là thung lũng Mường Thanh, nằm ở phía tây-bắc Bắc Việt). Tại Stalingrad trong mùa đông năm 1942, không quân Đức không tiếp tế đầy đủ cho chiến trường đúng như Thống chế Goering đã hứa với Hitler. Do không lượng định được khả năng phòng không của Việt Minh, căn cứ ĐBP không nhận được tiếp tế đầy đủ cũng như không tấn thương được từ tháng 3/1954. Tại Kampông Trach, không quân Mỹ phải thả dù khiến một phần tiếp tế rơi vào tay đối phương.

Đường bộ từ Hà Tiên cũng khá xa và dễ bị VC đóng chốt. Nên lưu ý đóng chốt sẽ khác với bao vây nghĩa là nếu lực lượng mạnh hay di chuyển bất ngờ thì sẽ lưu thông được giữa Kampông Trach và Hà Tiên. Đây cũng là một chi tiết cần nói thêm. Trung tướng Trương dặn dò CĐT chỉ đoàn 3/2 rằng họ lên Kampông Trach để khai thông đường tiếp tế, giải tỏa sự bao vây. Tuy nhiên ông lại không đề cập đến chiến thuật mà các sĩ quan đã từng chiến đấu trong hàng ngũ của quân đội Pháp thường đề cập là "élément de recueil", nghĩa là sử dụng một lực lượng mạnh để yểm trợ cho một cuộc lui binh. Thí dụ như lữ đoàn 173 Dù của Mỹ yểm trợ cuộc lui binh tại Đức Cơ năm 1965 hay sư đoàn 5 BB đón BĐQ lui binh từ Chơn Thành năm 1975 [135]. Nếu đúng như vậy thì cũng có nghĩa là Trung tướng Trương đã có quyết định cho lui binh ngay từ lúc đó.

Nói đến khoảng cách thì phải đề cập một thiếu sót nghiêm trọng nữa trong việc thiết lập căn cứ cố định tại Kampông Trach. Trong các cuộc hành quân tại biên giới Việt - Miên, khi KBTG hoạt động với các sư đoàn bộ binh thì nhận được sự yểm trợ của pháo binh sư đoàn. Nhưng khi được điều động bởi BK 44 thì không có pháo binh yểm trợ. Tuy nhiên khi cho thiết lập một căn cứ cố định thì lại là một việc khác. Căn cứ Kampông Trach do đó hoàn toàn không có pháo binh yểm trợ sau khi hai đại bác 105 ly cơ hữu đã phải phá hủy từ những ngày đầu. Có bốn đơn vị pháo binh trong vùng, một đặt tại Giang Thành cùng với BCH Tiền phương của BK 44, trung đội thứ nhì đóng tại Vĩnh Gia, phía đông Giang Thành. Trung đội pháo binh tại Giang Thành có nhiệm vụ yểm trợ các cuộc hành quân viễn thám của BĐQ gần về hướng Giang Thành hơn là để yểm trợ cho căn cứ Kampông Trach. Trung đội thứ ba đặt tại thành Hà Tiên và trung đội cuối cùng tại Lục Sơn. Đường bán kính Lục Sơn - Kampông Trach là 13 km, Giang Thành - Kampông Trach là 15 km trong khi Hà Tiên - Kampông Trach là 19 km. Vĩnh Gia càng xa hơn nữa, khoảng gần 50 km. Trong khi tầm tác xạ của đại bác 105 ly là 11.2 km, của 155 ly là 14.6 km. Không dấu hiệu nào cho thấy có sự hiện diện của pháo binh 155 ly. Các sĩ quan trong căn cứ Kampông Trach cũng cho biết rằng họ không được sự yểm trợ của pháo binh trong suốt thời gian tồn tại của căn cứ này. Sơ sót này là trách nhiệm từ đầu của người cho thiết lập căn cứ. Trên nguyên tắc, pháo binh chính xác hơn và có khả năng yểm trợ trong mọi thời tiết trong khi trực thăng hay phi cơ thì không được như vậy. Lại càng nguy hiểm hơn khi dựa vào sự yểm trợ của không quân Mỹ. Như đã biết, yểm trợ không quân Mỹ trong tình trạng nhỏ giọt và bất thường vì đang dồn hết nỗ lực cho mặt trận An Lộc.

4.1.3. Cuộc lui binh đúng nghĩa ?

Điểm thứ ba là lệnh lui binh khỏi căn cứ Kampông Trach quá khẩn cấp khiến tiểu đoàn 94 BĐQ bị kẹt lại. Có hai giả thuyết được đặt ra cho vấn đề này.

Đây có thể là sai lầm của BCH tiểu đoàn BĐQ để địch quân trộn lẫn khi đóng quân lâu tại địa phương. Tuy nhiên cũng có thể là kỵ binh rút lui quá nhanh chóng khiến ngay cả TĐT hay BCH của tiểu đoàn không lên kịp các thiết vận xa, trong khi địch quân đang áp sát tuyến phòng thủ. Thế nhưng tại sao BCH/HQ không tìm cách tiếp cứu đơn vị bị bỏ lại sau khi lui binh. Sau chiến tranh, Liên đoàn trưởng liên đoàn 42 CT/BĐQ chỉ xác nhận là Thiếu tá TĐT tiểu đoàn 94 BĐQ có nhận được lệnh lui binh. Tuy nhiên ông lại không nhắc đến trách nhiệm của chính ông khi bỏ lại một đơn vị thuộc quyền. Vì vấn đề trách nhiệm và khó khăn của cuộc lui binh, BCH/HQ **có thể** phải ở lại sau cùng và rút lui với đơn vị chốt. Thiếu tướng Phạm Văn Phú cũng

đã không làm như vậy khi quân đoàn II rút khỏi Plei Ku - Kon Tum năm 1975. Hành động này được cho là một trong những nguyên nhân đưa đến hỗn loạn và thất bại. Nói "có thể" là vì trong quân sử không hiếm có những trường hợp người chỉ huy cao cấp di tản trước ! Một thí dụ tiêu biểu là khi Corregidor sắp bị quân đội Nhật chiếm đóng vào tháng 3/1942, Đại tướng MacArthur đã xuống tàu, giao quyền chỉ huy lại cho thuộc cấp, thoát được số phận tù binh. Điều đáng đề cập hơn nữa là ngày 1/4/1942, bảy ngày sau khi lực lượng Mỹ tại Phi đầu hàng và Tướng Mac Arthur đã ung dung tại Úc, Tổng thống lại ban thưởng cho ông Danh dự Bội tinh (Congressional Medal of Honor), huy chương cao quý nhất của nước Mỹ. Cuộc lui binh nổi tiếng Dunkerque năm 1940 cũng cho thấy không ai nhắc đến Tướng Gort, Tư lệnh lực lượng viễn chinh Anh (BEF) xuống tàu lúc nào, chỉ biết là nhiều sư đoàn trong nhiệm vụ đoạn hậu bị kẹt lại nhưng không có ông trong số này. Mặc dù được cho đây là cuộc lui binh thành công nhất trong quân sử thế giới, Tướng Gort không được Thủ tướng Churchill giao chức vụ chỉ huy nào nữa cho đến khi chiến tranh thế giới thứ II chấm dứt. Các sĩ quan Anh cao cấp được thủy phi cơ cứu thoát trước tại đảo Crete trong chiến tranh thế giới thứ II được cho là đã tạo ra hỗn loạn, thất bại cho cuộc lui binh bằng đường biển này (28-31/5/1940). Có lẽ đáng đề cập nhất là trường hợp của Trung tướng H G Bennett (1887-1962), nguyên là Thiếu tướng Tư lệnh sư đoàn 8 Quân đội Hoàng gia Úc (AIF), đã giao quyền chỉ huy lại cho Chuẩn tướng C A Callaghan rồi tự động bỏ đơn vị, đào thoát khi Singapore thất thủ ngày 15/2/1942. Chính phủ Úc đã cố gắng che dấu sự thật trong chiến tranh nhưng nội vụ ra ánh sáng sau khi chiến tranh thế giới thứ II chấm dứt. Năm 1945, một ủy ban điều tra quân sự được thiết lập và kết luận rằng ông đã đào ngũ.

Một cuộc lui binh phải được tổ chức thành ba thành phần : bảo vệ, đoạn hậu và cánh quân rút lui chính[136]. Một bằng chứng nữa về cuộc rút lui hỗn loạn tại căn cứ Kampông Trach khi trình tự lui binh không được tuân thủ. Không khó để trả lời cho câu hỏi hậu quả gì sẽ xảy ra nếu quân CS ngăn chặn và tấn công ngay khi cuộc lui binh bắt đầu.

4.1.4. Thiệt hại không cần thiết của thiết đoàn 9

Điểm thứ tư là thiệt hại của thiết đoàn 9 khi được lệnh vào vùng hành quân ngay khi vừa đến Kampông Trach và trời đã tối. Tất cả các tài liệu hiện có lại không phân tích về chi tiết này mặc dù thiệt hại khá nặng về nhân mạng và quân dụng. Cũng có hai giả thuyết cho vấn đề này.

Đầu tiên là ý kiến cho rằng có hiềm khích trước giữa Đại tá Cửa, TLP mặt trận Kampông Trach và Trung tá Xuân, Thiết đoàn trưởng thiết đoàn 9[137]; bắt nguồn từ việc xưng danh 801 thay vì Cải Cách của ông Cửa, có vẻ muốn chứng tỏ uy quyền khi ra lệnh cho ông Xuân cũng như không đồng ý trì hoãn sự di chuyển đến sáng ngày hôm sau, trong khi tình hình Kampông Trach không có gì quá khẩn cấp. Hậu quả là ông Cửa bắt buộc ông Xuân phải đi vào sạn đạo.

Giả thuyết thứ nhì là bản đồ hành quân thông thường có tỉ lệ 1:50 000, trong đó dĩ nhiên không ghi rõ các vườn tiêu. BCH/HQ cũng như thiết đoàn trưởng thiết đoàn 9 có thể chỉ biết địa thế trên bản đồ nhưng không rành thực địa. Binh chủng kỵ binh có thiết lập bản đồ bình địa với các đặc tính thế đất cho vùng hành quân. Tuy nhiên bình đồ chỉ hiện hữu khi hành quân trong lãnh thổ VNCH nhưng không có khi hành quân ngoại biên. CĐT chỉ đoàn 1/12, một cấp chỉ huy đã từng hành quân khá lâu tại Kampông Trach viết[138] :

"Địa thế bên Miên khác xa với địa thế của VNCH vì Miên là vùng đất Lục Chân Lạp còn lãnh thổ quân khu 4 của VNCH là Thủy Chân Lạp. Phải hành quân một thời gian dài ở bên Miên mới có thể có được nhận định như vậy. Hai ông Đại tá, theo tôi nghĩ thì không ông nào đã từng đặt chân đi bộ trên vùng đất này nên không thể nào có một nhận định chính xác về địa thế khi hai ông ra lệnh cho Thiết Đoàn 9. Khu tây-bắc quận lỵ Kampong Trach là một khu mà trên bản đồ vẽ khiến người ta cứ tưởng là những ruộng lúa nhưng thực tế đó là một khu toàn các cây nhỏ lúp xúp cao chừng 70 cm tới hơn một thước mà thôi. Dân Miên đã đắp những ụ cao khoảng một thước rưỡi để trồng tiêu. Mỗi ụ cách nhau chừng 50 mét. Đây là vị trí lý tưởng cho địch đặt súng B-40, B-41

hoặc AT-3. Trung tá Xuân cũng như hai vị Đại tá không rõ địa thế vùng tây-bắc Kampong Trach nên đã nhào vào ổ phục kích cấp tiểu đoàn của địch".

Hướng tiếp cận khu vực hành quân cũng như nguyên nhân bị thiệt hại của thiết đoàn 9 đã được ông ghi lại như sau[139] :

"Phía bắc nơi Trung tá Xuân bị đánh là khu vực mà Việt Cộng gọi là khu chợ giải phóng. Hai ông đại tá có lẽ vì e ngại Việt Cộng sẽ tấn công căn cứ từ hướng tây-bắc vì đây là con đường tiếp cận rất thuận tiện cho quân CS khi chúng muốn tấn công căn cứ. Do đó mới có quyết định đưa đơn vị của ông Xuân vào vị trí này để ngăn chặn hướng tấn công của địch, nhưng hai ông lại không biết rõ địa hình nơi này, cứ tưởng nơi đây là cánh đồng ruộng lúa như hướng phía đông căn cứ. Ông Xuân cũng vậy, thành ra khi tiến quân vào khu vực này ông đã điều động đơn vị di chuyển theo hàng dọc. Khi bị địch tấn công không xoay trở được. Tôi đã ở đó lâu, mỗi lần vào khu vực chợ giải phóng, tôi đều đi theo đội hình chi đội hàng ngang vì như vậy mới kiểm soát bao quát được cả khu vực".

4.1.5. Phòng thủ căn cứ dã chiến

Điểm thứ năm là sự cần thiết của căn cứ Kampông Trach. Như đã phân tích ở phần trên, Trung tướng Trường định sử dụng căn cứ Kampông Trach làm điểm tựa để ngăn giữ quân CS không xâm nhập xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long trên cả hai phương diện quân số (sư đoàn 1 VC) và tiếp vận (đường 1C). Tuy nhiên BTL/QĐ IV hay BCH/BK 44 lại không tiên đoán được cuộc bao vây hay đóng chốt của quân CS tất yếu sẽ xảy ra và những hệ lụy sau đó.

Đây có thể là hội chứng trại LLDB của Mỹ trong thập niên 60. Quân đội Mỹ thiết lập các trại LLDB dọc theo biên giới VNCH với hai nước láng giềng Lào và Cao Miên. Mục tiêu của các căn cứ này là theo dõi và ghi nhận những xâm nhập lén lút qua biên giới. Tuy nhiên khi đường mòn HCM được mở rộng và quân đội CSBV xâm nhập cấp trung đoàn thì tính chất thiết yếu của các trại LLDB không còn nữa. QLVNCH tác chiến theo lối Mỹ với phương tiện chiến tranh của Mỹ nên vẫn giữ thói quen cố hữu (the ink dies hard), thành ra Trung tướng Trường bay lên Kampông Trach hàng ngày nhưng ông vẫn cho phép duy trì một căn cứ cố định. Những toán thám sát, tuần tiểu lại không được thường xuyên và liên tục gửi ra bên ngoài hay tổ chức những cuộc hành quân mở rộng chu vi phòng thủ đồng thời thu thập tin tức về đường xâm nhập 1C. Tình trạng kéo dài cho đến khi quân CS bao vây rồi phải rút lui. Tính chất chiến thuật của căn cứ Kampông Trach gần như không đạt được gì cả trên cả hai mục tiêu để thiết lập căn cứ này.

Thay vào đó, cũng với 4 thiết đoàn và liên đoàn 42 CT/BDQ có sẵn trong tay, quân đoàn IV tổ chức những cuộc hành quân di động để phá hủy hậu cần trên khắp vùng biên giới thì có lẽ hiệu quả hơn. Trên nguyên tắc, căn cứ hỏa lực có tính cách thụ động, phòng thủ nhưng kết hợp với bộ binh là để yểm trợ cho bộ binh hành quân tìm và diệt địch, có tính cách chủ động, tiến công[140]. Ngoài ra nguồn cung cấp do thu mua trên đất Miên trước khi chuyển xuống đường 1C có khối lượng rất lớn và ngay cả sau khi Lon-Nol lên nắm quyền, đóng cửa hải cảng Kampông Som với các tàu hàng của CSBV. Các sĩ quan KBTG cũng đều cho rằng thế đất vùng này rất thuận tiện cho các cuộc hành quân thiết giáp. Do đó không khai thác sở trường (di động tính cao và hỏa lực mạnh) mà lại sử dụng sở đoản (dùng thiết giáp làm pháo đài phòng thủ) là một điểm khó giải thích về mặt chiến thuật. Tiền nhân ta đã biết thắng địch nhờ biết cách khai thác khiến địch quân phải sử dụng sở đoản thay vì sở trường. Cuối năm 1076, quân Tống tiến về phòng tuyến sông Như Nguyệt, tuyến phòng thủ cuối cùng của hoàng thành Thăng Long. Lý Thường Kiệt biết quân của Tướng Tống Quách Quỳ không quen thủy chiến nên đã ngầm sai Lý Kế Nguyên chặn đánh thủy quân Tống tại Đông Kênh. Không có thủy quân giúp qua sông, lục quân Tống hai lần vượt sông đều bị quân nhà Lý đẩy lui. Đến năm sau, khi quân địch hao mòn vì không quen thời tiết, Lý Thường Kiệt đang đêm cho quân vượt sông tấn công, quân Tống bị thiệt hại nặng. Giữ thế tiên phong, ông giảng hòa, mở đường cho quân giặc lui binh về nước.

Một đạo quân di chuyển bằng cái dạ dày hay chén canh tạo nên người lính[141] cho thấy tầm quan trọng của kho tàng, tiếp liệu đối với quân CS. Cuộc bao vây Kampông Trach kéo dài thì họ phải dự trữ sẵn thực phẩm và đạn dược. Nếu QLVNCH tổ chức hành quân càn quét để tịch thu hay phá hủy những vị trí tồn trữ thì có thể quân CS phải rút lui. Quan niệm hành quân như vừa nói cũng đã được áp dụng thành công với ba thiết đoàn ngày 28/4/1974[142].

Lúc bấy giờ, có lẽ quá sớm để BTL quân đoàn IV đọc được những lời phê bình của một sĩ quan thiết giáp Mỹ đã từng chiến đấu tại VN, khi QLVNCH sử dụng thiết giáp trong thế phòng ngự [143] : "Kinh nghiệm của tháng 4 năm 1972 cho thấy một cách hiển nhiên và nhanh chóng rằng thiết giáp sử dụng trong vị trí cố định thì những ưu điểm về hỏa lực, di động, áp đảo sẽ không được khai thác khiến từng đơn vị lần lượt bị tiêu diệt".

4.1.6. Lui binh

Điểm sau cùng cần đề cập là khuyết điểm của cuộc lui binh. Lui binh có rất nhiều nguyên nhân :

- Lừa địch (đánh lạc hướng) để tổ chức các cuộc hành quân khác
- Điều chỉnh lại hệ thống phòng thủ trong kế hoạch hành quân
- Phối trí lại lực lượng, căn cứ trên tình trạng hiện tại cũng như dự phóng cho tương lai khi cần tái vũ trang, bổ sung lực lượng, v.v.
- Rút ngắn đường tiếp vận (Lines Of Communication hay LOC)
- Di chuyển lực lượng đến một vị trí thuận lợi hơn
- Bảo tồn lực lượng, tránh tổn thất vì không có cơ hội thắng trận
- Kéo dài thời gian cần thiết, tránh một cuộc giao tranh lớn
- Bắt buộc đối phương ở vào thế bất lợi để ta có thể nắm được thế tiên phong (thí dụ tổ chức phục kích địch quân truy kích)
- Bắt buộc đối phương phải kéo dài đường tiếp vận hoặc gây thêm tổn thất cho địch.

Sau khi thẩm định các nguyên nhân trên và quyết định phải lui binh thì cấp chỉ huy sẽ có 4 phương cách :

- Di tản chiến thuật (Tactical withdrawal) là loại hình lui binh hữu hiệu nhất. Di tản chiến thuật giúp cải thiện thế chiến thuật hoặc tạo ra lợi điểm hơn so với đối phương hay di chuyển đến một địa thế thuận lợi hơn. Thông thường nhất là kéo dài thời gian để chờ đợi viện binh.
- Đoạn chiến (Disengagement) là lui binh nhưng vẫn phải trì hoãn chiến với địch quân.
- Phá vòng vây (Breakout) là lui binh trong trường hợp khẩn cấp, có thể phải hy sinh một số đơn vị.
- Bỏ chạy (Rout) là lui binh trong hỗn loạn, xảy ra khi bị bao vây hay yếu kém về quân số, tinh thần chiến đấu, v.v.

Trên lý thuyết, cuộc lui binh tại Kampông Trach có thể giúp tái phối trí lực lượng vì tình hình tổng quát của cả quân khu lúc bấy giờ cũng như để tái lập sẵn sàng một lực lượng trừ bị. Đứng ra cuộc lui binh chỉ thuộc hình thức đoạn chiến nhưng vì các lỗi lầm chiến thuật đã đề cập ở trên nên đã trở thành hỗn loạn.

4.2. Nghệ thuật chiến dịch

4.2.1. Ai Chỉ Huy ?

Vấn đề lãnh đạo & chỉ huy được đặt ra ở đây vì người ta thấy Trung tướng Trương bay trực thăng lên Kampông Trach gần như hàng ngày trong khi căn cứ lại án binh bất động. Đại tá Hoàng

Đức Ninh, Tư lệnh BK 44 gần như là một bóng mờ tại mặt trận này. Việc Đại tá Gia không có mặt để chỉ huy lữ đoàn 4 KB của ông cũng đã có người thắc mắc[144]. Vậy ai là người chỉ huy mặt trận ? Đứng ra thì Trung tướng Trường không nên bao biện công việc này mặc dù theo ông thì đây là mặt trận chính. Có đúng đây là mặt trận chủ yếu hay không cũng đã được phân tích ở trên. Năm 1972, QLVNCH tại quân khu 4 mạnh hơn đối phương nhưng chiến tranh tại đây phức tạp hơn do VC áp dụng NTCD tổng hợp, không giống NTCD tiến công như tại các quân khu khác.

Xét trên bình diện chiến dịch thì CS sẽ đánh khắp nơi tại quân khu 4, tư lệnh quân đoàn nên để cho tư lệnh biệt khu hay người chỉ huy mặt trận xử trí từng nơi. Đến khi căn cứ Kampông Trach bị áp lực nặng thì ông lại xen vào hệ thống quân giai, ra lệnh trực tiếp cho phi công trực thăng không thông qua hệ thống chỉ huy. Công việc thiết yếu hơn là tìm ra trọng tâm của địch quân trong chiến dịch do đó đã không có ai phụ trách. Trong khi ông lại bỏ thời gian đi thăm bếp ăn của từng binh sĩ và ngồi dẫn đầu đoàn xe chở quân ra trận hay bay trực thăng hàng ngày trên bầu trời Kampông Trach, tạo ra hiểm nguy không cần thiết cho tư lệnh quân đoàn. Thực tế là trong những chuyến bay mạo hiểm này, trực thăng chở ông đã bị hỏa lực VC bắn rơi gần Lục Sơn nhưng tin tức này được giữ kín để giữ vững tinh thần chiến đấu của quân nhân các cấp tại Kampông Trach. Hình ảnh Tướng Patton xuống chân đồi cột lại dây giày cho một binh sĩ Mỹ chỉ có trong phim ảnh của Hollywood mà thôi. Ông đang là tư lệnh quân đoàn, ông chỉ nên điều động hay lập kế hoạch ở cấp quân đoàn. Sự thanh liêm, trong sạch, chăm sóc thuộc cấp vẫn chưa đủ để chiến thắng quân thù. Trình độ của Trường CH&TM Fort Leavenworth thiếu vắng tại đây và trong lúc cần thiết nhất. Người ta có thể kết luận như vậy vì trong nghệ thuật quân sự, phải áp dụng đủ ba cấp độ chiến lược, NTCD và chiến thuật. Cấp quân đoàn có thể không liên quan nhiều đến chiến lược nhưng hai cấp độ còn lại giúp người chỉ huy sắp xếp một cách luận lý các cuộc hành quân, phân phối nguồn nhân, vật lực và chỉ định đúng vị trí cấp chỉ huy trong hành quân[145]. Việc Trung tướng Trường bao biện mọi việc tại mặt trận Kampông Trach là một khuyết điểm. Bây giờ thử căn cứ trên binh thư để xem nếu áp dụng NTCD thì cấp chỉ huy phải hành động như thế nào, đặt những xử trí tại Kampông Trach vào đúng vị trí của nó.

NTCD đòi hỏi cấp chỉ huy phải thỏa mãn 4 câu hỏi về mục tiêu (ends), phương cách (ways), phương tiện (means) và những bất trắc có thể xảy ra (risk)[146]:

1. Mục tiêu (ends) của căn cứ Kampông Trach trong kế hoạch của BTL quân đoàn IV là ngăn cản sư đoàn 1 VC tràn vào lãnh thổ của quân khu. Sư đoàn 1 VC đánh Kiên Lương chứng tỏ mục tiêu không đạt được. Mục tiêu của địch quân là cầm chân QLVNCH không tăng viện được cho mặt trận khác cũng không được xét đến.
2. Phương cách thi hành (ways) để đạt được mục tiêu đã định là sử dụng các đơn vị kỵ binh và BĐQ nhưng lại để các đơn vị rơi vào tình thế bị bao vây cho thấy cấp chỉ huy không nghiên cứu kỹ lưỡng vấn đề thứ nhì.
3. Việc sử dụng nhiều đơn vị cho thấy quân đoàn IV có đầy đủ phương tiện trong tay. Nhưng ...
4. Việc sử dụng thiết đoàn 2, đơn vị trừ bị cuối cùng cho thấy xác suất bất trắc đã không được cứu xét. Không đặt giả thuyết có thể bị địch quân bao vây, đóng chốt, lệ thuộc quá nhiều vào không quân Mỹ là những bất trắc khác mà BTL quân đoàn IV đã không cho là quan trọng.

Như vậy chỉ 1 trong 4 điều kiện đòi hỏi ở cấp độ NTCD được thỏa mãn cho thấy sự cần thiết phải nghiên cứu NTCD.

4.2.2. Sai lầm về tình báo

Tình báo của QLVNCH gần như hoàn toàn sai lầm khi nhận dạng các đơn vị của CS cũng như không tìm hiểu được NTCD của đối phương đã khiến chiến trường thêm đẫm máu. Mặc dù đánh thắng đối phương nhưng có lẽ không phải trả giá cao nếu đã phán đoán đúng. Sai lầm về tình

báo trong chiến tranh thường đưa đến những hậu quả trầm trọng. Mặc dù sai lầm chiến lược trong trận hải chiến Midway (4-7/6/1942) là Mỹ đã đọc được mật mã của Nhật nhưng sai lầm chiến thuật là thám thính cơ của hải quân Nhật đã định vị sai hạm đội của Mỹ đưa đến quyết định sai lầm của Đô đốc Nagumo. Hậu quả dĩ nhiên là Nhật mất 4 hàng không mẫu hạm. Hải quân Nhật không bao giờ hồi phục được sau trận hải chiến này. Cũng trong chiến tranh thế giới thứ II, không ảnh cũng như gián điệp Đức đã báo cáo sai lầm số lượng chiến đấu cơ do nền công nghiệp Anh chế tạo mỗi tháng khiến không quân Đức bị thất bại trong chiến dịch oanh tạc nước Anh (Battle of Britain) bước đầu đưa đến thất bại sau cùng của chế độ phát xít.

Bảng 3 trên cho thấy trong số 16 trung đoàn VC hiện diện trong lãnh thổ quân khu 4 năm 1972, thì tình báo của QLVNCH chỉ nhận dạng được một vài đơn vị mà thôi. Sai lầm lớn nhất là hoàn toàn không biết được hai trung đoàn bao vây căn cứ Kampông Trach là của đoàn C30b. Đơn vị này sau khi hoàn tất công tác đánh nghi binh cho mặt trận An Lộc đã được lệnh di chuyển lên đất Campuchia nên QLVNCH lại cho đó là sư đoàn 1 của CS. Khi sư đoàn 1 sử dụng chỉ có hai đại đội đánh chiếm nhà máy xi-măng Hà Tiên thì cho rằng cả sư đoàn tham dự. Hậu quả là BTL quân đoàn IV tung ra một lực lượng quá lớn để phản công, vi phạm nguyên tắc kiệm ước trong tác chiến^[147].

Do đó ngay cả khi tin tức tình báo chính xác thì cũng không mấy ai tin. Tình báo Mỹ đã báo trước chiến dịch Quảng Trị của quân đội CSBV nhưng tin tức này đã không được các cấp chỉ huy Việt Mỹ tại quân khu 1 lưu ý^[148]. Ngày 30/3/1972, Chuẩn tướng Vũ Văn Giai vẫn cho hai trung đoàn 2 và 56 của sư đoàn 3 BB hoán đổi vị trí đóng quân khi CS bắt đầu cuộc TCK. QLVNCH tại quân khu 1 đã hoàn toàn bất ngờ vì không sử dụng tin tức tình báo ! Trong một cuộc phỏng vấn ngày 25/7/2011 tại California, cựu Chuẩn tướng Giai xác nhận BTL sư đoàn 3 BB hoàn toàn bị bất ngờ khi VC bắt đầu tấn công ngày 29/3/1972. Tuy nhiên ông lại cho rằng ông không nhận được tin tức tình báo nào về các hoạt động di chuyển quân của CS^[149].

Chiến tranh thường kéo theo sự may rủi. Lực lượng tham dự để giải tỏa và chiếm lại nhà máy xi-măng Hà Tiên đông gấp nhiều lần quân số VC tham chiến đã khiến BTL sư đoàn 1 nhận thấy ngay từ địa điểm đưa đại đơn vị này xâm nhập theo kế hoạch. Chiến thuật sử dụng quá nhiều lực lượng này cũng xuất xứ từ CS. Mao Trạch Đông gọi đó là dùng dao mổ bò để giết gà. Đó cũng là phương cách mà quân đội CSBV đã áp dụng tại Ban Mê Thuột năm 1975, sử dụng 6 sư đoàn tấn công áp đảo trung đoàn 53, sư đoàn 23 BB. Thượng tướng Hoàng Minh Thảo lại cho rằng^[150] : "Nhu thế là Tây Nguyên có bốn sư đoàn và bốn trung đoàn độc lập, lại có Sư đoàn 3 Sao Vàng của Quân khu 5 phối hợp. Tây Nguyên trở thành một tập đoàn rất mạnh, có tới sáu sư đoàn, mạnh hơn một quân đoàn. Đó là cái nút của thắng lợi. Đó là sự sáng suốt, nhìn xa trông rộng của Đại tướng - Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp và Bộ Tổng tham mưu. Ta vừa có thế, vừa có lực lượng mạnh, nên ta làm được mọi nhiệm vụ, yêu cầu của một chiến dịch lớn". Tỉ số về quân số 18:1 khiến người ta có thể đặt câu hỏi là ông có nghĩ gì về nguyên tắc kiệm ước trong tác chiến để tự hào cho đó là sáng suốt hay nhìn xa trông rộng ?

Cũng cần nên biết thêm rằng BTL quân khu 9 của VC đã nhiều lần đề nghị đưa một sư đoàn BB xâm nhập vào lãnh thổ quân khu 4 của VNCH nhưng đều bị BTL Miền từ chối. Lý do là từ năm 1969, mỗi năm VC cho một trung đoàn xâm nhập xuống vùng đồng bằng sông Cửu Long thì đều bị QLVNCH tiêu diệt^[151]. Năm 1972, sư đoàn 1 của VC thử thời cơ tại Kiên Lương nhưng phản ứng quá mạnh mẽ của QLVNCH đã làm họ chùn bước. VC thay đổi hướng xâm nhập bằng cách đưa sư đoàn 5 vào Kiến Tường với hậu quả càng nặng nề hơn nữa. Tuy nhiên phải hiểu là tất cả đều nằm trong chiến dịch của VC.

4.2.3. Thất bại nghệ thuật chiến dịch

Nghệ thuật chiến dịch (NTCD) đã được giải thích trước đây [152]-[153]. Tuy nhiên một số chi tiết tổng quát được lập lại ở đây để dễ dàng cho người đọc và nhất là trận Kampông Trach là một thí dụ điển hình của sai sót khi QLVNCH không nghiên cứu NTCD của đối phương.

NTCD là bước trung gian giữa chiến lược và chiến thuật, được các binh thuyết gia Nga như Kamenev, Isserson, Varfolomeev, Svechin, Triandafilov, Tukhachevsky nghiên cứu và tìm ra trong thập niên 20, 30 của thế kỷ 20 để giải quyết tình trạng kéo dài, bất phân thắng bại trên chiến trường. Điển hình là chiến tranh hao mòn trong chiến tranh thế giới thứ I (1914-1918) hay trong cuộc nội chiến Nga (1917-1923). Quân đội Đức sử dụng chiến thuật chiến tranh chớp nhoáng để tiêu diệt đối phương, thỏa mãn mục tiêu của chiến dịch [154]. Tương tự như vậy, hồng quân Nga phát triển chiến thuật thọc sâu và bao vây chia cắt để có thể đạt được mục tiêu NTCD.

Bình thư của CS giải thích nguồn gốc cũng như thời điểm bắt đầu áp dụng NTCD trên chiến trường VN [155]:

“Chiến dịch ra đời khi các phương tiện vận chuyển đã cho phép bộ đội cơ động trên quy mô lớn, các phương tiện truyền tin đã bảo đảm cho người chỉ huy điều hành nhiều trận đánh trên phạm vi rộng.

Cho đến nay, nghệ thuật chiến dịch với tư cách là lý luận và thực tiễn chuẩn bị và thực hành các loại chiến dịch được công nhận là một bộ phận hợp thành của nghệ thuật quân sự. Ở Việt Nam, khái niệm đó mới dùng từ cuối cuộc kháng chiến chống Pháp”.

Nói một cách tổng quát, chỉ huy cấp trung đoàn, tiểu đoàn hay những đơn vị nhỏ hơn áp dụng chiến thuật (tactics) để đối phó với địch quân trong khu chiến (combat zone) hầu chu toàn mục tiêu NTCD (operational art) hay mục tiêu của chiến dịch (theatre of operation). Chỉ huy cấp sư đoàn hay cao hơn dùng NTCD điều động tác chiến trong một chiến dịch để đạt mục tiêu chiến lược. Chiến lược (strategy) được phân thành hai loại là chiến lược chính trị và chiến lược quân sự. Chiến lược chính trị do nguyên thủ quốc gia hay chủ tịch hội đồng liên quốc gia quyết định trong khi chiến lược quân sự do Tổng TMT hay TMT điều hành các cuộc hành quân trên chiến trường (theatre of war) hầu đạt được mục tiêu chính trị. Nói một cách nôm na thì chiến thuật dùng khi quan sát được để đánh địch còn NTCD chỉ nghe và điều động tác chiến trên bản đồ. Chiến lược thì dùng bản đồ và kế hoạch vì ngoài quân sự còn bao gồm nhiều lãnh vực khác như chính trị, kinh tế, tâm lý dân chúng, v.v.

Thí dụ điển hình của thất bại NTCD trên chiến trường VN là quân đội Mỹ gần như thắng trong các trận đánh với VC nhưng không thể biến các thành công chiến thuật này thành chiến thắng chiến lược do thiếu bước chuyển tiếp quan trọng [156]. Chiến tranh cần những học thuyết (doctrine). Áp dụng học thuyết qua những cấp độ chiến lược, NTCD và chiến thuật. QLVNCH theo học thuyết chiến tranh của Mỹ, thiếu một học thuyết chiến tranh cho riêng mình nên đã bị rơi vào tình trạng tương tự.

Chiến trận năm 1972 tại quân khu 4 của VNCH sẽ được phân tích qua 14 yếu tố NTCD như sau [157]:

1. **Động năng** để tấn công khả năng tác chiến của địch trên cả hai phương diện thể lực lẫn tinh thần. Theo binh pháp Tôn Tử thì động năng chính là binh thế. Người chỉ đạo chiến tranh căn cứ vào phương thức tác chiến mà biến đổi và sử dụng lực lượng một cách linh hoạt để tạo nên tình thế có lợi. Việc hoán chuyển sư đoàn 21 BB và trung đoàn 15 thuộc sư đoàn 9 BB lên mặt trận An Lộc cho thấy QLVNCH đã thỏa mãn yếu tố đầu tiên của NTCD. Hai quân khu 8 và 9 của VC do binh lực yếu kém đã không khai thác được yếu điểm này.

2. **Đồng loạt & chiều sâu** để khai thác tối đa cả không gian ba chiều[158] và yếu tố thời gian trên chiến trường. QLVNCH do không nghiên cứu NTCD của đối phương nên đã ở thế bị động, để VC giữ thế tiên phong trong tác chiến, tự do lựa chọn địa bàn (thọc sâu tại Kiên Lương và Kiên Tường) cũng như thời điểm tác chiến (từng chiến dịch, cả phủ đầu lẫn nối tiếp).
3. **Tiên liệu** để khai thác cơ hội và tránh sự bất ngờ. Tính cách thụ động khiến QLVNCH hoàn toàn bị bất ngờ trước mọi sự di chuyển tái phối trí lực lượng của đối phương. Căn cứ Kampông Trach là một thí dụ điển hình. Việc không tổ chức hành quân ra xa và liên tục đã khiến căn cứ không đạt được một ý nghĩa chiến thuật nào cả mà còn trở thành một gánh nặng về tiếp vận và sau cùng phải lui binh trong hốt hoảng.
4. **Duy trì khả năng tác chiến** để có thể tự do hành động và phản ứng linh hoạt. BTL BK 44 hay BTL quân đoàn IV thiếu sự linh hoạt trong tác chiến khiến căn cứ Kampông Trach có nguy cơ bị bao vây (phải thả dù quân dụng tiếp tế), chia cắt của địch quân (tiểu đoàn 94 BĐQ không lối thoát).
5. **Cân bằng lực lượng** để có thể bảo đảm yểm trợ hỗ tương, điều phối lực lượng trong cả 2 loại hình tác chiến đối xứng và bất đối xứng và duy trì thế tiên phong. Không thấu hiểu được NTCD của đối phương khiến QLVNCH đã đánh mất thế tiên phong về chiến thuật.
6. **Thời gian & nhịp độ** là kiểm soát mức độ nhanh hay chậm của cường độ tác chiến. QLVNCH đã có được yếu tố này, nhất là sự yểm trợ của B-52 khiến hầu hết các cuộc tấn công của VC bị thất bại.
7. **Khoảng cách & hướng hành quân** bao gồm hai yếu tố riêng lẻ :

- Khoảng cách tùy thuộc vào địa hình, vị trí đơn vị, yểm trợ, căn cứ tiếp vận, tầm tác xạ của các loại vũ khí, phương tiện chuyên vận, hệ thống giao thông, yếu tố chính trị và ngoại giao, v.v.

- Tuyến hành quân gồm có hai loại :

Nội tuyến khi lực lượng bạn có ưu thế về di động, phân tán để tấn công địch. Việc cố thủ thay vì di động khiến QLVNCH tại Kampông Trach không khai thác được nhị thức bộ binh - thiết giáp trên một chiến trường rất thích hợp, làm lỡ mất cơ may chiến thắng.

Ngoại tuyến khi lực lượng bạn tập trung để đánh địch trong trường hợp địch quân ít hơn và kém khả năng di động.

Đúng ra đây không phải là khuyết điểm của QLVNCH vì là những điều kiện ắt có và đủ của hệ thống chỉ huy một quân đội tân tiến. Có thể nói ở thời điểm khá muộn này của chiến tranh (năm 1972), khuyết điểm này không phải có ở cấp quân đoàn. Sau trận đánh tại Kampông Trach, Trung tướng Trường mới nhận ra rằng căn cứ này nằm cách khá xa trung tâm tiếp liệu tại Cần Thơ. Đó là chưa kể ông đã không tiên liệu được khi phải dùng đến yểm trợ (hỏa lực cũng như tiếp vận) của không quân Mỹ và cũng không chú ý là căn cứ nằm ngoài tầm yểm trợ của pháo binh. Yếu tố này sẽ trầm trọng hơn nếu lượng định khả năng của QLVNCH trên tiến trình VNHCT và khả năng cũng như kinh nghiệm về phòng không của đối phương.

8. Cấp chỉ huy phải tìm hiểu về **lực lượng & phối trí của địch** để có thể mở rộng tối đa tuyến chạm địch, tiêu diệt lực lượng hay phối trí của địch hoặc cả hai. Phối trí của địch gồm hệ thống chỉ huy và kiểm soát (C2), tiếp liệu, phòng không, v.v. Yếu kém về tình báo của QLVNCH khiến yếu tố này không có được dù cho cấp chỉ huy có ý muốn. Trận đánh giải tỏa Kampông Trach cho thấy hậu quả trầm trọng khi không nghiên cứu NTCD của đối phương. Việc tái chiếm nhiều lần và cuối cùng thì bỏ cuộc từ nhận định sai lầm của BTL quân đoàn IV/QLVNCH, giữa hai hướng chủ yếu và thứ yếu trong đợt 3 chiến dịch tổng

hợp của quân khu 8 VC. Dĩ nhiên QL-1 của Campuchia luôn luôn ám ảnh các cấp chỉ huy của QLVNCH do vị trí quan trọng về mặt chiến thuật. Tỉnh Xoài Riêng lấn sâu vào lãnh thổ của VNCH tại Mỏ Vẹt. Từ thành phố Xoài Riêng đi theo QL-1 về phía đông khoảng 10 km sẽ đến thị trấn Prasôt. Tại đây có hai ngã rẽ đi xuống biên giới. Rẽ trái là hai hương lộ 1011 và nối tiếp bởi HL-93 để đi Kampông Rou, chỉ cách biên giới khoảng 300 mét. Nếu rẽ phải là HL-1010 và HL-94 dẫn đến Long Khốt và vùng Chân Tượng. Đây chính là hệ thống giao thông để chuyển quân và quân dụng xâm nhập vào VNCH. Tuy nhiên nếu tấn công một vị trí nhiều lần nhưng không chiếm giữ được thì những hy sinh xương máu và tổn hao quân dụng là không cần thiết. Căn cứ tại Long Khốt có thể đóng giữ vai trò ngăn chặn này.

9. **Phối trí hành quân** có liên quan đến vấn đề tiếp vận. Ngoài ra các giai đoạn hành quân có thể nối tiếp, đồng loạt hay trùng lặp nhau. Một giai đoạn hành quân được định nghĩa là thời gian trong đó phần lớn lực lượng liên quan trực tiếp hoặc yểm trợ tác chiến.

Trận Kampông Trách cho thấy BTL quân đoàn IV hoàn toàn đặt nhẹ vấn đề tiếp vận khi cho thiết lập một căn cứ cố định trên đất Campuchia, đưa đến những hệ lụy sau đó. Cũng tương tự như tại Kampông Trach, căn cứ Neak Luong trên thực tế không thực hiện được mục tiêu ngăn chặn địch từ xa. Quân CSBV và Khmer đỏ cắt QL-1 của Campuchia thường xuyên và liên tục khiến QLVNCH cứ phải hành quân lên xuống giải tỏa nhiều lần nhưng không có kết quả thực tế về chiến thuật. Quân đội đồng minh (FANK) không đủ mạnh để chiếm và giữ.

10. **Trọng tâm** là yếu tố quan trọng nhất của nghệ thuật quân sự. Theo định nghĩa của cơ học chất rắn (Mechanics of Solids), trọng tâm là điểm tập trung khối lượng của một vật thể. Nếu vì một lý do nào đó, trọng tâm đi lệch ra khỏi mặt chân đế thì vật thể có thể bị sụp đổ một cách dễ dàng, dưới tác dụng của chính trọng lượng hoặc của một lực đẩy ngang tương đối nhỏ. Trong võ thuật, đây là vị trí cân bằng vững chắc nhất. Thế đứng tấn của người luyện võ chính là để củng cố trọng tâm của mình. Đặt căn bản trên cơ học Newton và dựa vào kết quả từ những trận đánh tiêu diệt của Nã-Phá-Luân, Clausewitz đã định nghĩa : Trọng tâm là cái nôi của mọi sức mạnh và chuyển dịch mà từ đó tất cả sự vật lệ thuộc. Đó là điểm mà tất cả năng lượng phải hướng vào[159]. Cũng theo Clausewitz thì trọng tâm có ý nghĩa rất tổng quát, có khi đó là quân đội địch, hoặc thủ đô của đối phương hay là tâm lý dân chúng vùng địch hậu. Thí dụ trong cuộc TCK tết Mậu Thân năm 1968 thì trọng tâm là dư luận của quân chúng Mỹ. Lúc khác, khi đối đầu với một liên minh thì trọng tâm phải là đồng minh mạnh nhất. Khẩu hiệu "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" của VC chính là xác định đối tượng để tác chiến theo nguyên tắc của Clausewitz. Chiến tranh lạnh chấm dứt, nhưng lại được tiếp nối bởi những cuộc xung đột vũ trang vì chủng tộc, tôn giáo, v.v. khiến ngày hôm nay trọng tâm được định nghĩa một cách rõ ràng hơn nữa. Học thuyết của lực lượng Pháp xác nhận : Dân chúng luôn luôn là trọng tâm của các cuộc xung đột[160]. Gần đây quân đội Mỹ cũng xác nhận như vậy[161]. Trên lý thuyết, phá hủy được trọng tâm của đối phương là đạt được chiến thắng. Tuy nhiên khác với cơ học; trong lý thuyết quân sự, rất khó xác định được trọng tâm và trọng tâm lại có thể thay đổi theo thời gian. Một thí dụ tiêu biểu cho thấy trọng tâm là hàm số của thời gian là chiến dịch Barbarossa của quân đội phát xít Đức tấn công Nga trong chiến tranh thế giới thứ II. Chỉ thị số 21 của Hitler ban hành vào cuối tháng chạp năm 1940 cho các đơn vị sắp hành quân là tiêu diệt hồng quân Nga chứ không phải chiếm một vị trí quan trọng hay để đạt được một mục tiêu chính trị nào. Năm 1941, sau khi gặp sự đối kháng dai dẳng của quân Nga thì Đức mới xác định lại trọng tâm là thủ đô Mạc-Tu-Khoa với hy vọng có thể đạt được một chiến thắng nhanh chóng hơn[162].

Trong trận Somme của chiến tranh thế giới thứ I, trọng tâm là hàng rào kẽm gai của quân đội Đức. Thất bại của quân đội Anh vì không xác định được trọng tâm được cho là tác chiến không đặt căn bản trên học thuyết quân sự (force without concept)[163].

Tại Cửa Việt năm 1974, trọng tâm là lực lượng quân CS trong vùng chứ không phải là căn cứ Cửa Việt. Quân sử một lần nữa cho thấy rằng xác định trọng tâm sai, dĩ nhiên sẽ đưa đến thất bại.

Do tính cách quan trọng của trọng tâm, mưu kế thường được sử dụng để đánh lừa đối phương đoán sai trọng tâm. Đó là trường hợp của trận đánh chiếm thị trấn Meiktila bên dòng sông Sittang nước Miến Điện, trong chiến tranh thế giới thứ II. Tháng giêng năm 1945, Trung tướng W Slim giả vờ cho quân Anh tổ chức hành quân hướng về cố đô Mandalay khiến quân Nhật tưởng lầm. Trung tướng Nhật Kimura Hyotaro nhận định rằng Mandalay mang giá trị tinh thần của người dân Miến. Việc cố đô thất thủ không những có ảnh hưởng rất lớn trên phương diện chính trị mà còn làm chia cắt 2 tập đoàn quân 15 và 33 của Nhật đồng thời sẽ làm hỏng luôn kế hoạch cắt đường tiếp vận của quân đội đồng minh giữa Ấn Độ và Trung Hoa. Trên thực tế, trọng tâm của kế hoạch đánh chiếm Meiktila là để tiêu diệt quân Nhật chứ không phải để chiếm Mandalay. Đoán sai trọng tâm, quân đội Nhật thất trận. Chiến thắng Meiktila của quân đội Anh là bước đầu để tiến về đồng bằng đưa đến cuộc giải phóng nước Miến Điện sau này[164].

BTL quân đoàn IV không nhìn thấy được NTCD của đối phương (BTL Miền hay mặt trận B2 của VC) và do đó không xác định được trọng tâm trong từng chiến dịch của CS. Trung tướng Trương đã đoán sai khi cho rằng trọng tâm tại quân khu 4 là Kampông Trach khi nói chuyện với ban chỉ huy của chi đoàn 3/2[165]. Trong chiến dịch Nguyễn Huệ, hướng chủ yếu là QL-13 trong khi QL-22 chỉ là nghi binh. Chiến dịch tiến công tổng hợp đánh phá bình định, gói đầu sau đó cũng không được phát giác và giải quyết đúng mức. Tại QK 8 của VC thì hướng chủ yếu là đường xâm nhập 1B, Đồng Tháp Mười xuống cắt đứt QL-4. Hướng thứ yếu là qua đường xâm nhập 1A xuống Thông Bình, Cà Vàng ở ranh giới hai tỉnh Kiên Phong và Kiến Tường. Trong khi đó, tại quân khu 9 thì hướng chủ yếu là U Minh, Chương Thiện; hướng thứ yếu là hai tỉnh Vĩnh Long và Vĩnh Bình. Không biết rõ địch mà vẫn thắng là do thiện chiến trong chiến thuật. Mục tiêu của chiến dịch đạt được là do VC quá kém. Thông thường đánh thắng trận đánh là một chiến thắng chiến thuật nhưng không chắc sẽ đạt được chiến thắng trên hai cấp độ NTCD và chiến lược. Chiến thắng do đó chỉ có tính cách tương đối theo tầm nhìn ở từng cấp độ. S Hussein đã cho rằng ông ta thắng trận sau chiến tranh vùng vịnh lần thứ nhất (2/8/1990-28/2/1991) với lý do tuy bị thất bại về chiến thuật và NTCD nhưng chế độ của ông vẫn tồn tại (chiến lược). Tương tự như vậy, Tướng Westmoreland nghĩ rằng ông thắng trận tại VN khi quân Mỹ luôn luôn đánh thắng VC trong các cuộc hành quân tìm và diệt (chiến thuật). Đây là điểm rất rõ ràng vì thất bại NTCD khiến QLVNCH hầu như luôn luôn thắng trong các trận đánh nhưng lại không đưa được cuộc chiến tranh đến kết thúc, nghĩa là không bao giờ đạt được mục tiêu chiến lược.

- 11. Tác chiến trực tiếp hay gián tiếp.** Trên lý thuyết thì nên tấn công trực tiếp. Tuy nhiên khi trọng tâm là lực lượng địch thì nên đánh theo lối gián tiếp. Phương pháp thông thường là tách rời hệ thống chỉ huy và kiểm soát, cắt đứt các tuyến hành quân, triệt tiêu khả năng phòng không và yểm trợ hỏa lực của địch. Không xác định được trọng tâm nên QLVNCH chỉ có một phương cách duy nhất là tấn công trực tiếp, dĩ nhiên với tổn thất lớn cho cả hai bên[166].
- 12. Điểm quyết định** thường là những vị trí trên địa hình như hải lộ, một ngọn đồi, thị trấn hay căn cứ không quân. Điểm quyết định là những điểm then chốt bảo vệ trọng tâm. Giống như trên, do không xác định được trọng tâm nên không tìm được điểm quyết định.

13. **Thời điểm tới hạn** (TĐTH) được định nghĩa tùy theo thế tấn công hay phòng thủ. Trong thế công, TĐTH là thời điểm khi khả năng tác chiến của phía tấn công không còn cao hơn phía phòng thủ. Trong thế thủ thì TĐTH là thời điểm khi phía phòng thủ không còn khả năng phản công hay tự vệ. Chỉ xét riêng chiến trường Kampông Trach thì QLVNCH đã vô hình chung biến thế công thành thế thủ. Yếu kém về chỉ huy khiến cuộc di tản chiến thuật bị thất bại.
14. **Kết thúc** một chiến dịch rất quan trọng nhất là khi mặt trận có giới hạn quốc tế, ảnh hưởng đến tôn giáo, sắc tộc, v.v. Cấp chỉ huy còn phải nghĩ đến việc tổ chức hành quân bình định, các hoạt động cứu tế, nhân đạo và tái phối trí lực lượng sau một cuộc xung đột vũ trang. Yếu kém về chỉ huy khiến căn cứ Kampông Trach phải di tản chiến thuật. Cuộc di tản đã trở thành hỗn loạn do yếu tố tinh thần. Dân chúng của quận Kampông Trach bị thất thủ sau đó dĩ nhiên không trở thành một vấn đề đáng quan tâm.

Một sĩ quan cao cấp của quân đội Do Thái cho rằng[167] : “Trong NTCD, lực lượng địch là một hệ thống phức tạp mà mỗi phần tử độc lập sẽ liên kết với nhau để tạo thành sức chiến đấu chung, mạnh hơn sức mạnh của từng phần tử riêng rẽ. Do đó, để đánh bại đối phương thì không cần phải tác chiến trực tiếp mà nên đánh vào liên kết những phần tử này lại với nhau; tạo ra một cú sốc cho tổng thể, chia cắt thành từng phần và tiêu diệt từng phần một”. Áp dụng cho chiến cuộc mùa hè năm 1972 tại quân khu 4 thì phải biết đâu là hướng chính và hướng phụ. Rõ ràng địch quân cần cả hướng chính lẫn hướng phụ để tạo ra sức mạnh tổng hợp, tác dụng sẽ mạnh hơn một hướng duy nhất. Theo Mao Trạch Đông thì trong trường hợp như vậy, phải đánh vào cánh mạnh nhất của địch. Như vậy nếu đập tan được hướng tấn công chính thì sẽ phá vỡ được chiến dịch tổng hợp.

Quân đội CSBV, do áp dụng học thuyết quân sự của Nga, đã áp dụng NTCD này trong chiến tranh. Theo Thượng tướng Thảo thì nghệ thuật chia cắt chiến dịch là một trong 6 NTCD mà CS đã áp dụng trong chiến tranh quốc cộng. Ông phân tích, dù không đúng cho tình hình Huế và mặt trận Xuân Lộc, cũng được ghi lại ở đây[168] :

"Chia cắt chiến dịch là một vấn đề rất cần thiết để chia cắt địch ra, cô lập địch mà đánh. Đó là vấn đề tạo thế của chiến dịch. Nếu không chia cắt địch ra thành nhiều mảnh, phá thế liên hoàn của địch, để địch co cụm lại hoặc có mối liên hệ với nhau, để địch hỗ trợ được cho nhau thì rất khó đánh. Vấn đề này không những ảnh hưởng đến thế trận, mà còn ảnh hưởng đến tâm lý của địch. Trong các chiến dịch, ta đều có thể chia cắt. Chiến dịch Tây Nguyên, đánh Buôn Ma Thuột, đánh chiếm đường 14 nối liền Plâyku với Buôn Ma Thuột, làm cho Buôn Ma Thuột bị cô lập. Tiếp đó đánh chiếm đường 21 nối liền Buôn Ma Thuột với Nha Trang, làm cho Buôn Ma Thuột càng thêm cô lập. Cuối cùng, đánh chiếm đường 19 nối liền Plâyku với Quy Nhơn, làm cho cả Tây Nguyên cô lập với đồng bằng, cắt đứt nguồn tiếp tế chính của Tây Nguyên.

Sau khi dàn và bày một vẻ của thế trận chia cắt tất yếu địch đâm ra hoang mang, ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần chiến đấu, tạo điều kiện thuận lợi cho ta đánh địch. Quả nhiên sau khi ta đánh chiếm Buôn Ma Thuột, địch không đi ứng cứu, phản kích bằng đường bộ được, mà phải phản kích bằng máy bay lên thẳng vì đường bộ đã bị ta chiếm cắt.

Địch phản kích bằng máy bay lên thẳng làm cho ta dễ đánh hơn, vì không có xe tăng, xe bọc thép. Đó là do ngay từ đầu, ta đã gạt bỏ tình huống. Ta chặn cắt đường bộ, buộc địch phải đi bằng đường không. Địch đi đường không, ta có khả năng thuận lợi hơn trong việc truy kích chúng.

Trong trận Huế cũng thế, ta chia cắt Huế với Đà Nẵng, quân địch ở Huế hoang mang mất tinh thần, không còn hy vọng quân ở Đà Nẵng đến cứu giúp, nên phải rút chạy ra biển, sau khi bị ta tiến công. Và trong cuộc tháo chạy đó, địch bị tiêu diệt, tiêu hao rất lớn [sic].

Trong trận đánh Xuân Lộc, ta đánh chiếm ngã ba Dầu Dây, cắt được mối liên hệ giữa Xuân Lộc với Biên Hòa. Địch không còn con đường chi viện, nên phải rút chạy khỏi Xuân Lộc, sau đó đã bị tiêu diệt nặng nề [sic].

Chia cắt chiến dịch là một nghệ thuật chiến dịch hay. Quân địch đông, nhiều, đóng dày đặc thì bao giờ cũng phải chia cắt, để tiêu diệt từng nhóm, từng cụm, để đi đến tiêu diệt hoàn toàn nếu có điều kiện".

Viết lại về kinh nghiệm cho Nha Quân sử Mỹ sau chiến tranh, một sĩ quan cao cấp của QLVNCH chỉ phân tích chiến lược và chiến thuật của CS cho thấy khiếm khuyết lớn trong việc chỉ đạo chiến tranh của QLVNCH. Ông có nhắc đến một lần cụm từ “chiến lược, chiến dịch và chiến thuật” [169] nhưng sự trộn lẫn từ ngữ này cho thấy ông đã làm lộn giữa chiến dịch và NTCD. Tương tự như vậy, do thiếu hiểu biết về NTCD của đối phương đã khiến Trung tướng Trường cho rằng CS phạm phải sai lầm khi mở ba mặt trận riêng rẽ thay vì tập trung vào một mặt trận duy nhất trong năm 1972 [170]. Tuy nhiên ông lại không tự đặt câu hỏi là tại sao CS lại thành công khi mở ba mặt trận tương tự năm 1975.

Những khuyết điểm chiến thuật khiến QLVNCH đã đánh thắng đối phương trong hoàn cảnh nguy hiểm, không phải có. Mức độ NTCD không được nghiên cứu, học hỏi bởi cấp chỉ huy gây khó khăn thêm cho người chiến binh. Thiếu sót này khiến chiến tranh kéo dài bất tận. Chỉ có tinh thần dũng cảm và sự thiện chiến mới giúp được người lính QLVNCH thắng trên một chiến trường đã được đối phương bày binh, bố trận sẵn. Nếu không thắng được cuộc chiến tranh thì ít ra xương máu có thể đã được tiết kiệm nhiều hơn nữa nếu những yếu điểm này được khắc phục ngay từ đầu cuộc chiến.

4.3. Chiến lược

Tháng 6/1971, Quân ủy Trung ương họp bàn thực hiện kế hoạch của Bộ Chính trị [171]. Tại hội nghị này, sau khi tổng hợp, phân tích tình hình tại chiến trường Nam Bộ, Khu 5, Tây Nguyên và Trị - Thiên, Quân ủy Trung ương dự kiến, trong năm 1972 : “Hướng chủ yếu số 1 là chiến trường biên giới Campuchia và miền Đông Nam Bộ, hướng chủ yếu số 2 là chiến trường Tây Nguyên; hướng phối hợp quan trọng là miền núi tây Trị - Thiên. Trị - Thiên tuy là hướng phối hợp quan trọng, nhưng lại gần miền Bắc, có điều kiện bảo đảm hậu cần, vì vậy phải gấp rút chuẩn bị để có thể đánh lớn khi cần thiết hoặc có lợi”.

Ngày 23/3/1972, Bộ Chính trị họp để nghe Thường vụ Quân ủy Trung ương báo cáo về tình hình quân sự và công tác chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công. Bộ Chính trị đồng ý với phương án mà Thường vụ Quân ủy Trung ương đã chọn. Quảng Trị sẽ là hướng tiến công chiến lược chủ yếu.

Bộ TTM/QLVNCH đã nhận ra mục tiêu chính của CS. Tái phối trí các đơn vị ra miền hòa tuyến đã đánh bại được địch quân. Mục tiêu của CS nhằm chứng tỏ sự thất bại của kế hoạch VNHC đã không thành công. Như vậy trên bình diện chiến lược quân sự, QLVNCH đã đúng tại thời điểm này. Nhưng điểm quan trọng nhất cần phải xét là hầu như ở bất cứ chiến trường nào, chính hay phụ, yểm trợ hòa lực của Mỹ đều là yếu tố then chốt. Tất cả các chiến dịch của CS kể cả những chiến dịch tại quân khu 4 năm 1972 đã bị thất bại khiến ít ai đánh giá đúng mức được rằng công thức: VNHC = QLVNCH + hòa lực Mỹ, sẽ mất cân bằng khi hòa lực yểm trợ của Mỹ không còn nữa [172]. Năm 1975, hòa lực yểm trợ mạnh mẽ của Mỹ không còn nữa khiến các chiến dịch của CS thành công. Chiến dịch là để đạt được mục tiêu chiến lược và mục tiêu chiến lược là cưỡng chiếm miền Nam. Trên bình diện chiến lược chính trị, hiệp định Paris đã lật ngược thế cờ, biến chiến thắng của QLVNCH thành thất bại. Đây lại là một vấn đề khác, có liên quan đến VNHC chứ không riêng quân khu 4 nên sẽ không được bàn luận xa hơn vì đã ra khỏi phạm vi của bài viết này.

Tháng 11/1788, quân Mãn Thanh gồm 4 đạo tràn sang xâm lược VN. Trước thế mạnh của giặc, Ngô Văn Sở theo chiến thuật của Ngô Thì Nhậm và được sự chấp thuận của vua Quang Trung, đã từ biên giới lui binh về Hà Nội rồi tiếp tục lui về Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình để lập phòng tuyến ngăn giặc, chờ viện binh. Nhận được tin cấp báo, Nguyễn Huệ đã phán: “Các ông đã biết nín nhục để tránh mũi nhọn của chúng, chia ra ngăn giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài thì làm cho giặc kiêu căng. Kế ấy rất đúng”.

Tương tự như vậy, năm 1972, QLVNCH phải tạm thời lui binh về lập phòng tuyến bên bờ sông Mỹ Chánh để chờ viện binh. Những gì xảy ra sau đó cho thấy lịch sử đã được lặp lại. Chiến thắng mùa xuân năm Kỷ Dậu 1789 là một trong những chiến thắng chống ngoại xâm to tát nhất của quân sự VN. Các cấp lãnh đạo quân đội CSBV đã mong muốn lập lại chiến thắng này nên mới đặt tên cho một trong những chiến dịch của cuộc TCK năm 1972 là chiến dịch Nguyễn Huệ. Tuy nhiên họ lại quên rằng đây là chiến thắng quân xâm lược Bắc phương và bây giờ đây, họ cũng ở vào vị trí từ miền Bắc tràn vào miền Nam nước Việt. Cầu phao trên sông Hồng đã đánh dấu sự thảm bại của đoàn quân Tôn Sĩ Nghị thì dòng sông Thạch Hãn của tỉnh Quảng Trị cũng đã chấm dứt cuộc xâm lăng của quân đội CSBV trong mùa hè năm Nhâm Tý.

Nguyễn Đức Phương

Viết xong tại Anh-Cát-Lợi
Xuân Nhâm Thìn (2012)

[1] General Staff of the Armed Forces of the USSR Main Intelligent Directorate, Report by the Deputy Chief of the General Staff of VNA, General Tran Van Quang "On the Results of the Offensive Actions in South Vietnam and Challenges of Future Armed Struggle" to a session of the Politburo CK Partiya Trudovo Vietnam on June 26, 1972, trang 10. Trong khi đó, tình báo Mỹ cho rằng khi hiệp định Paris được ký kết, CS có tất cả 15 sư đoàn với quân số tổng cộng là 219 000 người tại miền Nam (Col. W E Le Gro, Vietnam from Cease Fire to Capitulation, tài liệu đã dẫn trước, trang 30).

[2] Thượng tá Trần Phấn Trán & Trung tá PTS Đinh Thu Xuân, Lịch Sử Quân Giới Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ (1954-1975), trang 338; nxb QĐND, Hà Nội, 1998.

[3] General 1972-3 MAC-V CMD History, trang 97; item No. 168300010829, <http://www.virtual-archive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb>, 19/2/2012.

[4] S Tzu, The Art of War, trang 84; S B Griffith dịch thuật, Oxford University Press, 1963.

[5] General 1972-3 MAC-V CMD History, tài liệu đã dẫn trước, trang 64, 97 & 100. Tình báo Mỹ sai lầm khi cho rằng sư đoàn 5 gồm có 3 trung đoàn là 6, 174 và 275 (Col. W E Le Gro, Vietnam from Cease Fire to Capitulation, tài liệu đã dẫn trước, trang 30).

[6] Trung tướng, Giáo sư, Tiến sĩ Hoàng Phương & Đại tá Nguyễn Văn Minh, Lịch sử Quân sự Việt Nam - Tập 11 - Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, nxb CTQG, Hà Nội, 2005.

[7] Thượng tướng Hoàng Cầm, Chặng đường Mười Nghìn Ngày, trang 266; nxb QĐND, Hà Nội, 2001.

[8] Trung tướng Lê Văn Tường, Con Đường Tôi Đã Chọn, trang 250; nxb QĐND, Hà Nội, 2006.

- [9] Thượng tá Trần Phần Trần & Trung tá PTS Đinh Thu Xuân, Lịch Sử Quân Giới Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ (1954-1975), tài liệu đã dẫn trước, trang 363.
- [10] Đại tá Trần Bá Điền, Chủ biên, Lịch Sử Sư Đoàn Bộ Binh 8 Quân Khu 9 (1974-2000), trang 16; nxb QĐND, Hà Nội, 2002.
- [11] W E Legro Collection, Units, Strengths, and Locations in Military Regions (07 January 1975; Item No. 13370146001, [http:// www.virtualarchive.vietnam.ttu.edu /starweb /virtual /vva /servlet.starweb](http://www.virtualarchive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb), 4/4/2012.
- [12] Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Hồi Ức, Đại tướng Lê Đức Anh, Trên Chiến trường Đánh Cho Mỹ Cút, Đánh Cho Ngụy Nhào, tài liệu đã dẫn trước, trang 226.
- [13] Đại tá, thạc sĩ Phạm Vĩnh Phúc & nhiều người khác, Tóm Tắt Các Chiến Dịch Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước (1954-1975), trang 339-340; nxb QĐND, Hà Nội, 2001.
- [14] Đại tá, thạc sĩ Phạm Vĩnh Phúc & nhiều người khác, Tóm Tắt Các Chiến Dịch Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước (1954-1975), Tiểu chú 1, trang 339, tài liệu đã dẫn trước.
- [15] Một trung đoàn pháo binh của CS có khoảng 16 đại liên phòng không DShK 12.7 ly và 14.5 ly, 27 đại bác 37 ly.
- [16] Trong chiến tranh, tên ấp Cá Vàng thuộc quận Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong được cả hai phía sử dụng do bản đồ của Mỹ in sai. Ngày hôm nay, tên đúng là ấp Cà Vàng, huyện Tân Hồng thuộc tỉnh Đồng Tháp.
- [17] Ban Chỉ Đạo và Ban Biên Tập Truyền Thống Tây Nam Bộ, Tây Nam Bộ 30 Năm Kháng Chiến (1945-1975), trang 676-693, TP/HCM, tháng 12/2000.
- [18] Phóng sự - Ký sự, Người lính già đi tìm đồng đội; [http:// nhantimdongdoi.org /?mod=chitiet&sub cate=25&id=3730](http://nhantimdongdoi.org/?mod=chitiet&sub cate=25&id=3730), 1/4/2012.
- [19] Đại Tướng Hoàng văn Thái, Mấy Vấn Đề Chỉ Đạo và Chỉ Huy Chiến Dịch, trang 590; Đại tá Kiều Bách Tuấn & Trung úy Bùi Thu Hương, Đại Tướng Hoàng Văn Thái Tổng Tập, nxb QĐND, Hà Nội, 2007.
- [20] Đại Tướng Lê Trọng Tấn, Mấy Vấn Đề về Tác Chiến Phòng Ngự, trang 350-362; Đại tá Kiều Bách Tuấn & Trung úy Bùi Thu Hương, Đại Tướng Lê Trọng Tấn Tổng Tập, nxb QĐND, Hà Nội, 2007.
- [21] Trận đánh được coi là tiền đề của loại hình chiến dịch tổng hợp là trận đánh căn cứ Đak-Hà (Toumorong) thuộc quận Đak-Tô, tỉnh Kon Tum, kéo dài từ ngày 30/8 đến ngày 2/9/1961. Đây là trận đánh diệt viện của tiểu đoàn bộ binh 90, đại đội đặc công 406 và phân đội học viên trường quân chính quân khu 5 VC. Căn cứ cách Đak-Tô khoảng 14 km, nằm ở cuối TL-610 từ ngã ba Kon Bring trên QL-14 đi vào Đak-Hà, phía bắc thị xã Kon Tum, do một đại đội ĐPQ trấn giữ. Ngày 2/9, VC phục kích hai tiểu đoàn QLVNCH từ Đak-Tô đến cứu viện. Được xem là tổng hợp vì có mục đích hỗ trợ phá áp chiến lược và khu dinh điền trên địa bàn của 28 ấp trong vùng Đak-Hà, Măng Đen (quận Kon-Plong bây giờ), Măng Buk (tại ranh giới giữa hai quận Kon-Tum thuộc tỉnh Kon-Tum và quận Sơn Hà của tỉnh Quảng Ngãi) và Gia Vực.
- [22] Đại Tướng Hoàng văn Thái, Mấy Vấn Đề Chỉ Đạo và Chỉ Huy Chiến Dịch, tài liệu đã dẫn trước, trang 590-591.

[23] Jean-Marc Le Page, Le Tonkin, laboratoire de la «pacification» en Indochine ?, trang 116-125; số 248, Revue historique des armées, 2007.

[24] Đại Tướng Lê Trọng Tấn, Mấy Vấn Đề về Nghệ Thuật Chiến Dịch Tiên Công, tài liệu đã dẫn trước, trang 327.

[25] Quân đoàn đầu tiên là quân đoàn 1 hay binh đoàn Quyết Thắng được quân đội CSBV cho thành lập theo quyết định số 124/QĐ-QP ngày 24/10/1973.

[26] Một ngày sau khi hiệp định Paris được ký kết, Tổng thống Thiệu tuyên bố tại Sài Gòn, quan điểm của chính phủ VNCH gồm 4 điểm :

- Không liên hiệp với CS
- Không thương lượng với CS
- Không được hoạt động cho CS
- Không nhường đất cho CS.

[27] Tỉnh Xoài Riêng của Campuchia cũng có thị trấn (Phum) cùng tên Kampông Trach, nằm cách biên giới Việt - Campuchia khoảng 9 km về phía tây, quận Phước Ninh của tỉnh Tây Ninh và cách tỉnh lỵ Xoài Riêng 9 cây số về phía bắc.

[28] Thời Pháp thuộc, tỉnh Kampôt gồm có 4 quận là Kampot, Kompong Som, Trang và Kong Pisey. Tỉnh lỵ lúc bấy giờ chỉ có 2 500 dân. Những thị trấn có tập trung dân đông đúc lúc bấy giờ là Kompông Trach, Tonhon, Tani, Túc Mía và Kép. Kompông Trach nằm trên một dòng sông nhỏ và do người Trung Hoa thành lập trước khi Pháp xâm chiếm nước Cao Miên. Họ canh tác tiêu và nơi đây trở thành một trung tâm mua bán nông sản này. Tonhon cũng là một thị trường mua bán tiêu, nằm cách Kompông Trach khoảng vài km về phía đông, trên giao lưu của sông Potassy và rạch Giang Thành. Rạch Giang Thành chảy vào kinh Vĩnh Tế, nối liền Hà Tiên và Châu Đốc. Dân chúng Tonhon gồm người Hoa làm nghề đánh bắt thủy sản và người Việt buôn bán. Túc Mía là quận lỵ của quận Banteay Meas. Tani cũng là một thị trấn mà dân cư trú đa số là người Hoa, trồng tiêu trong vùng chung quanh. Lúc bấy giờ, Kép chỉ là một cảng nhỏ, từ đây các phu khuân vác người Hoa chuyên vận tiêu từ các vựa xuống tàu.

Việt Nam cai trị Kampôt cho đến năm 1840 nhưng để cho người Miên vùng Kompông Som được tự trị. Cũng chính người Việt xây dựng con đường dẫn từ Hà Tiên đến làng Svai, gần Kompông Som đi ngang qua Kampôt.

Năm 1841, 3 000 người Miên do Oknha Mau lãnh đạo nổi dậy tại Kampôt. 200 quân VN tại Hà Tiên bị bao vây trong khoảng 45 ngày và sau cùng phải lui binh về Châu Đốc vì không có viện binh, chấm dứt sự đô hộ từ đó (Kitigawa Takako, Kampot of the Belle Époque: From the Outlet of Cambodia to a Colonial Resort, trang 394-416; Southeast Asian Studies, tập 42, số 4, March 2005).

[29] Một nhà thám hiểm người Trung Hoa tên Tchéou Ta Kouan đã ghi nhận người Cao Miên trồng tiêu từ thế kỷ 13. Tuy nhiên việc canh tác chỉ phát triển nhiều thời vương triều Aceh của Indonesia (1873-1908). Người Nam Dương đã phá hủy các vườn tiêu để khởi loạt vào tay thực dân Hòa Lan trong hai năm 1873-1874 và di chuyển các vườn tiêu đến địa phận Kampôt. Khoảng đầu thế kỷ 20, mỗi năm sản lượng tiêu là 8000 tấn và hương vị tiêu được xem là tốt nhất thế giới. Một nhà nghiên cứu nổi tiếng của Pháp là G Maspéro trong quyển sách có tựa đề là "Đông Dương - Đế Chế Thuộc Địa Pháp" (Un Empire Colonial Français, l'Indochine), được nxb G Van Oest ấn

hành năm 1929, cho biết lúc ban đầu tiêu được trồng tại Hà Tiên và Kampôt nhưng dần dần về sau chỉ còn tồn tại trên đất Miên. Phẩm chất tốt của tiêu khiến hiện nay có nhiều hãng sản xuất tiêu giả nhân hiệu tiêu xuất xứ từ Kampôt. Từ năm 1975 cho đến cuối thế kỷ 20, việc trồng tiêu bị gián đoạn và canh tác chỉ bắt đầu trở lại từ đầu thế kỷ 21 khi giá tiêu trên thế giới tăng mạnh. Nhà hàng Olivier Roellinger nổi tiếng của Pháp đã quảng cáo thương hiệu tiêu Kampôt và bán sản phẩm trực tuyến trên trang nhà của họ. Michael Laskionis đã chế ra kem tiêu Kampôt cho nhà hàng Le Bernadin tại Nữ Ước. Tại Anh, Rick Stein của nhà hàng hải sản nổi tiếng vùng Padstow khen ngợi tiêu Kampôt.

[30] National Committee for Sub-National Democratic Development (NCDD), Kampot Data Book 2009, trang 12.

[31] Ý tưởng chọn Kép làm một vị trí thuận lợi để nghỉ mát bắt đầu có từ năm 1910 khi một thương gia người Pháp tên là Dupuis xin được phép của chính quyền thuộc địa để xây cất một biệt thự trên bãi biển này. Năm 1911, công sứ Pháp Outrey cử một phái đoàn đến khảo sát bãi biển để thiết lập một trung tâm nghỉ dưỡng. Năm 1915, Toàn quyền Albert Sarraut chấp thuận kế hoạch đề trình. Công trình được bắt đầu năm 1916 và hoàn tất năm 1917 (K Takako, Kampot of the Belle Époque: From the Outlet of Cambodia to a Colonial Resort, tài liệu đã dẫn trước).

[32] Người Pháp muốn thiết lập một cảng nước sâu trong vịnh Thái Lan để tránh phải đi xa khoảng 600 hải lý qua mũi Cà Mau ở phía nam, đồng thời làm dễ dàng cho quan hệ với Mã Lai và Singapore. Lý do chiến lược là một vị trí trong vịnh Thái Lan để đề phòng nếu có sự cố tại Đông Dương. Kampôt và Kampông Trach không thích hợp vì cửa sông không cho phép tàu lớn vào ra dễ dàng. Hà Tiên có quá nhiều cát bồi. Người Pháp cho rằng khi thiết lập hải cảng trong vịnh Ream sẽ thu ngắn hành trình từ Bangkok đến Sài Gòn được 40 giờ thay vì 4 ngày rưỡi lúc bấy giờ. Sau khi Pháp trả lại độc lập, cảng Ream trở thành hải cảng vương quốc Khmer. Năm 1959, Pháp giúp phát triển và cảng được đổi tên là Sihanoukville. Cảng được nối liền với Nam Vang bằng QL-4 do viện trợ của Hoa Kỳ (K Takako, Kampot of the Belle Époque: From the Outlet of Cambodia to a Colonial Resort, tài liệu đã dẫn trước).

[33] Sau năm 1975, Bộ chính trị đảng CS Khmer phân chia lại lãnh thổ, vùng 25 cùng với Nam Vang thuộc khu vực phía tây-nam với 5 quận là Kandal Steung (quận 153), Kien Svay (quận 16), Sa-ang (quận 20), Koh Thom (quận 18) và Leuk Dek (quận 14) (Huy Vannak, The Khmer Rouge Division 703: From Victory to Self-destruction, trang 6; The Document Center of Cambodia, 2003).

[34] K M Quinn, Political Change in Wartime: The Khmer Krahom Revolution in Southern Cambodia, 1970-1974, trang 19; Naval War College Review, Spring 1976.

[35] Lamson81, Tội ác Khơ me đỏ, #48; <http://quangngaionline.vn/qno/gioi/17382-toi-ac-kho-me-do-5.html>, 21/3/2012.

[36] Huy Vannak, The Khmer Rouge Division 703: From Victory to Self-destruction, tài liệu đã dẫn trước, trang 8.

[37] ThĐT thiết đoàn 12 là Trung tá Trần Ngọc Trúc, gồm 3 chi đoàn (Điện thư của cựu Trung tá Ngô Đức Lâm gửi cho tác giả ngày 3/11/2011) :

- Chi đoàn 1/12 với CĐT là Thiếu tá Ngô Đức Lâm
- Chi đoàn 2/12 với CĐT là Trung úy Nguyễn Chinh Phu
- Chi đoàn 3/12 với CĐT là Đại úy Nguyễn Ngọc Xung.

[38] Điện thư của cựu Trung tá Ngô Đức Lâm gửi cho tác giả ngày 4/11/2011.

[39] ThĐT thiết đoàn 16 là Trung tá Đoàn Kim Mậu, BCH thiết đoàn đặt tại Long Xuyên; gồm 3 chi đoàn (Điện thư của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 16/2/2012) :

- Chi đoàn 1/16 với CĐT là Đại úy Nguyễn Văn Răng đang hành quân trong vùng Thất Sơn, Châu Đốc
- Chi đoàn 2/16 với CĐT là Trung úy Nhan Văn Mụ, đang bảo vệ QL-4
- Chi đoàn 3/16 với CĐT là Đại úy Văn Hùng đang hoạt động tại căn cứ Neak Luong của CPC.

[40] Điện thư của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 6/1/2012.

[41] Tài liệu riêng của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 2/3/2012.

[42] Đại úy Xung, CĐT chi đoàn 3/12 bị thương và sau đó phải giải ngũ.

[43] Phi hành đoàn của chiếc trực thăng này gồm Thiếu úy Xuân (hoa tiêu trưởng phi cơ), Thiếu úy Thành (hoa tiêu phụ), xạ thủ tên Sĩ và cơ phi là Nguyễn Thiện Tư, thuộc phi đoàn 211 Thần Chùy. Trực thăng bị bắn rớt ngày 16/4/1972, phi hành đoàn được cứu thoát ngày hôm sau (Cali, Một ngày khó quên, Chuyện Đồi Lính, Trang 39, Dec 30 2007.

[44] Trung tá Xuân đã tự tử chết trong tù CS tại miền Bắc.

[45] Cải cách là danh hiệu truyền tin của Đại tá Cửa.

[46] Xung phong là danh hiệu truyền tin của Trung tá Xuân.

[47] ThĐT Thiết đoàn 2 là Trung tá Nguyễn Hữu An, sau đó thay thế bởi Thiếu tá Nguyễn Văn Việt Tân, gồm 3 chi đoàn (Điền Đông Phương, Trận Kompong Trach; <http://dongphuong54.blogspot.com/2011/11/p41.html>, 17/2/2012) :

- Chi đoàn 1/2 với CĐT là Đại úy Hà Văn Ron
- Chi đoàn 2/2 với CĐT là Đại úy Ngô Văn Cứ
- Chi đoàn 3/2 với CĐT là Đại úy Trương Văn Điền.

[48] Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 58 BĐQ là Đại úy Nguyễn Văn Mãng, khóa 20 TVBQG/VN. Ông được đi du học Hoa Kỳ sau đó và cấp bậc sau cùng là trung tá.

[49] Điền Đông Phương, Trận Kompong Trach; tài liệu đã dẫn trước.

[50] Danh hiệu truyền tin của Đại úy Trương Văn Điền.

[51] Tài liệu riêng của cựu Trung tá Ngô Đức Lâm gửi cho tác giả ngày 4/11/2011.

[52] Đỗ Sơn, Trận Kampong Trach 1972: Người Viết Đỗ Sơn Và Chuẩn Tướng Phạm Duy Tắt; <http://nguoivietboston.com/?p=3605>, 14/2/2012.

[53] C V Clausewitz, On War, trang 271; M Howard & P Paret hiệu đính và dịch thuật, Princeton University Press, New Jersey, 1989.

[54] Baron A H de Jomini, Art of War, trang 242; Lionel Laventhal Limited, London, 1992.

[55] General 1972-3 MAC-V CMD History Part 2, trang 63; item No. 168300010829, <http://www.virtualarchive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb>, 19/2/2012.

[56] Hai thượng nghị sĩ Mỹ là J S Cooper và F Church đệ trình một tu chính án mang tên hai ông với 3 điểm chủ yếu :

- Ngừng cung cấp tiền tài trợ cho các hoạt động quân sự cũng như cố vấn của Mỹ cho hai nước Lào và Campuchia sau ngày 30/6/1970.
- Cấm tất cả hoạt động không quân Mỹ trên không phận Campuchia nếu không có sự chấp thuận của quốc hội.
- Chấm dứt yểm trợ các hoạt động của QLVNCH ngoài lãnh thổ VNCH.

Tu chính án này là phụ bản của đạo luật về buôn bán quân dụng với nước ngoài (HR 15628) được thượng viện chấp thuận nhưng bị bác bỏ tại hạ viện.

Dự luật Cooper-Church được tu chính lần nữa thành đạo luật 91-652 và đã được lưỡng viện quốc hội biểu quyết chấp thuận ngày 25/12/1970, được chính thức áp dụng kể từ ngày 5/1/1971. Tuy nhiên không quân Mỹ vẫn tiếp tục các cuộc oanh tạc trên đất Campuchia đến năm 1973 mới chấm dứt.

[57] Điện thư của cựu Trung tá Ngô Đức Lâm gửi cho tác giả ngày 7/2/2012 xác nhận VC bắt đầu tấn công căn cứ ngày 22/3/1972. Như vậy, ông đồng ý với Trung tướng Trưởng (Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 144).

[58] Điện thư của cựu Thiếu tá Trương Văn Điền gửi cho tác giả ngày 28/1/2012.

[59] Cali, Một ngày khó quên, Chuyện Đồi Lính, tài liệu đã dẫn trước.

[60] Mạc Cửu hay Mạc Kính Cửu là người gốc Quảng Đông, rời bỏ Trung Hoa sang định cư tại Hà Tiên khoảng cuối thế kỷ 17 và có công khai phá, mở mang vùng đất này. Khu lăng mộ và đền thờ nhà họ Mạc tọa lạc dưới chân núi Bình San hay còn gọi là núi Lãng, thuộc phường Bình San, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Từ mộ Mạc Cửu trông ra, phía trước có núi Tô Châu và vũng Đông Hồ, lưng tựa vào vách núi hình vòng cung vững chãi, bên trái là núi Bát Giác, bên phải là núi Kim Dư.

[61] Hòn Phụ Tử là một thắng cảnh tại Ba Hòn thuộc xã Bình An, quận Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Hòn nằm trong vịnh Thái Lan, cách bờ biển Kiên Giang khoảng 500 m, phía nam núi Hòn Chông. Hòn Phụ, nhánh bên trái của hòn Phụ Tử đã bị đổ sập xuống biển vào tháng 8/2006.

[62] Nhà máy xi-măng Hà Tiên trực thuộc Bộ Kinh tế và gồm có hai cơ sở. Nhà máy sản xuất clinker (nghiền và nung luyện đá vôi với đất sét thành clinker) tại Hà Tiên với sản lượng ban đầu là 240 000 tấn/năm. Clinker được các xà-lan chở về nhà máy Thủ Đức để chế biến (nghiền, trộn và vô bao) thành xi-măng với nhãn hiệu kỳ lân rồi phân phối ra thị trường tiêu thụ. Nhà máy này nằm cạnh xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa và cách Sài Gòn 8 km. Sản lượng của cơ sở Thủ Đức là 280 000 tấn/năm.

Cơ sở tại Hà Tiên được bắt đầu xây dựng năm 1961 và được khánh thành ngày 21/3/1964. Nhà máy do hai công ty của Pháp là Venot PIC và Société des Dragages et de Travaux Publics thiết kế và xây dựng, tốn phí 15 triệu mỹ kim tiền viện trợ và 148 triệu đồng VN. Khu vực núi đá vôi tại địa phương được ước tính có khả năng cung cấp nguyên liệu làm clinker trong vòng 75 năm với sản lượng 300 000 tấn/năm. Tài liệu của các kỹ sư công nghệ VNCH lại cho rằng nhà máy xi-

măng Hà Tiên thuộc chương trình viện trợ văn hóa và kỹ thuật của Pháp, do kỹ sư và chuyên viên của công ty Five-Lille-Cail phụ trách xây dựng. Hệ thống điều khiển do công ty Honeywell cung cấp (Mai Xuân Thành, Xi Măng Hà Tiên, trang 28-31; Kỹ Sư Công Nghệ 1956-2006, San José, California). Honeywell là một công ty quốc tế, chuyên cung cấp sản phẩm và dịch vụ trong nhiều ngành công nghiệp như khai thác quặng mỏ, gaz và khí đốt, công nghiệp làm giấy, sản xuất điện năng và lọc dầu. Trong lãnh vực khai thác quặng mỏ, Honeywell nổi tiếng với kỹ thuật chế biến và hệ thống hóa qui trình sản xuất xi-măng.

Nếu để ý, người ta sẽ đọc thấy trên các bao xi măng Hà Tiên có in những chữ "xi măng Portland". Từ tiếng Anh này có nguồn gốc khá lâu đời. Portland là tên một bán đảo thuộc tỉnh Dorset ở phía tây-nam vương quốc Anh. Vào đầu thế kỷ thứ 19, người ta khám phá thấy đất đá miền này sau khi nghiền mịn sẽ trở thành một chất kết dính tự nhiên có màu xám xanh mà không phải qua chế biến, nung luyện gì cả. Vùng này xưa kia có nhiều núi lửa và đất đá ở đây chính là sản phẩm từ việc nung luyện xi măng tự nhiên từ xa xưa. Tuy nhiên, xi-măng tự nhiên này không được cứng chắc như xi-măng ngày nay do lẫn nhiều tạp chất và sự nung luyện của núi lửa không phải là một qui trình kỹ thuật hoàn chỉnh. Năm 1842, William Aspdin thiết lập qui trình chế tạo xi-măng đầu tiên tại Anh quốc. Do nguồn gốc từ xi măng thiên nhiên mà xi-măng nhân tạo thường được gọi là xi-măng Portland.

Năm 1969, sản lượng xi- măng nội địa là 180 000 tấn nhưng do nhu cầu phát triển, VN phải nhập cảng thêm 400 000 tấn, chưa kể 200 000 tấn dành riêng cho các công trình xây dựng của quân đội Mỹ tại VN.

Năm 1970, trước viễn ảnh hòa bình do giảm thiểu các hoạt động phá hoại của CS, chính phủ VNCH có kế hoạch thiết lập nhà máy xi-măng thứ nhì tại Cần Thơ với tổng phí 3 triệu 700 ngàn mỹ kim và 200 triệu đồng VN. Trong khi đó, cơ sở Thủ Đức tiến hành kế hoạch nâng cấp tốn 3 triệu mỹ kim và 247 triệu đồng VN để có thể gia tăng sản lượng lên 600 000 tấn.

Năm 1974, nhà máy xi-măng Hà Tiên đã ký thỏa ước tín dụng và hợp tác với hãng Polysius của Pháp để mở rộng nhà máy, nâng công suất thiết kế từ 300 000 tấn xi-măng/năm lên đến 1.3 triệu tấn xi- măng/năm.

Sau năm 1975, chính phủ CSVN yêu cầu Pháp tiếp tục giúp đỡ. Hợp đồng được ký kết năm 1977. Công suất 1.3 triệu tấn đạt được ngày 19/8/1986. Tháng 8/1992, hệ thống nghiền và đóng bao xi măng ngay tại Kiên Lương đã chính thức đi vào hoạt động, áp dụng dây chuyền sản xuất Clinker phương pháp khô.

Hiện Kiên Lương có 5 nhà máy xi măng với tổng sản lượng trên 2 triệu tấn/năm và các cơ sở khai thác đá vôi, đá xây dựng với sản lượng 250.000 m³/năm.

[63] Tuệ Chương Hoàng Long Hải, Hương Trầm Trà Tiên, tài liệu đã dẫn trước, trang 173.

[64] Đỗ Sơn, Trần Kampong Trach 1972: Người Viết Đỗ Sơn Và Chuẩn Tướng Phạm Duy Tắt, tài liệu đã dẫn trước.

[65] Người biết chuyện cho rằng điều kiện đặt ra do ảnh hưởng chính trị. Người Pháp đầu tư cũng như đang giúp điều hành hãng xi-măng nên đã làm áp lực chính phủ VNCH tránh làm hư hại tài sản, phương tiện sản xuất này.

[66] Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 148.

- [67] General 1972-3 MAC-V CMD History Part 2, trang 64; item No. 168300010829, <http://www.virtualarchive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb>, 19/2/2012.
- [68] Trần Kiến Quốc, Kỷ niệm sâu sắc đời bộ đội, 40 năm, Võ Nguyên Trọng bạn tôi trở về; <http://www.qdnd.vn/qdndsite/viVN/89/70/78/78/78/176505/Default.aspx>, 3/3/2012.
- [69] Điện thoại viễn liên với cựu Đại úy Phạm Văn Tiết ngày 15/3/2012.
- [70] Tài liệu riêng của cựu Thiếu tá Trương Văn Điền gửi cho tác giả ngày 28/1/2012.
- [71] Ban Chỉ Đạo và Ban Biên Tập Truyền Thống Tây Nam Bộ, Tây Nam Bộ 30 Năm Kháng Chiến (1945-1975), tài liệu đã dẫn trước, trang 684-686.
- [72] Trần Kiến Quốc, Sau 40 năm, Võ Nguyên Trọng trở về đất mẹ (KQ); <http://dvhnn.org.vn/index.php?language=vi&nv=news&op=savefile>, 2/1/2012.
- [73] Tình báo Mỹ đánh dấu là mật khu 470, VNCH gọi là mật khu Trí Pháp, VC đặt tên là vùng 4 Kiến Tường, với những địa danh nổi tiếng trong chiến tranh như Nhơn Ninh, Phụng Thót, kinh Bùi, kinh Ba, v.v. nằm trong Đồng Tháp Mười. Đây là vùng đất trũng ngập nước, trải rộng trên địa bàn của ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp bây giờ. Đồng Tháp Mười nằm giữa hạ lưu sông Cửu Long, phía bắc giáp nước Campuchia, phía tây-nam là Tiền giang, phía đông và đông-bắc giáp sông Vàm Cỏ Đông. Diện tích là 6 060 km², chiếm khoảng 18% diện tích của đồng bằng sông Cửu Long.
- [74] The Camps; <http://www.thespecialforce.com/Camps/camps.htm>, 25/1/2012.
- [75] Đơn vị Trinh sát Tỉnh (Provincial Reconnaissance Unit hay PRU) do Mỹ tổ chức tại các tỉnh, nhân sự của mỗi toán thường không quá 100 người. PRU có nhiệm vụ thu thập tin tức tình báo, phối hợp với Trung tâm Điều hợp Tình báo và Hành quân Phương Hoàng (Phuong Hoang Intelligence and Operations Coordination Center hay IOCC), thẩm vấn các mật báo viên, hồi chánh viên hay tù binh để tổ chức các cuộc đột kích tiêu diệt hạ tầng cơ sở của VC.
- [76] Lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An (1930-2000), Chương VII - Đảng Bộ Kiến Tường Lãnh Đạo Nhân Dân Trong Tỉnh Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước (1957-1975), nxb Chính Trị Quốc Gia, 2005; http://123.30.190.43:8080/tiengviet/tulieuvankien/tulieuedang/details.asp?topic=168&subtopic=5&leader_topic=79&id=BT30111155695, 22/1/2012.
- [77] Lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An (1930-2000), Chương VII - Đảng Bộ Kiến Tường Lãnh Đạo Nhân Dân Trong Tỉnh Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước(1957-1975), tài liệu đã dẫn trước.
- [78] Thiên Lôi, Những Kỷ Niệm với Niên Trưởng 78; <http://www.bietdongquan.com/baochi/munau/so20/nhungkyniem.htm>, 21/1/2012.
- [79] Col. W E Le Gro, Vietnam from Cease Fire to Capitulation, tài liệu đã dẫn trước, trang 93.
- [80] Trung úy Lê Ngọc Danh, Những Dòng Tâm Tư; http://www.nguyenkhoanam.com/tam_tu8.html, 22/1/2012. Thiếu tướng Nam thay Tướng Nghi trong chức vụ Tư lệnh quân đoàn 4 từ ngày 30/10/1974.
- [81] Thượng tướng Trần Văn Trà, Kết Thúc Cuộc Chiến Tranh 30 Năm, trang 594; nxb QĐND, Hà Nội, 2005.

[82] Lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An (1930-2000), Chương VII - Đảng Bộ Kiến Tường Lãnh Đạo Nhân Dân Trong Tinh Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước(1957-1975), tài liệu đã dẫn trước.

[83] Sư đoàn bộ binh 5 chủ lực Miền, được thành lập ngày 23/11/1965 tại Bà Rịa. Biên chế lúc đầu có trung đoàn 4 (trung đoàn Đồng Nai) bộ đội chủ lực quân khu 7 và trung đoàn 5, vừa được tổ chức từ một số đơn vị bộ đội địa phương của các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

[84] Đại tá Trần Phấn Chấn, Chủ biên, Lịch Sử Công Tác Đảng Công Tác Chính Trị Lực Lượng Vũ Trang Quân Khu 7 (1945-2000), trang 297; nxb QĐND, Hà Nội, 2004.

[85] VC gọi vị trí của trại LLĐB là đồi Măng-Đa. Bây giờ khu vực này là thị trấn Vĩnh Hưng.

[86] Đại tá, thạc sĩ Phạm Vĩnh Phúc & nhiều người khác, Tóm Tắt Các Chiến Dịch Trong Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước (1954-1975), trang 342; nxb QĐND, Hà Nội, 2001.

[87] Võ Trần Nhã, Chủ biên, Gởi Người Đang Sống- Lịch Sử Đồng Tháp Mười, tài liệu đã dẫn trước, trang 401-402.

[88] Lê Ngọc Danh, Hồi Ký Của Sĩ Quan Tùy Viên, trang 284-285; Nguyễn Mạnh Trí tổng hợp, Nguyễn Khoa Nam, Hội Phát Huy Văn Hóa Việt Nam ấn hành, California, 2001.

[89] Trung tá Mạnh là Trung đoàn phó trung đoàn 10, sư đoàn 7 BB.

[90] Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 149-150.

[91] Đại tá Lê Hải Triều, Chủ biên, Biên Phòng Việt Nam, trang 507; nxb QĐND, Hà Nội, 2006.

[92] Nguyễn Tấn Quốc, Di tích lịch sử Đồn Long Khốt - Niềm tự hào của Bộ đội biên phòng Long An; [http:// www.longan.gov.vn /chinhquyen /sovhtt /Pages /DonLongKhot.aspx](http://www.longan.gov.vn/chinhquyen/sovhtt/Pages/DonLongKhot.aspx), 23/1/2012.

[93] Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 150-151.

[94] Các phi cơ Mỹ bay đến yểm trợ ngày 8/8, báo cáo đã phá hủy được 14 chiến xa của CS chung quanh Kampông Trabek (J H Willbanks, Vietnam War Almanac, trang 413; Facts on File, Inc., New York, 2009).

[95] Vương Khả Sơn, Ký Ức Chiến Tranh, trang 64-65; nxb Thanh Niên, 2006.

[96] B-52 oanh tạc ngày 22/2/1972.

[97] Kb. Điền Đông Phương, Trận Kompong Trabek 1972; [http://baovecovang.wordpress.com/2012/03/14 /diendongphuong_kompongtrabek](http://baovecovang.wordpress.com/2012/03/14/diendongphuong_kompongtrabek) 1972, 23/3/2012.

[98] Hỏa tiễn chống chiến xa 9K11 Malyutka-2 do Phòng Thiết kế Chi tiết Máy Kolomna của Nga đưa ra vào cuối năm 1962 và được trang bị cho Hồng quân Nga từ năm 1963. Đây là hệ thống thuộc thế hệ 1 của hỏa tiễn điều khiển thủ công quan trắc mục tiêu (Manual Command to Line of Sight hay MCLOS). Hỏa tiễn được nối liền với bộ phận điều khiển bằng dây. Hiện nay đã được thay thế bởi thế hệ thứ nhì, điều khiển bán tự động quan trắc mục tiêu (Semi-Automatic Command to Line of Sight hay SACLOS). Nga đã cải biến AT-3 thành biến dạng 9M14P trong khi Trung quốc có biến dạng mang tên Hồng Tiễn 73C; cả hai đều sử dụng kỹ thuật SACLOS.

Hỏa tiễn được các nước phương Tây đặt tên là AT-3 Sagger trong khi quân đội CSBV gọi là B-72 hay còn có tên là pháo lữ. Hỏa tiễn dài 860 ly với đường kính là 125 ly trọng lượng 2.6 kg và nặng 10-12 kg với dàn phóng. Với tầm tác xạ hiệu dụng là 500-3000 m, AT-3 có khuyết điểm lớn vì không điều khiển được khi khoảng cách ngắn hơn 500 m. Yếu điểm thứ nhì là thời gian bay đến mục tiêu khoảng 30 giây, tương đối chậm khiến mục tiêu có đủ thời gian phản ứng.

Ngày 23/4/1972, đại đội 15 thuộc trung đoàn 84, sư đoàn 308 lần đầu tiên sử dụng AT-3 phá hủy một chiến xa M-48A3 của thiết đoàn 20 CX tại Đông Hà (Đại tá Nguyễn Đình Thạnh & nhiều người khác, Lịch Sử Pháo Binh Quân Đội Nhân Dân (1945-1975), trang 289; nxb QĐND, Hà Nội, 1991). QLVNCH đã tìm ra những phương cách giải trừ hiệu quả của AT-3 ngay sau đó.

[99] Vương Khả Sơn, Ký Ức Chiến Tranh, tài liệu đã dẫn trước, trang 54-55.

[100] Lê Ngọc Danh, Trận Đánh Compongrou-Kampuchea Của Tiểu Đoàn 1/10, tài liệu đã dẫn trước, trang 248-253.

[101] VC sử dụng trung đoàn 2 thuộc sư đoàn 5 và tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 271 trong trận đánh này nhưng lại cho rằng đã đánh thiệt hại tiểu đoàn 3/10 (Đại tá, PGS, TS. Hồ Khang, Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, Tập 7, tài liệu đã dẫn trước).

[102] J H Willbanks, Vietnam War Almanac, tài liệu đã dẫn trước, trang 40.

[103] Tài liệu riêng của cựu Trung tá Ngô Đức Lâm gửi cho tác giả ngày 3/11/2011.

[104] Tài liệu riêng của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 25/10/2011.

[105] Tài liệu riêng của một cựu sĩ quan thuộc thiết đoàn 9 gửi cho tác giả ngày 30/1/2012.

[106] Tài liệu riêng của cựu Thiếu tá Trương Văn Điền gửi cho tác giả ngày 28/1/2012.

[107] Senior Officer Debriefing Report: Col. Edwin W. Chamberlain Jr., Senior Advisor, 44th Special Tactical Zone 5 July 1972 - 28 January 1973; Department of the Army, Office of the Adjutant General, Washington, D.C., 10 May 1973.

[108] General 1972-3 MAC-V CMD History Part 2, trang 65; item No. 168300010829, <http://www.virtualarchive.vietnam.ttu.edu/starweb/virtual/vva/servlet.starweb>, 19/2/2012.

[109] Điện thư của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 6/1/2012.

[110] Tài liệu riêng của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 2/3/2012.

[111] Điền Đông Phương, Trận Kompong Trach, tài liệu đã dẫn trước.

[112] Điện thư của cựu Thiếu tá Trương Văn Điền gửi cho tác giả ngày 5/3/2012.

[113] Điện thoại viễn liên với cựu Đại úy Phạm Văn Tiết ngày 15/3/2012.

[114] Điện thoại viễn liên với cựu Thiếu tá Trương Phước Hiệp ngày 25/3/2012.

[115] Đặng Phong, 5 đường mòn Hồ Chí Minh; nxb Tri Thức, 2008.

[116] Thượng tá Phan Văn Nhờ (tức Tư Mau), quê ở xã Long Điền, Giá Rai, Bạc Liêu. Ông theo Việt Minh chống Pháp và hoạt động tại Bến Tre. Từ năm 1960, Tư Mau được giao nhiệm vụ tổ

chức vận chuyển vũ khí từ miền Bắc vào Nam bằng đường biển. Năm 1972, do hải quân Việt và Mỹ kiểm soát quá chặt chẽ, Tư Mau phải đứng ra thành lập Công ty vận chuyển công khai mang tên Công ty Việt Long (đơn vị Đ731 của VC). Ông mua 4 chiếc tàu (số đăng ký tại Sài Gòn là SG-66, SG-67, SG-158 và SG-159) để vận chuyển vũ khí, thuốc men và 3 chiếc khác (hai với số đăng ký tại Vũng Tàu là VT-235, VT-254 và một đăng ký tại Kiên Giang số KG-2674) chuyên vận tải đường biển để nguy trang che mắt phía quốc gia. Công ty còn ra Biên Hòa đóng thêm 2 tàu có công suất 500 mã lực, trọng tải 120 tấn gắn máy lạnh và tổ chức 10 kho giấu vũ khí, hàng hóa ngay tại Sài Gòn. Năm 1974, một cán bộ VC là Nguyễn Văn Rót (Ba Tam) làm công nhân trong hãng tàu ra hồi chánh đã điềm chỉ cho cơ quan an ninh VNCH nhận dạng được Phan Văn Nhờ. Khoảng 100 VC và nhiều công nhân của hãng tàu Việt Long bị bắt giữ, cơ sở tại Sài Gòn và nhiều tàu bè bị tịch thu. Do đó, Tư Mau phải trốn ra miền Bắc và vào bệnh viện Trung ương Quân đội 108 để cải dạng. Nhờ đó Tư Mau vẫn dấu được tung tích mặc dù đã bị lực lượng an ninh của VNCH bắt giữ thêm hai lần nữa khi xâm nhập trở lại miền Nam sau cuộc phẫu thuật.

Trong 15 năm làm nhiệm vụ trên các tàu không số xâm nhập VNCH bằng đường biển, Tư Mau tổ chức vận chuyển được 37 chuyến hàng với 600 tấn vũ khí, thuốc men và dụng cụ y tế. Tháng 8 năm 1985, Tư Mau được tuyên dương anh hùng LLVT nhân dân lúc 60 tuổi và khi đang giữ chức vụ Thường vụ Tỉnh ủy, Phó chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang (Tô Kiều Thắm, Những con đường huyền thoại; <http://www.qdnd.vn/qdndsite/vi-VN/61/164467/print/Default.aspx>, 28/3/2012).

[117] Phạm Duy Dương, Chủ biên, Từ Điện Biên Phủ tới Sài Gòn - Nghệ Thuật Toàn Thắng, tài liệu đã dẫn trước, trang 338-339.

[118] Tài liệu riêng của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 2/3/2012.

[119] Đại tá TS Nguyễn Mạnh Hà, Tại sao Pháp chọn Điện Biên Phủ ?, trang 73; Phan Ngọc Liên, Chiến Thắng Lịch Sử Điện Biên Phủ Toàn Thư, nxb Từ Điền Bách Khoa, TP/HCM, 2004.

[120] Đại bác 75 ly nặng 653 kg nhưng có thể tháo rời thành 6 bộ phận có trọng lượng từ 73 kg đến 107 kg. Kích thước : dài 3.68 m, bề ngang 1.22 m, cao 0.94 m; xạ tốc là 3-6 đạn/phút, vận tốc đạn là 381 m/giây. Sơn pháo do Mỹ chế tạo trong thập niên 20 của thế kỷ 20 và viện trợ cho ba nước Anh, Trung Hoa và Pháp trong chiến tranh thế giới thứ II. Việt Minh và VC sau đó nhận được các sơn pháo này từ hai nguồn. CS Trung Hoa chiếm của quân đội Tưởng Giới Thạch rồi chuyển cho CSVN. Một số chiếm được của quân đội Pháp trong chiến tranh Đông Dương. Những sĩ quan VN đã từng phục vụ trong quân đội Liên hiệp Pháp thường gọi là canon soixante quinze (đại bác 75).

[121] Đại liên DShK thường được gọi là đại liên 12.8 ly để phân biệt với đại liên .50 (12.7 ly) mà QLVNCH đang sử dụng. VC cho rằng họ bắt đầu sử dụng đại liên này từ năm 1965 (Đặng Phong, 5 đường mòn Hồ Chí Minh, tài liệu đã dẫn trước).

[122] Điện thư của cựu Thiếu tá Nguyễn Văn Răng gửi cho tác giả ngày 7/2/2012.

[123] Lê Ngọc Danh, Trần Đánh Compongrou - Kampuchea Của Tiểu Đoàn 1/10; http://www.nguyenkhoanam.com/tran_danh_cua_tieu_doan_1_10.html, 12/1/2012.

[124] Trần Thy Vân, Anh Hùng Bạt Mạng - Trận hỏa thiêu, tác giả tái bản lần thứ tư, California, 2010.

[125] Major General Nguyen Duy Hinh, Vietnamization and the Cease-Fire, trang 175-176; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., 1976.

[126] Phan Nhật Nam, Dấu Binh Lửa, trang 52; tác giả hiệu đính, sửa chữa và tái bản, Texas, 1995.

[127] Cali, Tản mạn về Tướng Ngô Quang Trưởng và Nguyễn Khoa Nam, Chuyện Đồi Lính, trang 25, Feb 04 2009; [http:// www.similarsites.com /goto /canhthep.com](http://www.similarsites.com/goto/canhthep.com), 18/2/2012.

[128] Đỗ Sơn, Trần Kampong Trach 1972: Người Viết Đỗ Sơn Và Chuẩn Tướng Phạm Duy Tắt; [http://nguoivietboston.com /?p=3605](http://nguoivietboston.com/?p=3605), 10/1/2012.

[129] Trần Thy Vân, Anh Hùng Bạt Mạng, tài liệu đã dẫn trước.

[130] Ngô Quang Trưởng, Vì sao tôi bỏ Quân Đoàn I ?; [http:// quanvan.net /index.php?view=story& subjectid=26805](http://quanvan.net/index.php?view=story&subjectid=26805), 7/3/2012.

[131] Mũ Xanh Phạm Vũ Bằng, Trình Tổng Thống ... Tôi Quyết Định Theo Tình Hình, trang 113-124; Đặc San Sóng Thần, 2011.

[132] Đại tá Võ Công Luận & Đại tá Trần Hạnh, Mấy Vấn Đề về Tổng kết Chiến Tranh và Viết Sử Quân Sự (Những Bài Nói và Viết Chọn Lọc của Đại Tướng Hoàng Văn Thái - Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng từ năm 1980 - 1986), trang 307-308; Viện Lịch Sử Quân Sự Việt Nam xuất bản, Hà Nội, 1987.

[133] Lieutenant General Sak Sutsakhan, The Khmer Republic at War and the Final Collapse, tài liệu đã dẫn trước, trang 81.

[134] Học thuyết không gian sinh tồn (Lebensraum) do Hitler đề xướng làm chủ thuyết cho đảng Phát-xít Đức. Theo đó, người Đức là giống dân ưu việt do đó cần có thêm đất đai và nguyên liệu để phát triển. Tương tự như vậy, Mussolini cũng có một không gian sinh tồn cho Ý là spazio vitale. Việt Nam cho đó là chủ nghĩa bành trướng bá quyền nhưng khi quân đội CSVN chiếm đóng Nam Vang thì lại cho rằng họ làm nghĩa vụ quốc tế.

[135] Điện thư của cựu Đại tá Trần Văn Toàn gửi cho tác giả ngày 24/1/2012.

[136] The Soviet Army: Operations and Tactics, Withdrawal, trang 6-10 & 6-11; FM 100-2-1, Headquarters Department of the Army, Washington, DC, 16 July 1984.

[137] Câu chuyện hiềm khích này được cho là bắt đầu từ thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Tổng Thống Phủ có lữ đoàn liên binh phòng vệ, trong đó có một chi đoàn thiết giáp. Lúc bấy giờ, ông Cửa mang cấp bậc đại úy, làm dưới quyền ông Xuân và có quờ phạt giữa hai người, dĩ nhiên phải là quân lệnh giữa thượng cấp và thuộc cấp. Kiến ăn cá và bây giờ khi có dịp thì ngược lại.

[138] Điện thư của cựu Trung tá Ngô Đức Lâm gửi cho tác giả ngày 13/3/2012.

[139] Điện thư của cựu Trung tá Ngô Đức Lâm gửi cho tác giả ngày 12/3/2012.

[140] A J Rotter, Chủ biên, Light at the End of the Tunnel, A Vietnam War Anthology, trang 226; nxb Scholarly Resources Inc., Delaware, USA, 1999.

[141] Nã-Phá-Luân được cho là tác giả của hai câu nói trên : Une armée marche à son estomac hay C'est la soupe qui fait le soldat (Windsor Magazine, trang 268, January 1904).

[142] Trần Quang Khôi, Cuộc Phản Công Chớp Nhoáng của Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh ở Đức Huệ, trang 120-132; Chiến Sĩ Cộng Hòa, số 3 Bộ Mới, 18/1/2009.

[143] General D A Starry, Mounted Combat in Vietnam, tài liệu đã dẫn trước, trang 219.

[144] Kb NguySaigon, Kompong Trach: Ai Đúng, Ai Điều?; <http://baovecovang.wordpress.com/2012/02/04/kompong-trach-ai-dung-ai-dieu-kb-nguysaigon>, 22/2/2012.

[145] Joint Publication 3-0, Joint Operations, trang I-12, tài liệu do TMT Liên quân Mỹ ấn hành ngày 11/8/2011.

[146] Joint Publication 3-0, Joint Operations, tài liệu đã dẫn trước, trang II-4.

[147] Ba nguyên tắc căn bản của chiến tranh (Général de Division E Irastorza, Les principes de la guerre, référents fondamentaux, trang 10-12; Doctrine No. 07, Stratégie, "Opératique" et Tactique : La Place des Forces Terrestres, Centre de Doctrine d'Emploi des Forces, 21 Décembre 2005) :

- Tự do hành động
- Lực lượng kiệm ước
- Khối lượng.

[148] W R Baker, The Easter Offensive of 1972: A Failure to Use Intelligence; Military Intelligence Professional Bulletin.

[149] Trần Gia Phụng: Trò Chuyện với cựu Chuẩn tướng Vũ Văn Giai: năm 1972: Chuyển Quân Không Rút Lui; Vietnam History - Lịch Sử, Bài Đọc Thêm, http://www.vietlist.us/SUB_VietHistory/ChuanTuongVuVanGiai.shtml, 6/4/2012.

[150] Thượng Tướng - Giáo Sư - Nhà Giáo Nhân Dân - Giải Thưởng Hồ Chí Minh Hoàng Minh Thảo, Bàn Về Nghệ Thuật Quân Sự, trang 19; nxb CTQG, Hà Nội, 2007.

[151] Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Hồi ức, Đại tướng Lê Đức Anh, Trên Chiến trường Đánh Cho Mỹ Cút, Đánh Cho Ngụy Nhào, tài liệu đã dẫn trước, trang 225.

[152] Nguyễn Đức Phương, Nghệ Thuật Chiến Dịch & cuộc tổng tấn công của CS trong mùa hè năm 1972; <http://quocgiahanhchanh.com>.

[153] Một sĩ quan cao cấp của quân đội CSBV định nghĩa : NTCD là một bộ phận trong thể thống nhất và hoàn chỉnh của nghệ thuật quân sự, có quan hệ mật thiết với chiến lược và chiến thuật. Chiến lược qui định nhiệm vụ cho chiến dịch, chiến dịch phải phục tùng và thực hiện thắng lợi yêu cầu nhiệm vụ chiến lược, đồng thời NTCD chỉ đạo việc sử dụng các hình thức chiến thuật và mọi hành động chiến đấu của bộ đội để hoàn thành nhiệm vụ chiến dịch (Thượng tướng, Giáo sư Hoàng Minh Thảo, Tổng Chủ biên, Lịch Sử Công Tác Đảng - Công Tác Chính Trị Chiến Dịch Trong Kháng Chiến Chống Pháp và Chống Mỹ 1945-1975, trang 509; nxb QĐND, Hà Nội, 1998).

[154] Một sĩ quan cao cấp của quân đội CSBV định nghĩa : Chiến dịch là một hệ thống các trận đánh có liên quan với nhau theo một kế hoạch và sự chỉ huy thống nhất, diễn ra trong một không gian và thời gian nhất định nhằm đạt được một nhiệm vụ đã định (Đại tướng Văn Tiến Dũng, Chiến Tranh Nhân Dân Quốc Phòng Toàn Dân, trang 147-178, Tập Hai; nxb QĐND, Hà Nội, 1979).

- [155] Thượng tá Lê Huy Hòa, Chủ biên, Bách Khoa Tri Thức Quốc Phòng Toàn Dân, trang 509-510; nxb CTQG, Hà Nội, 2003.
- [156] M D Krause & R C Phillips, Chủ biên, Historical Perspective of the Operational Art, trang 13; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., 2005.
- [157] Joint Doctrine, Joint Force Employment, Operational Art, J-7 Operational Plans and Interoperability Directorate; [http:// www.dtic.mil](http://www.dtic.mil), 25/9/2006.
- [158] Hai chiều đầu tiên là hoành độ và tung độ của diện địa trong khi chiều thứ ba là không quân, trục thẳng của bộ binh và các vũ khí phòng không.
- [159] C V Clausewitz, On War, trang 595-596; M Howard & P Paret hiệu đính & dịch thuật, Princeton University Press, New Jersey, 1976.
- [160] Armée de Terre, Tactique Générale, trang X Préface; Editions Economica, Paris, 2008.
- [161] G P Gentile, A Strategy of Tactics: Population-centric COIN and the Army; trang 2; Tập 41, Số 4, Winter 2011-12.
- [162] D M Glantz, Operation Barbarossa - Hitler's Invasion of Russia 1941, trang 13-14; The History Press, 2011.
- [163] Joint Military Operations Historical Collection, trang IV-11, 15/7/1997.
- [164] L Johnson, Chủ biên, Book 47, Meiktila 1945 - The battle to liberate Burma, trang 17 & 23; Osprey Publishing Limited, 2011.
- [165] Điền Đông Phương, Trận Kompông Trach; tài liệu đã dẫn trước.
- [166] Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 144.
- [167] S Naveh, In Pursuit of Military Excellence; Frank Cass, London, 1997. Có thể tác giả quyển sách này đã dựa trên mô hình Weibull trong xác suất và lý thuyết liên kết yếu nhất (Weakest link theory). Theo đó, biến cố dựa trên tổng thể mà tổng thể chỉ có thể tồn tại tùy thuộc vào liên kết yếu nhất. Thí dụ một sợi dây thừng có thể bị đứt khi thớ yếu nhất bị hư hại hay tượng hình hơn nữa là dây xích sẽ đứt nếu có một mắt xích bị phá vỡ.
- [168] Thượng Tướng - Giáo Sư - Nhà Giáo Nhân Dân - Giải thưởng Hồ Chí Minh Hoàng Minh Thảo, Bàn Về Nghệ Thuật Quân Sự, tài liệu đã dẫn trước, trang 35-37.
- [169] Đại tá Lung sử dụng ba từ : tactics, campaign, strategy trong nguyên bản (Colonel Hoang Ngoc Lung, Strategy and Tactics, trang 125; U.S. Government Printing Office, Washington, D.C., 1980).
- [170] Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 159.
- [171] Đại tá, PGS, TS. Hồ Khang, Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, tài liệu đã dẫn trước.

[172] Khá lâu sau khi chiến tranh chấm dứt, một sĩ quan cao cấp của QLVNCH vẫn tin tưởng rằng nếu Mỹ tiếp tục yểm trợ hỏa lực thì CS không thể nào chiếm được VNCH năm 1975 (Lam Quang Thi, Hell in An Loc, trang 237; University of North Texas Press, 2009).

PHỤ LỤC

BẢNG 3 - CÁC TRUNG ĐOÀN CS HIỆN DIỆN TẠI QUẢN KHU 4 NĂM 1972

TÌNH BAO CỦA VNCH ⁶⁵		TÌNH BAO CỦA VNCH ⁶⁷		TÌNH BAO CỦA MỸ ⁶⁸		CHI TIẾT CỦA CSBV ⁶⁹		
TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	CẤP CHI HUY
Z15	Kiên Tường	Z15	Định Tường	88	Định Tường	88	Định Tường	QK8
ĐT1	Định Tường	ĐT1	"	Đông Tháp	Kiên Hòa	Đông Tháp	Kiên Hòa	QK8
		E1	"			1	Định Tường	QK8
		E2	Kiên Tường	320 (SD6)	Kiên Phong	320 ⁷⁰	Kiên Tường	QK8
		E3	Định Tường					
		Z18	Kiên Phong					
		24	Gò Công	24 (SD6)	Gò Công	24 ⁷¹ (C30b)	Gò Công	QK8
		42	Kiên Hòa			Đông Khởi ⁷²	Kiên Hòa	QK8
44	b/g Việt-Miền	44	b/g Việt-Miền			271 (C30b)	Kiên Tường	QK8
		207	"	207 (SD6)	Kiên Phong	207 (C30b)	"	QK8
		46	Kiên Giang					
52	b/g Việt-Miền			52 (SD1)	Kiên Giang	95C (SD1)	b/g Việt-Miền	Bộ TTL
101Đ	"			101Đ (SD1)	Châu Đốc	101C (SD1)	"	Bộ TTL
211	"			44 (SD1)	"	209 (SD1)	"	Bộ TTL

⁶⁵ Các trung đoàn CSBV bị phát giác tính đến ngày 1/4/1972 (Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 143).

⁶⁷ Các trung đoàn CSBV bị phát giác tính đến ngày 31/12/1972 (Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 156).

⁶⁸ Col. W E Le Gro, Vietnam from Cease Fire to Capitulation, tài liệu đã dẫn trước, trang 15.

⁶⁹ Tổng hợp, kiểm chứng từ các tài liệu của CS ẩn hành sau chiến tranh và đối chứng với ba cột 1-3.

⁷⁰ Thiệu tướng, Giáo sư, Tiến sĩ, Nhà giáo nhân dân Huỳnh Nghi, Trung Đoàn 320 Chặng Đường 30 Năm 1964-1994, trang 182; nxb QĐND, Hà Nội, 2001.

⁷¹ Có hai trung đoàn 24. Trung đoàn đầu tiên E24A xâm nhập vào Tây Nguyên và chiến đấu ở địa bàn này từ năm 1966 đến cuối năm 1971. Năm 1972, trung đoàn xuống miền đông Nam Bộ và ở lại đây cho đến năm 1975. Trung đoàn thứ hai E24B được tăng cường cho mặt trận B3 vào đầu năm 1972 và hành quân trong khu vực này cho đến năm 1975 (Nguyễn Phú Dũng, Phien-hieu-don-vi-KT và các đơn vị chiến đấu tại Mặt trận Tây Nguyên B3; <http://laodong.com.vn/Home/Phien-hieu-don-vi-KT-va-cac-don-vi-chien-dau-tai-Mat-tran-Tay-Nguyen-B3/200810/1092411.lao.dong.31/3/2012>).

⁷² Trung đoàn Đông Khởi được thành lập ngày 7/7/1972 gồm 3 tiểu đoàn 263, 516 và 590, hoạt động trong tỉnh Kiên Hòa (Đỗ Chung & Huỳnh Hữu Hận, Lịch Sử Đảng Bộ Tỉnh Bến Tre 1930-2000, trang 288; nxb CTQG, Hà Nội, 2003).

BẢNG 3 (tiếp theo) - CÁC TRUNG ĐOÀN CS HIỆN DIỆN TẠI QUẢN KHU 4 NĂM 1972

TÌNH BAO CỦA VNCH ⁷³		TÌNH BAO CỦA VNCH ⁷⁴		TÌNH BAO CỦA MỸ ⁷⁵		CHI TIẾT CỦA CSBV ⁷⁶		
TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	TRUNG ĐOÀN	VỊ TRÍ	CẤP CHI HUY
Đ1	Chương Thiện	Đ1	Phong Dinh	Đ1	Phong Dinh	1 ⁷⁷	Chương Thiện	QK9
Đ2	"	Đ2	"	Đ2	"	2	Bạc Liêu	QK9
Đ3	Vĩnh Bình	Đ3	Vĩnh Long	Đ3	Vĩnh Long	3	Vĩnh Long	QK9
95A	An Xuyên	95A	Chương Thiện	95A	Chương Thiện	10	An Xuyên	QK9
18B	Chương Thiện	18B	"	18B	"	20	Kiên Giang	QK9

⁷³ Các trung đoàn CSBV bị phát giác tính đến ngày 1/4/1972 (Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 143).

⁷⁴ Các trung đoàn CSBV bị phát giác tính đến ngày 31/12/1972 (Lieutenant General Ngo Quang Truong, The Easter Offensive of 1972, tài liệu đã dẫn trước, trang 156).

⁷⁵ Col. W E Le Gro, Vietnam from Cease Fire to Capitulation, tài liệu đã dẫn trước, trang 15.

⁷⁶ Tổng hợp, kiểm chứng từ các tài liệu của CS ẩn hành sau chiến tranh và đối chứng với ba cột 1-3.

⁷⁷ Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước, Hồi Ức, Đại tướng Lê Đức Anh, Trên Chiến trường Đành Cho Mỹ Cút, Đành Cho Ngụy Nhào, tài liệu đã dẫn trước, trang 226.

Nguồn: https://www.quocgiahanhchanh.com/quankhu_4_72_1.htm

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9400 TÁC PHẨM